

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP



Tòa nhà PV GAS Tower
673 Nguyễn Hữu Thọ
xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh



www.pvgas.com.vn



(84.8) 3 7816 777



(84.8) 3 7815 666

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

**VỮNG CHẮC
TƯƠNG LAI**
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



TỔNG CÔNG TY KHÍ
VIỆT NAM

05

MỞ ĐẦU

Tâm nhìn & Sứ mệnh
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
và Tổng Giám đốc
Sự kiện nổi bật



18

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh,
bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Rủi ro

34

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức nhân sự
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông
Trách nhiệm về môi trường và xã hội

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất
kinh doanh
Tình hình tài chính
Cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Trách nhiệm về môi trường và xã hội

62

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



86

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của công ty
Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

92

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị



100

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



TẦM NHÌN

Phát triển PV GAS thành Doanh nghiệp mạnh, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao, hoạt động hoàn chỉnh trong tất cả các khâu thu gom - xuất nhập khẩu - vận chuyển - chế biến - chế biến sâu - tàng trữ - dịch vụ - kinh doanh khí và sản phẩm khí, tham gia hoạt động đầu tư thượng nguồn. Đóng vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp khí trên toàn quốc và tham gia tích cực thị trường quốc tế.

SỨ MỆNH

Xây dựng, vận hành, an toàn hiệu quả toàn bộ hệ thống thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, tàng trữ, chế biến, phân phối khí, các sản phẩm khí và đường ống kết nối với hệ thống khí khu vực, đảm bảo cung cấp khí, các sản phẩm khí và dịch vụ khí cho các hộ tiêu thụ trên toàn quốc và mở rộng ra thị trường quốc tế, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.





THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & TỔNG GIÁM ĐỐC

"Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2016 tiếp tục là một năm chứa đựng nhiều thách thức cho ngành dầu khí nói chung và PV GAS nói riêng, khi mà: An ninh, chính trị thế giới bất ổn; kinh tế toàn cầu có dấu hiệu suy thoái; sự trỗi dậy của xu hướng bảo hộ kinh tế, phản đối các hiệp định thương mại; công tác tìm kiếm, thăm dò và đưa vào khai thác các nguồn khí trong nước ngày càng khó khăn; đặc biệt là việc giá dầu giảm và duy trì ở mức thấp trong phần lớn thời gian, trung bình chỉ 45 USD so với giá kế hoạch 60 USD của PV GAS... tất cả các yếu tố trên đã gây ảnh hưởng rất lớn tới doanh thu và lợi nhuận của PV GAS.

Trong bối cảnh cam go, hơn lúc nào hết, PV GAS đã nhất trí đồng lòng, phát huy sáng kiến, quyết tâm bằng mọi giá phải vượt qua thử thách, khẳng định vai trò, vị trí của mình trong ngành dầu khí cũng như trong nền kinh tế đất nước.



Sản lượng khí và LPG cung cấp
cho thị trường đạt mức kỷ lục

>10 Tỷ m³ khí

>1,5 Triệu tấn LPG



Chính bởi tinh thần và nỗ lực đó, trong năm 2016, PV GAS đã hoàn thành và còn vượt mức các chỉ tiêu SXKD: Sản xuất và cung cấp cho các khách hàng 10,5 tỷ m³ khí; 1,5 triệu tấn LPG; trên 70 ngàn tấn condensate. Tổng doanh thu năm 2016 của Tổng Công ty đạt trên 59.200 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế khoảng 9.200 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế trên 7.200 tỷ đồng. Năm 2016, PV GAS vinh dự là 1 trong 3 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cao nhất Việt Nam, nằm trong 10 doanh nghiệp niêm yết uy tín trên thị trường chứng khoán, thuộc top 300 công ty hàng đầu châu Á, top 100 doanh nghiệp Việt Nam bền vững.

Một trong những sự kiện nổi bật của PV GAS trong năm 2016 là việc hoàn thiện chính sách giá khí và đã được Chính phủ thông qua. Theo đó, Chính phủ chấp thuận thực hiện cơ chế giá khí thị trường áp dụng theo nguyên tắc không thấp hơn giá khí miệng giếng. Đồng thời, vấn đề tăng cước phí vận chuyển đường ống Phú Mỹ - Hồ Chí Minh và việc quyết toán khoản chênh lệch cước phí giai đoạn 2012 - 2015 cũng được Chính phủ đồng thuận. Các chính sách này đã tác động tích cực đến kết quả kinh doanh của PV GAS trong năm 2016 và sẽ tạo nên sự bảo đảm chắc chắn về hiệu quả kinh doanh lâu dài cho Tổng Công ty.

Với phương châm “củng cố nguồn lực, vững chắc tương lai”, bên cạnh việc duy trì tốc độ phát triển, năm 2016 PV GAS đã tích cực hợp tác với các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước, nhằm mở rộng quy mô hoạt động, đa dạng hoá phạm vi kinh doanh. Đây được coi là chiến lược quan trọng, là bước đi đúng đắn, phù hợp với xu thế, nhằm xây dựng nền tảng phát triển ổn định và bền vững cho tương lai.

Điển hình là sự ra đời của PVGAZPROM NGV, thành lập theo thỏa thuận giữa PVN và Tập đoàn Gazprom trong hợp tác nghiên cứu dự án “Sản xuất và sử dụng khí thiên nhiên cho GTVT trên lãnh thổ Việt Nam”. Các đơn vị thành viên của Tập đoàn Gazprom sẽ hỗ trợ PV GAS về công nghệ, kỹ thuật trong triển khai dự án sản xuất LNG hướng đến việc đa dạng hóa nhiên liệu cho các phương tiện GTVT.

Ngoài ra, trong bối cảnh nhu cầu khí tại Việt Nam ngày càng tăng, tháng 07/2016 vừa qua, PV GAS, Bitexco và Tokyo Gas đã thống nhất thành lập Công ty Cổ phần LNG VIETNAM với mục tiêu trở thành công ty tiên phong trong lĩnh vực LNG tại Việt Nam, đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa cũng như xuất khẩu LNG đến các nước trong khu vực. Đây là sự kiện quan trọng, đánh dấu bước ngoặt hiện đại hóa của PV GAS, mở đầu cho giai đoạn tiếp cận với thị trường khí thế giới.

Bên cạnh đó, với mong muốn phát triển toàn diện, lâu dài trong lĩnh vực kinh doanh LPG ở cả hai mảng thị trường bán buôn và bán lẻ, PV GAS đã thông qua chiến lược kinh doanh bán lẻ LPG dân dụng giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025. Đầu tháng 08/2016, Công ty thành viên PV GAS South đã cho ra mắt sản phẩm mới với nhãn hiệu “GAS Dầu Khí” như là một phần của việc triển khai chiến lược bán lẻ mà PV GAS đóng vai trò đầu tàu, bước đầu được công chúng nhiệt tình đón nhận...

Kính thưa Quý cổ đông!

Bước vào năm 2017, toàn bộ CBCNV PV GAS nhận thức và xác định rất rõ sẽ phải bước đi trên con đường còn nhiều gian nan. Hoạt động SXKD của Tổng Công ty tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, khi dự báo giá dầu vẫn ở mức thấp; nguồn khí giá rẻ suy giảm nhanh buộc phải huy động nhiều hơn nguồn khí giá cao; chưa có thêm nguồn khí trong nước có trữ lượng lớn...

Do đó vừa qua, PV GAS đã nghiêm túc tổ chức đánh giá kiểm điểm những hạn chế, phân tích những thách thức phải đối mặt, để đưa ra những giải pháp hữu hiệu, nhằm khắc phục khó khăn, nâng cao năng lực hoạt động.

Điều đáng mừng là Tổng Công ty đã có lợi thế sẵn về cơ sở vật chất, tài chính, kinh nghiệm, thương hiệu... Ban lãnh đạo có năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại, cùng tầm nhìn chiến lược lâu dài của đội ngũ CBCNV có ý thức kỷ luật cao, cùng nỗ lực lao động sáng tạo, cống hiến hết mình. Bởi vậy, PV GAS tự tin và chắc chắn rằng sẽ chèo lái, vượt qua được mọi trở ngại, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017.

Trong năm nay, PV GAS đặt mục tiêu: Vận hành và bảo đảm công tác an ninh, an toàn các công trình, dự án khí; tiếp tục thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng với các dự án loại A, B, C với tổng số giải ngân hơn 5.000 tỷ đồng; thực hiện công tác cấu trúc theo hướng tinh gọn bộ máy, tập trung và đúng chức năng, nhiệm vụ chính của Tổng Công ty cộng với tăng cường thực hiện các giải pháp tiết kiệm, tiết giảm chi phí, cải tiến hệ thống lao động, quản trị, nhân sự..., góp phần thực hiện thành công Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020; Chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 và Chiến lược phát triển bán lẻ LPG.

Tinh thần truyền thống “Nhiệt huyết - Sáng tạo - Chuyên nghiệp - Kỷ cương - Chia sẻ” duy trì suốt 26 năm qua của PV GAS sẽ luôn được giữ vững. Cùng sự quan tâm hỗ trợ từ Chính Phủ và PVN; các khách hàng, đối tác; đặc biệt là sự đồng hành, tin tưởng của Quý cổ đông, PV GAS cam kết tiếp tục thực hiện tốt vai trò chủ đạo, đưa ngành công nghiệp khí Việt Nam phát triển, vươn xa hơn nữa; xứng đáng với truyền thống của một đơn vị Anh hùng Lao động, với niềm tin tưởng mà Chính phủ, PVN và Quý cổ đông đã gửi gắm.

Thay mặt cho hơn 3.000 CBCNV PV GAS, Ban lãnh đạo PV GAS trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Chính phủ, PVN, các khách hàng, đối tác và đặc biệt là Quý cổ đông đã hết lòng hỗ trợ, đồng hành với PV GAS trong thời gian qua và hy vọng tiếp tục nhận được sự tin tưởng, ủng hộ nhiều hơn nữa của toàn thể quý vị trong thời gian tới.

CHỦ TỊCH HĐQT

LÊ NHƯ LINH

TỔNG GIÁM ĐỐC

DƯƠNG MẠNH SƠN



SỰ KIỆN NỔI BẬT

1

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH GIÁ KHÍ

2

HOÀN THIỆN VÀ TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC BÁN LẺ
LPG DÂN DỤNG

3

HOÀN THÀNH DỰ ÁN NAM CÔN SƠN 2 GIAI ĐOẠN 1

4

THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH KHÍ NHIÊN LIỆU GIAO THÔNG
VẬN TẢI PVGAZPROM, CÔNG TY CP LNG VIETNAM,
CÔNG TY CP CNG VIỆT NAM

5

HOÀN THÀNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

6

TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM



1 HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH GIÁ KHÍ

Trong năm 2016, Thủ tướng Chính phủ và các cấp có thẩm quyền đã ban hành các chính sách quan trọng có tác động sâu rộng đến hiệu quả kinh doanh và dự án đầu tư của PV GAS, nổi bật trong đó là việc đồng ý thực hiện giá khí thị trường theo nguyên tắc không thấp hơn giá khí miệng giếng và việc đồng ý cước phí Phú Mỹ - Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2018, quyết toán khoản chênh lệch cước phí từ 2012 - 2015.

Các chính sách này đã ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của PV GAS trong năm 2016 và trong dài hạn, cụ thể:

- Trong năm 2016, PV GAS đã quyết toán và ký kết các hợp đồng sửa đổi với các nhà máy điện để thu hồi giá trị chênh lệch giữa tiền khí đã thanh toán và chính sách giá khí/cước phí được phê duyệt.
- Về dài hạn, PV GAS được đảm bảo hiệu quả kinh doanh, không còn rủi ro chịu lỗ khi bán khí cho các nhà máy điện khi giá dầu xuống thấp. Đây cũng là điều kiện thuận lợi để PV GAS xem xét triển khai các dự án khí mới với giá khí ước tính có thể cao hơn mặt bằng giá khí hiện nay.
- PV GAS thu hồi được các chi phí đầu tư, hiệu quả kinh tế của dự án đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Hồ Chí Minh được đảm bảo do cước phí đã được phê duyệt, tăng doanh thu và lợi nhuận hàng năm cho PV GAS.

2

HOÀN THIỆN VÀ TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC BÁN LẺ LPG DÂN DỤNG

Năm 1999, Nhà máy xử lý Khí Dinh Cố tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hoàn thành và đi vào vận hành, đánh dấu việc PV GAS tham gia vào thị trường sản xuất và kinh doanh LPG. Sau 17 năm tham gia vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh LPG, PV GAS luôn được biết đến với vai trò là doanh nghiệp bán buôn LPG lớn nhất tại thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, với mong muốn phát triển toàn diện, bền vững trong lĩnh vực kinh doanh LPG ở cả hai mảng thị trường bán buôn và bán lẻ, trong năm 2016, PV GAS đã thuê tư vấn để hỗ trợ xây dựng chiến lược kinh doanh bán lẻ LPG dân dụng giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025.

Trên cơ sở hỗ trợ của tư vấn, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc PV GAS đã phê duyệt và thông qua Chiến lược kinh doanh bán lẻ LPG dân dụng giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025. Kể từ tháng 07/2016, PV GAS đóng vai trò chủ đạo, chỉ đạo định hướng và hỗ trợ hai đơn vị thành viên là Công ty cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc (PV GAS North) và Công ty cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam (PV GAS South) triển khai chiến lược bán lẻ, thực hiện đồng bộ 4 chiến lược quan trọng bao gồm Chiến lược thương hiệu, Chiến lược cạnh tranh, Chiến lược kênh phân phối và Chiến lược marketing. Phân công các đơn vị thành viên tập trung thực hiện Chiến lược kênh phân phối và Chiến lược marketing. PV GAS sẽ tập trung nguồn lực để thực hiện các chiến lược còn lại.

Ngay khi chiến lược được phê duyệt triển khai, cùng với công ty mẹ (PV GAS), các đơn vị thành viên PV GAS North và PV GAS South đã phát triển mạnh kênh phân phối đến tận tay người tiêu dùng, triển khai đồng loạt nhiều hoạt động nhằm tăng cường quảng bá hình ảnh nhãn hiệu PETROVIETNAM GAS đến người tiêu dùng như thực hiện quảng cáo TVC trên các kênh truyền hình, quảng cáo trên Facebook, trên các diễn đàn cha mẹ, gia đình, bếp núc; thực hiện các series clip giáo dục về cách thức sử dụng Gas an toàn, thực hiện các chương trình Road Show ở nhiều tỉnh thành....



Điểm nổi bật trong năm 2016, ngày 01/08/2016, PV GAS South đã cho ra mắt sản phẩm mới, nhãn hiệu “Gas Dầu Khí” bước đầu được người tiêu dùng tại khu vực Tp. Hồ Chí Minh đón nhận. Với việc triển khai đồng bộ các chiến lược, trong năm 2016 PV GAS đã bước đầu thu được một số kết quả như sau:

- Nhãn hiệu PETROVIETNAM GAS được nhiều người tiêu dùng biết đến, tăng uy tín trên thị trường, sản lượng, thị phần tiếp tục được giữ vững.
- PV GAS North đã mở thêm 8 Tổng đại lý, 93 đại lý, 52 khách hàng trực tiếp và 1 cửa hàng trực thuộc, sản lượng bán lẻ đạt 61.134 tấn, tăng 12,7% so với 2015 (tương đương tăng 6.879 tấn). Mức tăng trưởng sản lượng cao hơn so với mục tiêu đề ra trong chiến lược là 8,3%.
- PV GAS South đã mở thêm 14 Tổng đại lý, 141 đại lý và 19 cửa hàng trực thuộc, sản lượng bán lẻ đạt 164.691 tấn, tăng 5,8% so với 2015 (tương đương tăng 8.995 tấn). Mức tăng trưởng sản lượng cao hơn so với mục tiêu đề ra trong chiến lược là 4,8%.

Năm 2017 cũng như các năm tiếp theo, với lợi thế về cơ sở vật chất, nguồn hàng, hệ thống phân phối rộng khắp các tỉnh thành trên toàn quốc, đội ngũ nhân viên có năng lực, kinh nghiệm, PV GAS tin tưởng sẽ đồng hành cùng các đơn vị thành viên PV GAS North, PV GAS South thực hiện thành công chiến lược bán lẻ LPG với quyết tâm đạt mục tiêu chiếm lĩnh 38,7% thị phần bán lẻ tại khu vực phía Nam, Nam Trung Bộ và 20,3% thị phần bán lẻ tại khu vực phía Bắc, Bắc Trung Bộ vào năm 2020.





CÁC THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ NAM CÔN SƠN 2 - GIAI ĐOẠN 1

Chiều dài toàn tuyến **151,35 km**

Đường kính ống **26"**

(đường kính ngoài 660mm, đường kính trong 618,8mm), bề dày thành ống 20,6mm, từ Thiên Ưng và kết thúc tại điểm Tie-in (KP 207+500) kết nối vào Bạch Hổ (BK-4A)

Ống thép **API 5L X65, ANSI class 1500#**

Áp suất thiết kế **160 barg**, nhiệt độ thiết kế **80°C**

Công suất thiết kế **20 Tỷ m³ khí / ngày đêm**

Lớp bọc bê tông gia tải dày từ **40mm** đến **110mm**, lớp bọc bảo vệ chống ăn mòn 3LPE dày 3,2mm

Độ ăn mòn cho phép **3mm**, chống ăn mòn điện hóa bằng phương pháp anode hy sinh

3

HOÀN THÀNH DỰ ÁN NAM CÔN SƠN 2 GIAI ĐOẠN 1

Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 1 được đầu tư nhằm mục tiêu vận chuyển khoảng 1,9 tỷ m³ khí Đại Hùng và khoảng 5,7 tỷ m³ khí Thiên Ưng từ giàn Thiên Ưng đến giàn BK-4A tại khu vực Bạch Hổ để đưa sớm khí về bờ qua đường ống hiện hữu Bạch Hổ - Dĩnh Cốc vào cuối năm 2015 đầu năm 2016. Vượt qua kỳ vọng, đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 1 đã đi vào vận hành và đưa sớm gần 7,6 tỷ m³ khí Đại Hùng - Thiên Ưng cho các nhà máy điện và giúp nhà máy xử lý khí Dĩnh Cốc chế biến được thêm hơn 1,3 triệu tấn LPG và hơn 300 ngàn tấn condensate đưa ra thị trường trong suốt đời Dự án.

Ban đầu, Dự án được chủ trương đầu tư phân kỳ nhằm sớm sử dụng hiệu quả nguồn khí đồng hành mỏ Đại Hùng và phù hợp tiến độ phát triển mỏ Thiên Ưng. Tuy nhiên, đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 1 đã tạo nên nền tảng bước đầu để triển khai tiếp Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 2 nhằm thu gom và vận chuyển về bờ khoảng 23 tỷ m³ khí Sư Tử Trắng và khoảng 17 tỷ m³ khí Sao Vàng - Đại Nguyệt, qua

đó bảo đảm nguồn cung khí nội địa ổn định lâu dài cho các nhà máy điện đạm khu vực Đông Nam Bộ và nâng cao sản lượng condensate, LPG, cùng với sản phẩm mới là Ethane cho Dự án nhà máy lọc hóa dầu Long Sơn thông qua việc mở rộng công suất nhà máy xử lý khí Dĩnh Cốc bằng dự án nhà máy xử lý khí Dĩnh Cốc số 2 (GPP2).

Năm 2017 cũng như các năm tiếp theo, với lợi thế về cơ sở vật chất đã được xây dựng một bước từ Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 1, PV GAS tin tưởng Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 2 sẽ thành công, tạo thêm một hệ thống đường ống dẫn khí mới cho PV GAS. Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 sẽ vừa vận chuyển khí về bờ từ các mỏ khí mới, vừa kích thích quá trình tìm kiếm thăm dò để đưa các mỏ khí tiềm năng trên thềm lục địa Việt Nam vào phát triển cung cấp ổn định lâu dài cho các nhà máy điện đạm khu vực Đông Nam Bộ cùng các hộ công nghiệp đang sử dụng khí làm nguồn nhiên liệu nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của PV GAS trong tương lai.



4

THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH KHÍ NHIÊN LIỆU GIAO THÔNG VẬN TẢI PVGAZPROM, CÔNG TY CP LNG VIETNAM, CÔNG TY CP CNG VIỆT NAM

Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao thông Vận tải PVGAZPROM (PVGAZPROM NGV)

- PVGAZPROM NGV được thành lập theo thỏa thuận giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và Tập đoàn Gazprom trong việc hợp tác nghiên cứu dự án "Sản xuất và sử dụng khí thiên nhiên cho GTVT trên lãnh thổ Việt Nam" với tỷ lệ tham gia góp vốn: Gazprom: 71% (công ty Gazprom International Project B.V 35,5% và công ty Gazprom Gas Engine Fuel LLC 35,5%), PV GAS: 29%.
- Tập đoàn Gazprom là đối tác lâu năm với PVN trong lĩnh vực dầu khí, việc hợp tác trong lĩnh vực sử dụng khí thiên nhiên, cụ thể là LNG là tiền đề và mở ra nhiều cơ hội cho PVN/PV GAS và Tập đoàn Gazprom triển khai các hợp tác trong lĩnh vực LNG: Nhập khẩu LNG, hợp tác phát triển cơ sở hạ tầng LNG. Tập đoàn Gazprom đang là công ty xuất khẩu khí đường ống lớn nhất thế giới và là một trong 10 công ty xuất khẩu LNG lớn nhất thế giới. Các đơn vị thành viên của Tập đoàn Gazprom sẽ hỗ trợ PV GAS về công nghệ, kỹ thuật trong việc triển khai dự án sản xuất LNG cho GTVT hướng đến việc đa dạng hóa nhiên liệu trước mắt là cho các phương tiện vận tải đường bộ, đồng thời sẽ giảm thiểu chi phí nhiên liệu và giảm thiểu phát thải CO₂, NO_x góp phần bảo vệ môi trường.
- Phạm vi hoạt động kinh doanh của PV GAZPROM NGV tập trung vào việc thực hiện các dự án trong lĩnh vực chuyển đổi khí thành nhiên liệu động cơ cho phương tiện giao thông vận tải.
- Hiện nay, PVGAZPROM NGV đang triển khai FS cho dự án sản xuất và sử dụng khí thiên nhiên cho GTVT, dự kiến dự án này sẽ được triển khai và đi vào hoạt động vào 2018 cung cấp khí thiên nhiên cho các phương tiện GTVT tại Tp. HCM, Đồng Nai và Bình Dương. Trong tương lai, việc phát triển hoạt động cung cấp khí cho GTVT sẽ được huy động từ cả nguồn khí trong nước và LNG nhập khẩu.

Công ty Cổ phần LNG VIETNAM

- Với dự báo nguồn khí trong nước sẽ suy giảm dẫn đến thiếu hụt nguồn khí cung cấp cho các khách hàng điện, đạm và công nghiệp, từ năm 2008, PV GAS đã bắt đầu triển khai các công tác chuẩn bị nhập khẩu LNG. Nhằm hiện thực hóa công tác chuẩn bị cơ sở hạ tầng nhập khẩu LNG, tháng 07/2016 với sự đồng ý về chủ trương của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PV GAS, Bitexco và Tokyo Gas đã thống nhất thành lập công ty cổ phần LNG VIETNAM (LNG VIETNAM).
- LNG VIETNAM với vốn điều lệ 100 tỷ VNĐ sẽ hoạt động theo mô hình công ty cổ phần trong đó các bên tham gia góp vốn theo tỷ lệ tương ứng như sau: PV GAS 51%, Bitexco 39%, Tokyo Gas 10%.
- LNG VIETNAM sẽ tập trung vào các hoạt động chuẩn bị cơ sở hạ tầng chuẩn bị nhập khẩu LNG, trước mắt là dự án kho LNG Thị Vải 1 triệu tấn dự kiến đi vào hoạt động vào 2020 cung cấp khí tái hóa cấp cho các nhà máy điện và khách hàng công nghiệp tại Đông Nam Bộ.

Công ty Cổ phần CNG VIỆT NAM

- Thành lập từ 2007, trong suốt 10 năm hình thành và phát triển CNG Việt Nam đã sản xuất và phân phối khoảng 1,1 tỷ m³ khí cung cấp cho các khách hàng công nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam.
- Trong giai đoạn đầu thành lập, CNG Việt Nam hướng đến việc cấp khí nén thiên nhiên (Compressed Natural Gas) cho các khách hàng ở xa hệ thống đường ống dẫn khí tại khu vực Đông Nam Bộ, bao gồm: Tp. HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, ... đồng thời cung cấp một tỷ lệ đáng kể CNG cho phát triển giao thông vận tải tại Đông Nam Bộ. Từ năm 2015, cùng với việc PV GAS hoàn thành và đi vào vận hành hệ thống khí Hàm Rồng - Thái Bình, CNG Việt Nam bắt đầu triển khai cung cấp CNG tại Bắc Bộ, đến nay hệ thống phân phối đã phủ khắp các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nội, ...
- Nhằm hoàn thiện chuỗi giá trị khí xuyên suốt từ thượng nguồn cho đến hạ nguồn đồng thời để thực hiện chiến lược phát triển và tái cơ cấu lại hoạt động kinh doanh, phân phối khí thiên nhiên cho khách hàng công nghiệp giai đoạn 2015-2025 tháng 02/2016, PV GAS đã thực hiện việc mua công khai 15,12 triệu cổ phiếu CNG tương đương với 56% vốn điều lệ của CNG Việt Nam.
- Trong năm 2017, CNG Việt Nam sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối CNG cho khách hàng công nghiệp hướng đến việc gia tăng giá trị sử dụng và cung cấp loại hình nhiên liệu sạch thân thiện với môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.



379

Tỷ đồng

TỔNG GIÁ TRỊ THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH ESOP

19.139,5

Tỷ đồng

VỐN ĐIỀU LỆ CỦA PV GAS SAU KHI HOÀN THÀNH ĐỢT TĂNG VỐN

5

HOÀN THÀNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Cơ sở thực hiện

- Nghị quyết số 91/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/09/2015 của ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và các nội dung ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.
- Văn bản số 7188/UBCK-QLPH ngày 18/11/2015 của UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo của PV GAS.

Thông tin cơ bản

- Mục đích của việc phát hành:
 - Ghi nhận sự đóng góp, thúc đẩy và nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng cán bộ công nhân viên làm việc tại PV GAS.
 - Thu hút và giữ chân những cán bộ chủ chốt, giàu năng lực, kinh nghiệm; nâng cao tinh thần làm việc và sức cống hiến của người lao động nhằm đóng góp cho sự phát triển của PV GAS.
 - Ghi nhận các cá nhân có đóng góp cho sự phát triển của PV GAS.
 - Bổ sung phần vốn tự có cho các dự án công trình khí của PV GAS.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Giá phát hành: 20.000 đồng/cổ phần.
- Hạn chế chuyển nhượng: 01 năm, kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành.

Kết quả thực hiện

- Trong năm 2016, PV GAS đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với tổng giá trị thu được từ đợt phát hành là 379.000.000.000 đồng (PV GAS đã có báo cáo kết quả phát hành gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước). Theo đó, vốn điều lệ của PV GAS sau khi hoàn thành đợt tăng vốn là: 19.139.500.000.000 đồng.

6

TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM

Kể từ khi công bố niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam đến nay, PV GAS luôn là một trong những Thương hiệu uy tín hàng đầu, được đánh giá cao trên thị trường chứng khoán, đạt chỉ số tin cậy cao về tính minh bạch và những thành tựu đạt được hàng năm.

Năm 2016, mặc dù những khó khăn liên tiếp xảy ra mà đặc biệt là giá dầu giảm mạnh, PV GAS vẫn là một trong những doanh nghiệp Dầu khí được đánh giá cao, củng cố niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư trong và ngoài nước bằng hàng loạt danh hiệu đạt được trong các cuộc bình chọn uy tín nhất Việt Nam và Thế giới. Những danh hiệu được bình chọn này chứng nhận mức độ tin cậy của thương hiệu dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau.



- PV GAS lần thứ 4 liên tiếp nhận Chứng nhận Top 50 công ty niêm yết tốt nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2016 do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn, chứng nhận những đóng góp của PV GAS vào sự phát triển kinh tế - xã hội thông qua đổi mới sản phẩm, công nghệ, sáng tạo trong cung ứng dịch vụ, có hiệu quả kinh doanh tốt nhất thị trường.
- PV GAS lần thứ 2 liên tiếp là một trong 5 doanh nghiệp của Việt Nam có tên trong Danh sách 300 công ty năng động nhất châu Á do Nikkei bình chọn, quy tụ những công ty có quy mô lớn nhất và tăng trưởng nhanh nhất từ 11 quốc gia châu Á. Điều này chứng tỏ mức độ quy mô vốn hóa, tiềm năng tăng trưởng và kể cả mức độ phát triển về mặt địa lý của PV GAS.
- PV GAS và 2 công ty thành viên: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam và Công ty Cổ phần Phân phối Khí Thấp áp Việt Nam có tên trong "Bảng xếp hạng 100 doanh nghiệp bền vững Việt Nam năm 2016" lần thứ Nhất do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững (VBSCSD) phối hợp với Bộ LĐ - TBXH, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức. Điều này chứng nhận sự phát triển có nền tảng và hiệu quả lâu dài của thương hiệu.

- PV GAS đạt Danh hiệu Thương hiệu Quốc gia 2016 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cho phép Bộ Công Thương và VCCI tổ chức, dựa trên các giá trị mà chương trình bình chọn là Chất lượng - Đổi mới, Sáng tạo - Năng lực tiên phong.
- Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo VietNamNet đã chính thức công bố PV GAS lọt vào Top 10 Doanh nghiệp niêm yết uy tín năm 2016, đứng thứ 3 trong Top 10 các doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam năm 2016. Những danh hiệu này chứng nhận những thế mạnh của PV GAS: Năng lực tài chính thể hiện trên báo cáo tài chính được so sánh với các doanh nghiệp trong cùng ngành hoạt động, uy tín trên truyền thông của doanh nghiệp, các nhận định khả quan của chuyên gia về tiềm năng tăng trưởng giá cổ phiếu và mức độ ảnh hưởng đến sự biến động của chỉ số VNIndex.
- PV GAS đã trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu nhận được sự biểu dương, tôn vinh và khuyến khích vì có nhiều đóng góp cho ngân sách quốc gia.





THÔNG TIN CHUNG



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch

Tổng Công Ty Khí Việt Nam – Công Ty Cổ Phần

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số
3500102710

Vốn điều lệ

19.139.500.000.000 đồng
(Mười chín nghìn, một trăm ba mươi chín tỷ, năm trăm triệu đồng)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

40.857.507.190.029 đồng

Địa chỉ

Tòa nhà **PV GAS TOWER**, số **673**
đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh

Số điện thoại

(08) 3 7816777

Số Fax

(08) 3 7815666 - 3 7815777

Email

pvgas@pvgas.com.vn

Website

www.pvgas.com.vn

Mã cổ phiếu

GAS



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 20/09/1990, PV GAS được thành lập trên cơ sở Ban quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu với tên gọi ban đầu là Công ty Khí đốt với nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh khí và sản phẩm khí. Ngay sau khi được thành lập, PV GAS đã nhanh chóng tổ chức triển khai xây dựng hệ thống thu gom và sử dụng khí Bạch Hổ, hệ thống cơ sở hạ tầng đầu tiên của ngành công nghiệp khí.

Ngày 16/02/1996 PV GAS đổi tên thành Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Khí.

Ngày 17/11/2006, PV GAS được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành Viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

Ngày 18/07/2007, Tổng Công ty Khí Việt Nam được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Công ty TNHH Một Thành viên Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Khí và một số đơn vị Kinh doanh Khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. PV GAS chính thức hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Ngày 27/09/2007, PV GAS đổi tên thành Tổng Công ty Khí Việt Nam.

Ngày 20/04/2009, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam quyết định cổ phần hóa Tổng Công ty Khí Việt Nam.

Ngày 17/04/2011

PV GAS hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần đại chúng với tên gọi Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con với vốn điều lệ là **18.950 Tỷ đồng**.

Ngày 29/01/2016

PV GAS tăng vốn điều lệ lên thành **19.139,5 Tỷ đồng**.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Thu gom, vận chuyển, tàng trữ, chế biến khí và sản phẩm khí.
- Tổ chức phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí khô, LNG, CNG, LPG, Condensate vv; nạp LPG vào chai, xe bồn; kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí; kinh doanh dịch vụ cảng, kho, bãi.
- Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng đồng bộ, thống nhất trong toàn Tổng Công ty từ khâu nguồn cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ trên phạm vi cả nước và ở nước ngoài.
- Tiêu thụ LPG từ các nhà máy lọc hóa dầu và các nguồn khác của Tập đoàn.
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình khí.
- Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí.
- Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông, lâm, ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí; dịch vụ vận tải của các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí.
- Xuất, nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, khí lỏng, Condensate.
- Nhập khẩu vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí.
- Tham gia đầu tư các dự án khí thượng nguồn nhằm tăng tính chủ động và hiệu quả cho hoạt động chế biến và kinh doanh sản phẩm khí.
- Đầu tư tài chính vào các công ty bên ngoài.
- Đầu tư mua, bán, chuyển nhượng, đàm phán, ký các hợp đồng, dự án, tài sản, công trình khí.
- Mua các công ty khí quốc tế khác để trở thành công ty thành viên của Tổng Công ty; bán các công ty con khi cần thiết.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Trên khắp các địa bàn cả nước, trong đó tập trung tại Tp. HCM, Vũng Tàu và Cà Mau.

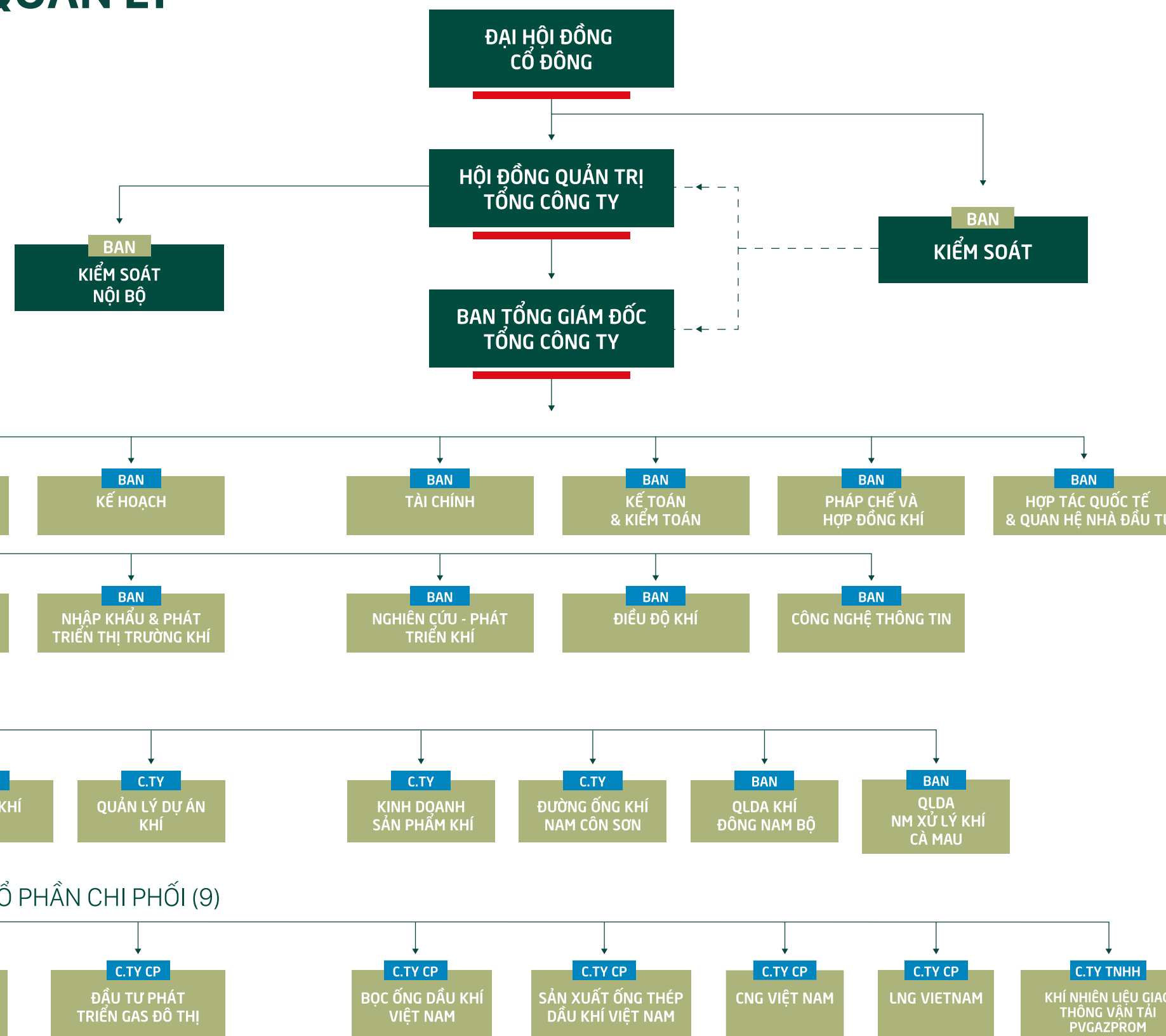


THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH

Hiện nay PV GAS hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con, ngoài công ty mẹ là Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP với 15 Ban chuyên môn thuộc Cơ quan điều hành Tổng Công ty, PV GAS còn có 9 đơn vị trực thuộc, 8 đơn vị PV GAS đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối. Cơ cấu tổ chức bộ máy của PV GAS cụ thể như sau:



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY
TRỰC THUỘC PV GAS (CHI NHÁNH)

	TÊN ĐƠN VỊ	TỈ LỆ GÓP VỐN	TRỤ SỞ CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ
1	Công ty Chế biến khí Vũng Tàu	- Vận chuyển, tàng trữ, chế biến khí; - Kinh doanh sản phẩm khí hóa lỏng; - Kinh doanh dịch vụ cảng, kho bãi; - Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình liên quan đến khí; - Nghiên cứu ứng dụng ngành khí, cải tạo công trình khí.	Số 101 Lê Lợi, Phường 6, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
2	Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	- Thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí; - Lập dự án đầu tư, đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí; - Tổ chức phân phối các sản phẩm khí thô; - Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí.	Số 101 Lê Lợi, Phường 6, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
3	Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn	- Thiết kế, xây dựng và vận hành một hệ thống đường ống dẫn khí và trạm xử lý khí; - Cung cấp dịch vụ chuyển, xử lý khí và condensate.	Lầu 7 Toà nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Tp. HCM
4	Công ty Kinh doanh sản phẩm Khí	- Vận chuyển, tàng trữ, mua bán các sản phẩm khí: LPG, condensate; - Quản lý vận hành các công trình, dự án khí và liên quan đến khí; - Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí.	Lầu 11 Toà nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Tp. HCM
5	Công ty Khí Cà Mau	- Thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí ẩm và khí khô thương phẩm; - Tổ chức phân phối, kinh doanh các sản phẩm khí khô thương phẩm; - Quản lý vận hành các công trình, dự án khí liên quan đến hệ thống thu gom, vận chuyển, tàng trữ và phân phối khí; - Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, tàng trữ và phân phối khí.	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

6	Công ty Dịch vụ Khí	- Kinh doanh vật tư, thiết bị hóa chất trong lĩnh vực chế biến khí và các sản phẩm khí; Kinh doanh dịch vụ cảng, kho, kho bãi; - Tư vấn thiết kế, lập dự án đầu tư, đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí; - Nghiên cứu ứng dụng ngành, thiết kế, cải tạo công trình khí; - Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực khí, thiết kế cải tạo bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí.	Số 101 Lê Lợi, Phường 6, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
7	Công ty Quản lý Dự án khí	- Đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí; - Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí, giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp;	Lầu 11 Toà nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Tp. HCM
8	Ban quản lý Dự án Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau	- Đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí; - Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí, giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp;	Lầu 12 Toà nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Tp. HCM
9	Ban quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ	- Đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí; - Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí, giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp;	Lầu 5 Toà nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Tp. HCM

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY

PV GAS NẴM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI

TÊN ĐƠN VỊ	Công ty CP kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	Công ty CP kinh doanh khí Miền Nam	Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Công ty CP Đầu tư Phát triển Gas Đô thị
	1	2	3	4
TỈ LỆ GÓP VỐN	35,88%	35,26%	50,5%	35,51%
TRỤ SỞ CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ	Tầng 11, Tòa nhà Viện Dầu khí, 173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lầu 4, PetroVietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM	Lầu 7 Toà nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Tp. HCM	Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí, 173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

TÊN ĐƠN VỊ	Công ty CP Bọc ống Dầu Khí Việt Nam	Công ty CP Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam	Công ty CP CNG Việt Nam	Công ty CP LNG VIETNAM	Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao thông Vận tải PVGAZPROM
	5	6	7	8	9
TỈ LỆ GÓP VỐN	52,94%	99,99%	56%	51%	29%
TRỤ SỞ CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ	Đường số 2B khu công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	KCN Dầu Khí Soài Rạp, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang	Công ty cổ phần CNG Việt Nam - Lầu 7 tòa nhà Gastower, 61B đường 30/4, TP. Vũng Tàu	Lầu 6 Toà nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Tp. HCM	Lầu 8 Toà nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Tp. HCM

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHÍNH

Phát triển Tổng Công ty khí Việt Nam thành doanh nghiệp khí mạnh, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao, hoạt động hoàn chỉnh trong tất cả các khâu thu gom - xuất nhập khẩu - vận chuyển - chế biến/ chế biến sâu - tàng trữ - dịch vụ - kinh doanh khí và sản phẩm khí, tham gia hoạt động đầu tư thượng nguồn. Đóng vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp khí trên toàn quốc, phấn đấu phát triển thành doanh nghiệp ngành Khí hàng đầu khu vực ASEAN và có tên trong các doanh nghiệp ngành Khí mạnh của châu Á.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Tiếp tục vai trò và sứ mệnh phát triển ngành Công nghiệp Khí thành ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng với hệ thống cơ sở hạ tầng công nghiệp khí an toàn, hiện đại trên phạm vi toàn quốc, cấp khí tối đa có thể cho các hộ tiêu thụ góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, lương thực, bảo vệ môi trường, tài nguyên, giữ vững an ninh quốc phòng quốc gia.

Phát triển PV GAS trên nguyên tắc không ngừng hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả và bền vững trên công nghệ tiên tiến, mang lại lợi ích thiết thực cho đất nước, cổ đông, người lao động, đối tác và cộng đồng xã hội. Trong đó An toàn và Hiệu quả là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình phát triển.

Phát triển PV GAS theo hướng chú trọng chế biến sâu, đa dạng hóa nguồn khí, đa dạng hóa sản phẩm, lấy trọng tâm là sản xuất - nhập khẩu - kinh doanh khí, sản phẩm khí và dịch vụ khí liên quan.

Phát huy tối đa nội lực đồng thời tranh thủ tận dụng các nguồn lực bên ngoài và tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển PV GAS ngày càng lớn mạnh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Coi con người là yếu tố then chốt, hình thành đội ngũ CBCNV có trình độ, tác phong công nghiệp, kỷ luật nghiêm ngặt. Xây dựng và phát triển thương hiệu PV GAS uy tín, chất lượng và phổ biến.

**CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

(môi trường, xã hội và cộng đồng và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty)

Chương trình ngắn hạn về môi trường:

- Quản trị tốt các rủi ro, trong đó có rủi ro về môi trường;
- Thực hiện các quy định pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Giảm phát thải nhà kính thông qua giảm tiêu thụ năng lượng, tiết kiệm văn phòng phẩm, giảm thiểu chất thải;
- Giảm thiểu tối đa rác thải sản xuất, tăng tái chế rác.

Chương trình dài hạn về môi trường:

- Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững;
- Tiết kiệm năng lượng bằng các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả;
- Vận hành nhà máy bằng nguồn năng lượng sạch 100% (fuel gas);
- Không thải khí toxic hay CO hóa thạch;
- Chất lượng của nguồn nước thải đầu ra phải bằng hoặc thậm chí tốt hơn nguồn nước đầu vào mà không góp phần làm khan hiếm nguồn nước;
- Xây dựng chương trình kiểm toán môi trường.

LOẠI RỦI RO

NHẬN DIỆN

GIẢI PHÁP

1 RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Vận hành

- Khí và các sản phẩm khí là những sản phẩm dễ cháy nổ, là nguyên nhân tiềm tàng gây thiệt hại về tài sản, con người, môi trường. Ngoài ra, nếu sự cố xảy ra trên các công trình, hệ thống đường ống dẫn khí thì đó sẽ là những nguyên nhân làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS. Một số rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của PV GAS, cụ thể:
 - Sự cố kỹ thuật gây giảm/dừng cấp khí, đốt bỏ khí;
 - Chất lượng khí không đạt yêu cầu;
 - Kế hoạch sản xuất (kế hoạch sản lượng, kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa, lịch dừng khí,...) không hợp lý.

- Đặt mục tiêu vận hành an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường lên trên hết;
- Thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các quy trình quản lý AT-CL-MT theo tiêu chuẩn quốc tế như OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008, ISO 14001:2004;
- Xây dựng đầy đủ các phương án chữa cháy, ứng cứu khẩn cấp, định kỳ hàng năm tổ chức thực tập các phương án;
- Công tác bảo dưỡng sửa chữa ngăn ngừa thường xuyên, đột xuất, kiểm định hiệu chuẩn, phóng thoi được triển khai theo kế hoạch, đúng qui trình, có chất lượng và đảm bảo hệ thống/công trình/nhà máy hoạt động ổn định, liên tục;
- Xây dựng và công bố đầy đủ các thủ tục hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm khí; cập nhật các quy trình kiểm soát chất lượng, khối lượng sản phẩm; phân định trách nhiệm trong kiểm soát, quản lý chất lượng, khối lượng sản phẩm; xây dựng chế độ báo cáo, kiểm tra giám sát; tổ chức huấn luyện đào tạo, tái đào tạo cho lực lượng vận hành, bảo dưỡng sửa chữa;
- Xây dựng các quy trình/quy chế phối hợp, trao đổi thông tin nội bộ, phối hợp với các bên liên quan; khi lập kế hoạch sản xuất phải có căn cứ, cơ sở vững chắc.

Nhân sự

- Để phát triển ngành công nghiệp khí đặc thù đòi hỏi công nghệ và kỹ thuật cao, thì một lực lượng lao động thiếu hụt năng lực, nhân sự chủ chốt sẽ không thể tạo nên đòn bẩy để phát triển PV GAS.

- Luôn tạo mọi điều kiện cho CBCNV PV GAS phát huy năng lực bản thân;
- Xây dựng và áp dụng chính sách lao động phù hợp.

Quy trình, quy chế

- Sự thiếu hụt hoặc sai sót của các quy trình, quy chế trong quản trị nội bộ sẽ gây nên tính mất thống nhất trong doanh nghiệp.

- Thường xuyên ban hành mới/sửa đổi và ban hành lại các quy chế, quy trình để phù hợp với thực tế: Điều lệ, Quy chế Tài chính, Quy chế Kinh doanh khí thấp áp, Quy trình Đấu giá LPG Dinh Cố, Chương trình Giám sát Đánh giá đầu tư...

ĐÁNH GIÁ RỦI RO

Là doanh nghiệp hàng đầu và chủ đạo trong ngành công nghiệp Khí Việt Nam, PV GAS đón nhận ngày càng nhiều cơ hội cũng như thách thức đòi hỏi sự đổi mới, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; trong đó, công tác quản trị rủi ro đóng vai trò quan trọng, góp phần mang lại sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Nhận thức rõ tầm quan trọng này, công tác quản trị rủi ro luôn được Ban lãnh đạo PV GAS đặt lên hàng đầu và quan tâm sát sao, thông qua việc nhận dạng, đánh giá những nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và hoàn thiện hệ thống xác định, đánh giá, phân tích, kiểm soát rủi ro nhằm đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

Rủi ro chủ yếu tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS được nhận diện và đánh giá như sau:

Công nghệ thông tin	Trở thành Công ty Cổ phần, PV GAS chú trọng nhiều hơn nữa đến hệ thống công nghệ thông tin, cầu nối quan trọng giúp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thiết lập quan hệ với khách hàng, nhà đầu tư, đối tác, cổ đông. Hệ thống công nghệ thông tin không phù hợp, bị gián đoạn, không bảo mật sẽ gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động của PV GAS.	- Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS: Áp dụng các phần mềm công nghệ thông tin hiện đại (hệ thống quản lý ERP trong quản trị tài chính, kế toán; mở rộng phần mềm Maximo trong bảo dưỡng, sửa chữa; thiết lập phần mềm KPoint Online Project Collaboration trong quản lý dự án...); - Ngày càng hoàn thiện website PV GAS, tăng cường công tác quan hệ cổ đông; - Tăng cường hệ thống bảo mật thông tin.
Công bố thông tin	Việc công bố thông tin chậm trễ, sai lệch sẽ ảnh hưởng đến niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư, đối tác cũng như tới uy tín, hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS.	- Nâng cao hoạt động quản trị, đảm bảo tính minh bạch, công khai, hiệu quả; - Thành lập tổ chuyên trách quan hệ cổ đông, đảm bảo cập nhật thông tin, công bố thông tin đảm bảo minh bạch và nhanh chóng.

LOẠI RỦI RO	NHẬN DIỆN	GIẢI PHÁP
-------------	-----------	-----------

2 RỦI RO TÀI CHÍNH

Lãi suất	PV GAS chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi đã được ký kết. PV GAS chịu rủi ro lãi suất khi PV GAS vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định.	Duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.
Tỷ giá hối đoái	Một số hoạt động của PV GAS chịu ảnh hưởng từ biến động tỷ giá: Kinh doanh khí và các sản phẩm khí; vay vốn bằng ngoại tệ để đầu tư các dự án.	- Hoạt động kinh doanh khí và các sản phẩm khí: Ký hợp đồng bán khí, LPG cho khách hàng theo tỷ giá hiện hành; - Các khoản vay ngoại tệ dài hạn: Chủ động làm việc với các ngân hàng thương mại để thu xếp được nguồn ngoại tệ với giá cạnh tranh nhất, tránh phát sinh chi phí chênh lệch tỷ giá.
Biến động giá	Giá dầu, giá CP ảnh hưởng đến giá mua, giá bán khí khô, LPG của PV GAS => ảnh hưởng đến tình hình tài chính PV GAS.	- Lập tổ chuyên trách theo dõi thị trường; dự báo giá dầu, LPG để hoạch định kế hoạch kinh doanh khí khô, LPG hiệu quả; - Triển khai dự án đầu tư xây dựng, có chính sách kinh doanh phù hợp với sự thay đổi của giá dầu, LPG; - Xây dựng các phương án, giải pháp giá dầu, giá CP khác nhau để kịp thời ứng phó.
Thanh khoản	Hoạt động của PV GAS được duy trì rất ổn định và tăng trưởng liên tục trong những năm qua. Do đó, các chỉ số liên quan đến tính thanh khoản đều ở mức hợp lý, đảm bảo nguồn vốn và đáp ứng các nghĩa vụ tài chính của PV GAS.	Theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng, dẫn đến các tổn thất tài chính cho PV GAS. Hiện nay, PV GAS không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác, bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.	- Duy trì chính sách tín dụng phù hợp; - Thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem PV GAS có chịu rủi ro tín dụng hay không.
---	--

LOẠI RỦI RO	NHẬN DIỆN	GIẢI PHÁP
-------------	-----------	-----------

3 RỦI RO KHÍ HẬU

Sự thay đổi khí hậu, mùa trong năm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ khí và các sản phẩm khí, đến sự cân đối cung - cầu khí của PV GAS.	Tăng cường công tác dự báo nhu cầu tiêu thụ nhằm khai thác hiệu quả, triệt để nguồn khí và sản phẩm khí.
--	--

LOẠI RỦI RO	NHẬN DIỆN	GIẢI PHÁP
-------------	-----------	-----------

4 RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động của PV GAS chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Dầu khí và thị trường chứng khoán,... Sự thay đổi của Luật, các văn bản dưới Luật và biến động của thị trường chứng khoán ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS.	- Cập nhật thường xuyên Luật và các văn bản dưới Luật; - Phổ biến rộng rãi các quy định, văn bản Luật liên quan tới CBCNV PV GAS.
--	---

HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO CỦA PV GAS BAO GỒM

Quản lý rủi ro hàng ngày: Các nhà quản lý và nhân viên tại các công trình dầu khí nhận diện mối nguy và quản lý rủi ro từ các hoạt động hàng ngày nhằm đảm bảo khắc phục phòng ngừa kịp thời, góp phần thúc đẩy các hoạt động an toàn và có độ tin cậy, độ sẵn sàng cao. Đặc biệt việc nhận diện các công việc nguy hiểm, các tình huống bất thường có thể gây dừng giảm cấp khí nhằm kiểm soát chặt chẽ các rủi ro tạo điều kiện hạn chế nguy cơ xảy ra.

Quản lý rủi ro kinh doanh và chiến lược: Rủi ro được xem xét trong các quá trình chính như chiến lược, kế hoạch, quản lý hiệu quả, nguồn lực, đầu tư xây dựng, thẩm định dự án, sản xuất... theo tiêu chuẩn ISO 9001, 14001, DIS 45001 phiên bản 2015, 2016. Việc xem xét này dựa trên việc sử dụng một quá trình chuẩn từ thu thập dữ liệu rủi ro, đánh giá các hoạt động quản lý rủi ro, quá trình cải tiến và lập kế hoạch thực hiện các hoạt động mới.

Giám sát và quản trị: Hội đồng thành viên, Ban lãnh đạo, các Ban chức năng và các phòng ban liên quan cùng giám sát để nhận diện các rủi ro chính. PV GAS cũng xác định các hành động quản lý và kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro đến mức chấp nhận được.

Các biện pháp quản trị rủi ro:

- Nhận diện mối nguy, rủi ro liên quan đến chiến lược, bối cảnh, hoạt động PV GAS cũng như yêu cầu của các bên liên quan;
- Xây dựng Ma trận xếp loại rủi ro và tiến hành đánh giá các mức rủi ro: Cao, trung bình và thấp. Đối với các rủi ro trung bình và cao, tiến hành các giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro và định kỳ rà soát tính hiệu lực của các biện pháp này;
- Đào tạo, nâng cao nhận thức cho người lao động về kiểm soát rủi ro;
- Tiến hành mua bảo hiểm rủi ro công trình, bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm trách nhiệm về môi trường và bảo hiểm con người.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

CÁC DANH HIỆU NỔI BẬT TRONG NĂM 2016

ĐẠT DANH HIỆU
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 2016
(BỘ CÔNG THƯƠNG TỔ CHỨC)

TOP 1
CÁC ĐƠN VỊ TRONG TẬP ĐOÀN
CÓ TỶ SUẤT LỢI NHUẬN SAU THUẾ/
VỐN CHỦ SỞ HỮU TRÊN 17%

TOP 50
CÔNG TY NIÊM YẾT
LỚN NHẤT VIỆT NAM
(FORBES BÌNH CHỌN)

ĐỨNG THỨ 3
CÁC DOANH NGHIỆP NỘP THUẾ
THU NHẬP DOANH NGHIỆP
LỚN NHẤT VIỆT NAM
(VIETNAM REPORT VÀ TẠP CHÍ THUẾ
- TỔNG CỤC THUẾ XẾP HẠNG)

(HỘI ĐỒNG DOANH NGHIỆP VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG - VBCSD
PHỐI HỢP VỚI BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH XÃ HỘI,
BỘ CÔNG THƯƠNG, BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG,
TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
VÀ ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC TỔ CHỨC)

TOP 10
DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT
UY TÍN NĂM 2016
(VIETNAM REPORT BÌNH CHỌN)

TOP 300
CÔNG TY HÀNG ĐẦU CHÂU Á
(TẠP CHÍ NIKKEI ASIAN REVIEW)

TOP 100
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
BỀN VỮNG NĂM 2016

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Sơ lược về đặc điểm môi trường sản xuất kinh doanh của PV GAS

Trong năm 2016, PV GAS triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện hết sức khó khăn, đó là giá dầu biến động và ở mức thấp (trung bình 45 USD/ thùng, chỉ bằng 75% giá kế hoạch) kéo theo giá các sản phẩm khí (khí khô, LPG, CNG, thấp áp) bị ảnh hưởng.

Nhiều hệ thống khí đưa vào hoạt động đã lâu, chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày một lớn.

Một số mỏ/ lô/ giàn thuộc bốn hệ thống khí hoạt động không ổn định, thời gian dừng/giảm cấp khí để thực hiện bảo dưỡng sửa chữa/ khắc phục sự cố/ thay thế thiết bị kéo dài gây khó khăn và bị động trong công tác điều độ khí.

Một số dự án lớn triển khai trong điều kiện không thuận lợi, thông tin đầu vào nhiều thay đổi, việc đưa ra quyết định đầu tư thường bị kéo dài.

Nguồn khí mua vào với giá cố định, bán ra thả nổi theo giá dầu (khí Thái Bình); sản xuất ống, bọc ống không có dự án lớn để thực hiện...

Lường trước được những khó khăn, ngay từ đầu năm, PV GAS đã chủ động thực hiện quyết liệt đồng bộ các giải pháp hữu hiệu, tăng cường công tác tiết giảm chi phí, thu hồi công nợ, thanh toán trước một số hợp đồng tín dụng, chủ động/phối hợp xác định các dữ liệu đầu vào để thúc đẩy quá trình xem xét phê duyệt dự án,... cùng với nỗ lực, cố gắng không ngừng của tập thể Lãnh đạo PV GAS trong công tác chỉ đạo, điều hành, sự đoàn kết của toàn thể CBCNV, sự phối hợp nhịp nhàng, hỗ trợ tích cực từ các Đơn vị bạn, đặc biệt là sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PV GAS đã thực hiện thành công nhiệm vụ kế hoạch Tập đoàn giao. Vận hành an toàn hệ thống khí, về đích trước kế hoạch chỉ tiêu sản lượng khí từ 2 đến 3 tháng, rút ngắn thời gian phải dừng khí để thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa, đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước và Tập đoàn (đóng góp khoảng 14% doanh thu và 25% lợi nhuận toàn Tập đoàn, Top đầu các đơn vị trong Tập đoàn có tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu trên 17%), góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng, bình ổn giá LPG thị trường (cung cấp khí để sản xuất gần 30% sản lượng điện, 70% đạm, gần 65% thị phần LPG cả nước), Top 10 doanh nghiệp niêm yết uy tín năm 2016 (Vietnam Report bình chọn), đứng thứ 3 trong các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Vietnam Report và Tạp chí Thuế - Tổng cục Thuế xếp hạng), thuộc Top 300 công ty hàng đầu châu Á (Tạp chí Nikkei Asian Review), Top 100 doanh nghiệp Việt Nam bền vững năm 2016 (Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững - VBCSD phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh Xã hội, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức), đạt Danh hiệu Thương hiệu Quốc gia 2016 (Bộ Công Thương tổ chức).

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	LÊ NHƯ LINH	Chủ tịch HĐQT	26,45%
2	DƯƠNG MẠNH SƠN	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	19,80%
3	VÕ THỊ THANH NGỌC	Thành viên HĐQT	14,85%
4	NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	Thành viên HĐQT	19,80%
5	PHAN QUỐC NGHĨA	Thành viên HĐQT	14,85%
TỔNG CỘNG			95,76%

Những thay đổi trong ban điều hành năm 2016

	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THAY ĐỔI	HIỆU LỰC
1	NGUYỄN ANH TUẤN	Trưởng Ban Kiểm soát	Miễn nhiệm	22/01/2016
2	MAI HỮU NGẠN	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát	22/01/2016

SỐ LƯỢNG
CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN
TRONG NĂM 2016

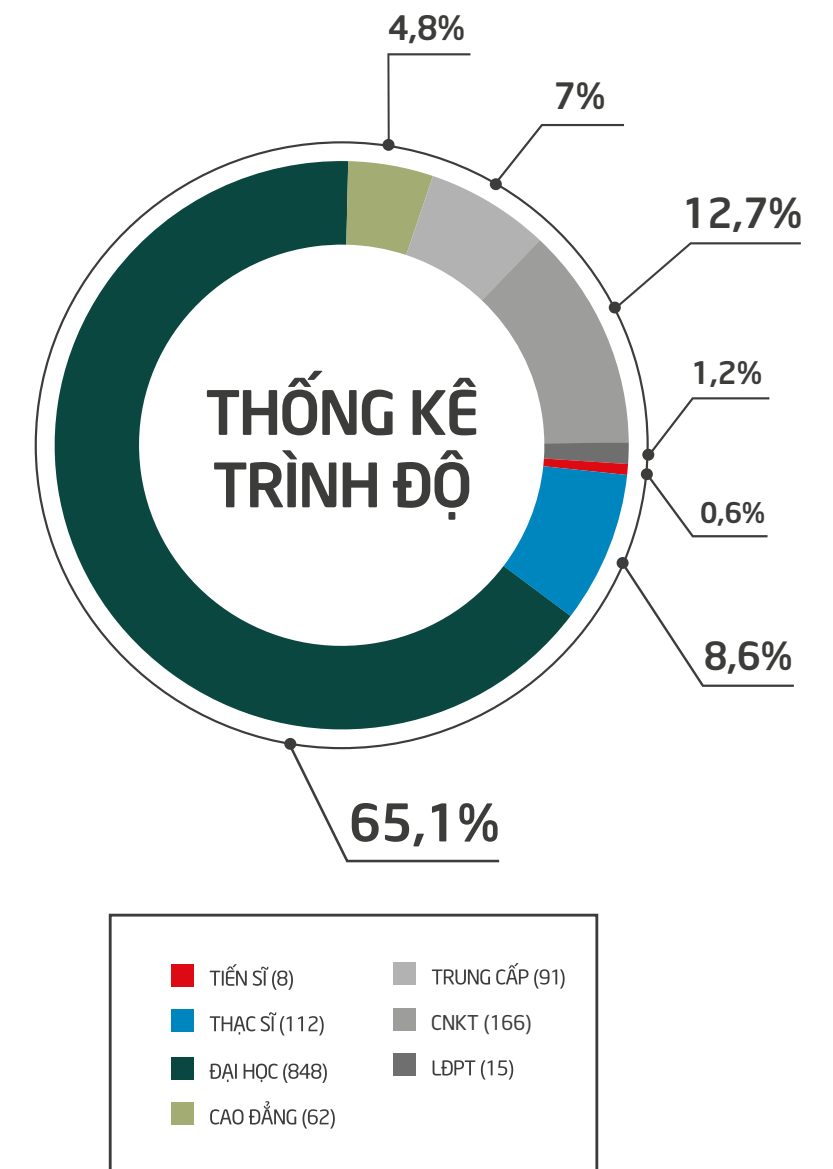
Tính đến ngày 31/12/2016, tổng số CBCNV tại Cơ quan điều hành, các đơn vị trực thuộc và các đơn vị thành viên của PV GAS là

3.953
người

Trong đó, tổng số CBCNV tại Cơ quan điều hành và các đơn vị trực thuộc của PV GAS là

1.302
người

và được phân chia theo trình độ như biểu đồ bên:



Khoảng **80%**
là nam giới, trong đó tập trung vào các lĩnh vực vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, xây dựng công trình khí.



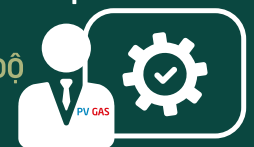
20 nhóm ngành nghề khác nhau
>60%
tập trung nhiều trong các lĩnh vực kỹ thuật. Điều này là do đặc thù hoạt động trong ngành công nghiệp Khí.



74,3%
Lao động có trình độ cao chiếm tỷ lệ lớn, tập trung trong nhóm lao động quản lý cấp cao và cấp trung, nhóm chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật.



Đội ngũ cán bộ quản lý
CÓ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CAO
đáp ứng với sự phát triển và hội nhập, điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhiều năm liền.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG TIN BAN LÃNH ĐẠO



Ông LÊ NHƯ LINH
Chủ tịch HĐQT

Quá trình công tác:

- 10/1990 - 02/1994** Giảng viên bộ môn Kinh tế địa chất, trường Đại học Mỏ địa chất;
- 03/1994 - 10/2006** Chuyên viên Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam;
- 10/2006 - 12/2007** Phó Trưởng Ban Kế hoạch - Đầu tư, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 12/2007 - 07/2009** Trưởng ban Đầu tư Phát triển, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 08/2009 - 03/2010** Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí (PV Drilling);
- 04/2010 - 11/2013** Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil);
- 12/2013 đến nay** Chủ tịch HĐQT PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Tiến sỹ Kinh tế địa chất dầu khí.



Ông DƯƠNG MẠNH SƠN
Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

- 05/1992 - 03/1994** Công tác tại Nhà máy sửa chữa tàu biển Phà Rừng, Hải Phòng;
- 03/1994 - 05/1995** Công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp xây lắp Dầu khí;
- 05/1995 - 06/1999** Công tác tại Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu Khí;
- 06/1999 - 04/2002** Công tác tại Công ty đăng kiểm Lloyd's Register of Shipping, Vương quốc Anh;
- 04/2002 - 10/2006** Phó phòng, Phụ trách Phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất PV GAS;
- 10/2006 - 06/2007** Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Khí thấp áp (nay là Công ty cổ phần Phân phối Khí thấp áp), PV GAS;
- 10/2007 - 02/2009** Trưởng Ban Xây dựng, PV GAS;
- 02/2009 - 08/2013** Phó Tổng Giám đốc PV GAS;
- 08/2013 - 05/2015** Phó Tổng Giám đốc thường trực PV GAS;
- 05/2015 đến nay** Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư cơ khí chế tạo máy - công nghệ hàn;
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.



Ông PHAN QUỐC NGHĨA
Thành viên HĐQT

Quá trình công tác:

- 06/1990 - 04/1999** Công tác tại Công ty liên doanh Coats Total Phong Phú;
- 04/1999 - 12/2000** Tổng Công ty Dầu Khí Việt Nam tiếp nhận và cử đi học tại Viện Công nghệ Châu Á (AIT), Thái Lan;
- 04/2001 - 11/2007** Kỹ sư, Phó phòng; Trưởng phòng Nam Côn Sơn, PV GAS;
- 11/2007 - 02/2009** Trưởng Ban Kinh tế thị trường PV GAS;
- 02/2009 - 04/2011** Thành viên HĐQT PV GAS;
- 04/2011 đến nay** Thành viên HĐQT PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư cơ khí;
Cử nhân Anh ngữ;
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh;
Thạc sỹ kỹ nghệ công nghiệp (tại Thái Lan).



Ông NGUYỄN MẠNH TƯỜNG
Thành viên HĐQT

Quá trình công tác:

- 06/1998 - 10/2000** Kỹ sư Ban Quản lý dự án khí thuộc PV GAS;
- 11/2000 - 05/2003** Trưởng nhóm cơ khí Phòng kỹ thuật, Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 06/2003 - 09/2007** Phó Trưởng phòng, Phó Phụ trách, Trưởng phòng Dự án Khí, Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 10/2007 - 02/2009** Phó Giám đốc Ban QLDA Khí Tây Nam Bộ trực thuộc PV GAS;
- 03/2009 - 04/2010** Phó Giám đốc Ban QLDA Khí Tây Nam Bộ trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 05/2010 - 04/2012** Phó Giám đốc Công ty điều hành đường ống Lô B - Ô Môn trực thuộc PV GAS;
- 05/2012 - 11/2015** Phụ trách, Trưởng Ban Đầu tư - Xây dựng PV GAS;
- 12/2015 đến nay** Thành viên HĐQT PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Cơ khí;
Tiến sỹ Quản trị Kinh doanh.



Bà VÕ THỊ THANH NGỌC
Thành viên HĐQT

Quá trình công tác:

- 07/1997 - 10/2002** Giáo viên trường Đào tạo nhân lực Dầu khí (PVTMC);
- 11/2002 - 07/2006** Chuyên viên Phòng Thương mại, Công ty Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí (PTSC);
- 08/2006 - 06/2007** Điều phối viên, Trường Sơn JOC, Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí (PVEP);
- 07/2007 - 12/2007** Chuyên viên Ban Chế biến dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 01/2008 - 11/2010** Phó trưởng Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 11/2010 - 10/2015** Phó Tổng giám đốc, Công ty Liên doanh Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn;
- 10/2015 đến nay** Thành viên HĐQT PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Lọc hóa Dầu;
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

BAN KIỂM SOÁT



Ông MAI HỮU NGẠN
Trưởng Ban Kiểm soát

Quá trình công tác:

05/1988 - 10/1991 Kế toán tổng hợp, Xí nghiệp thi công cơ giới, Công ty Thiết kế và xây dựng Dầu khí (nay là Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam);

11/1991 - 12/2002 Kế toán tổng hợp, Phụ trách kế toán, Xí nghiệp dịch vụ cung ứng vật tư hàng hóa, Công ty Dịch vụ - Du lịch Dầu khí (nay là Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí);

12/2002 - 07/2007 Trưởng phòng kế toán Xí nghiệp Vận chuyển Khí (nay là Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ), PV GAS;

08/2007 - 01/2016 Kế toán trưởng PV GAS;

01/2016 đến nay Trưởng Ban Kiểm soát PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế - ngành Kế toán.



Ông NGUYỄN CÔNG MINH
Kiểm soát viên

Quá trình công tác:

08/1985 - 08/1988 Học viên sỹ quan, C56A, D2, Trường sỹ quan tài chính, Bộ Quốc Phòng;

09/1988 - 04/2003 Trợ lý Ban Tài chính, Trưởng ban HC-KD-DV, Trưởng ban Tài chính Trung tâm TĐTT QP II, Bộ tham mưu quân khu 7;

05/2003 - 03/2005 Trưởng ban Tài chính Trường dạy nghề số 7;

04/2005 - 11/2009 Giám đốc Trung tâm dạy nghề Thái Sơn, Cán bộ phòng chính trị, Công ty Thái Sơn/Trung Tâm Nhiệt đới Việt Nga, Bộ Quốc phòng;

12/2009 - 07/2011 Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Sài Gòn Cao Lãnh, Tổng Công ty Thái Sơn/Trung Tâm Nhiệt đới Việt Nga, Bộ Quốc phòng;

08/2011 - 03/2016 Phó phòng, Trưởng phòng Kế toán, Ban Quản lý Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau, PV GAS;

04/2016 đến nay Kiểm soát viên PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính Kế toán.



Bà HỒ THỊ ÁI THANH
Kiểm soát viên

Quá trình công tác:

04/1999 - 08/2007 Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế toán PV GAS;

09/2007 - 04/2011 Kiểm soát viên chuyên trách PV GAS;

04/2011 đến nay Kiểm soát viên PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp;
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông DƯƠNG MẠNH SƠN
Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Xem phần Hội đồng Quản trị trang 40



Ông NGUYỄN QUỐC HUY
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

09/1994 - 01/1997 Chuyên viên phòng công nghệ khí và Trung tâm vận hành khí, PV GAS;

01/1997 - 12/2001 Trưởng Phòng kỹ thuật - Trung tâm vận hành khí, PV GAS;

12/2001 - 08/2002 Trưởng Phòng kỹ thuật Trung tâm vận hành, kiêm Phó Quản đốc Kho cảng Thị Vải, PV GAS;

08/2002 - 10/2002 Phó Giám đốc Trung tâm vận hành, kiêm Phó Quản đốc Kho cảng Thị Vải, PV GAS;

10/2002 - 10/2006 Phó Giám đốc Xí nghiệp Chế biến khí, kiêm Quản đốc Kho cảng Thị Vải, PV GAS;

10/2006 - 03/2008 Phó Giám đốc Công ty Chế biến khí Vũng Tàu, PV GAS;

03/2008 - 01/2010 Giám đốc Công ty Chế biến khí Vũng Tàu, PV GAS;

01/2010 đến nay Phó Tổng giám đốc PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân khoa học ngành tin học;
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.



Ông NGUYỄN MẬU DŨNG
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

12/1991 - 12/1994 Công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí Vũng Tàu;

01/1995 - 01/2005 Công tác tại Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí;

01/2005 - 12/2006 Học viên cao học Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh;

01/2007 - 12/2007 Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP tư vấn Đầu tư và thiết kế Dầu khí;

01/2008 - 02/2009 Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH 1 Thành viên Xây lắp Dầu khí Hà Nội;

03/2009 - 04/2011 Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Bọc ống Dầu khí Việt Nam (PV Coating);

04/2011 - 05/2011 Chủ tịch HĐQT PV Coating; Giám đốc Công ty CP chế tạo ống thép Dầu khí (PV Pipe);

05/2011 - 04/2012 Phó Tổng Giám đốc PV GAS kiêm Chủ tịch HĐQT PV Coating kiêm Giám đốc PV Pipe;

05/2012 đến nay Phó Tổng Giám đốc PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Cơ khí;
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông HỒ TÙNG VŨ
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

- 07/1983 - 03/1994** Nhân viên Phó phòng Công ty Xuất nhập khẩu thiết bị kỹ thuật Dầu khí;
- 04/1994 - 10/1994** Trưởng phòng Công ty xuất nhập khẩu thiết bị Dầu khí;
- 11/1994 - 06/2001** Trưởng phòng Công ty Thương mại Dầu khí (nay là Tổng Công ty Dầu Việt Nam);
- 07/2001 - 06/2008** Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (nay là Tổng Công ty Dầu Việt Nam);
- 06/2008 - 12/2010** Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam;
- 01/2011 đến nay** Phó Tổng Giám đốc PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Kinh tế Dầu khí;
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.



Ông PHẠM ĐĂNG NAM
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

- 07/1993 - 10/1999** Cử nhân Kinh tế, Phòng Tài chính Kế toán Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro;
- 11/1999 - 03/2003** Phó trưởng Phòng Tài chính tín dụng Công ty liên doanh Nhà máy lọc dầu Việt - Nga (Vietross);
- 03/2003 - 11/2003** Phó trưởng phòng, phụ trách Phòng Thương mại Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN);
- 11/2003 - 04/2004** Chuyên viên Ban Tài chính - Kế toán Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN);
- 04/2004 - 03/2009** Phó ban; Trưởng ban Thương mại thị trường Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí (PVFCCo);
- 04/2009 - 02/2010** Ủy viên HĐQT PVFCCo;
- 09/2008 - 03/2010** Kiểm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Miền Bắc (thuộc PVFCCo);
- 03/2010 - 01/2011** Ủy viên HĐQT PVFCCo kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu Khí Tây Nam Bộ (thuộc PVFCCo);
- 02/2011 - 02/2014** Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn;
- 02/2014 - 09/2014** Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Cổ phần vận tải Dầu khí (PVTrans);
- 10/2014 đến nay** Phó Tổng Giám đốc PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế công nghiệp;
Cử nhân Kinh tế chính trị;
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.



Ông TRẦN HƯNG HIỂN
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

- 03/1982 - 04/1984** Kỹ sư phòng Kỹ thuật, Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu (đơn vị tiền thân của PV GAS);
- 05/1984 - 03/1994** Kỹ sư, Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Phó Giám đốc Xí nghiệp kết cấu thép thuộc Xí nghiệp Liên hiệp xây lắp Dầu khí;
- 04/1994 - 04/1998** Phó phòng, Trưởng phòng kinh tế kỹ thuật, Công ty thiết kế và Xây dựng Dầu khí;
- 05/1998 - 02/2004** Phó Ban quản lý dự án; Trưởng phòng quản lý dự án đầu tư, Công ty Thương mại Dầu khí;
- 03/2004 - 09/2006** Trưởng Ban QLDA đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Tp. Hồ Chí Minh; Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam;
- 10/2006 - 12/2007** Phó Tổng Giám đốc PV GAS kiêm Trưởng Ban QLDA đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Tp. Hồ Chí Minh;
- 12/2007 - đến nay** Phó Tổng Giám đốc PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Quản lý công nghiệp;
Thạc sỹ ngành Xây dựng đường ống, bể chứa dầu khí (tại CHLB Nga).



Ông NGUYỄN THANH NGHỊ
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

- 12/1979 - 03/1980** Công tác tại Trường tập huấn, Bộ tư lệnh Không quân;
- 03/1980 - 04/1982** Học viên Trường trung cấp kinh tế, Bộ Cơ khí và luyện kim;
- 04/1982 - 07/1993** Công tác tại Nhà máy A41 Không quân, Sân bay Tân Sơn Nhất;
- 07/1993 - 05/1996** Công tác tại Công ty Bảo hiểm Bà Rịa - Vũng Tàu, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt);
- 05/1996 - 06/2008** Công tác tại một số đơn vị thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI);
- 06/2008 - 07/2009** Phó Tổng Giám đốc PVI;
- 07/2009 đến nay** Phó Tổng Giám đốc PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế kế hoạch;
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.



Ông PHẠM HỒNG LĨNH
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

- 1983 - 1995** Phó Giám đốc Xí nghiệp cung ứng vật tư vận tải; Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 1; Phó phòng Vật tư thiết bị; Trưởng phòng kinh tế - kỹ thuật Xí nghiệp liên hiệp xây lắp Dầu khí;
- 1995 - 1998** Phó Giám đốc Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí;
- 1998 - 2001** Phó Giám đốc Công ty Tư vấn đầu tư xây dựng Dầu khí;
- 2001 - 2007** Trưởng Ban quản lý Dự án nhà số 1-5 Lê Duẩn, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 2007 - 02/2009** Phó Tổng Giám đốc PV GAS kiêm Trưởng Ban QLDA Khí Tây Nam Bộ;
- 02/2009 - 03/2010** Trưởng Ban Quản lý dự án Khí Tây Nam Bộ, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 04/2010 - 11/2011** Phó Tổng Giám đốc PV GAS kiêm Giám đốc Công ty Điều hành Đường ống Lô B - Ô Môn;
- 11/2011 đến nay** Phó Tổng Giám đốc PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Xây dựng;
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh;
Tiến sỹ Quản lý dự án, Học viện Công nghệ châu Á.

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông BÙI NGỌC QUANG
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

- 03/1983 - 07/1989** Kỹ sư Khoan, Công ty Dầu khí I Thái Bình;
- 08/1989 - 10/1991** Phòng Kỹ thuật, Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí Hà Nội;
- 11/1991 - 10/1995** Trưởng phòng hợp đồng, Công ty liên doanh ADF - Việt Nam;
- 11/1995 - 08/2006** Phó Giám đốc thứ nhất, Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc thứ nhất Công ty M-I-Việt Nam;
- 09/2006 - 04/2009** Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí;
- 04/2009 - 08/2009** Phó Ban Kế hoạch, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 08/2009 - 12/2010** Trưởng Ban quản lý dự án khí Đông Nam Bộ, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 01/2011 - 05/2016** Phó Tổng Giám đốc PV GAS kiêm Trưởng Ban Quản lý Dự án khí Đông Nam Bộ;
- 05/2016 đến nay** Phó Tổng Giám đốc PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Khoan - Khai thác dầu khí.



Ông VŨ TRỌNG HẢI
Kế toán trưởng

Quá trình công tác:

- 01/1993 - 06/1998** Kế toán tổng hợp - Công ty Dịch vụ Du lịch Hải Âu - VCB;
- 07/1998 - 12/1998** Kế toán trưởng - Công ty Dịch vụ Du lịch Hải Âu - VCB;
- 01/1999 - 02/2001** Chuyên viên tư vấn - Công ty giám định ASIA;
- 03/2001 - 07/2002** Phụ trách Kế toán - Trung tâm tư vấn Phát triển công nghệ và môi trường, Sở Khoa học công nghệ Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- 07/2002 - 05/2003** Kế toán tổng hợp, Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau;
- 05/2003 - 03/2007** Phó phòng TC-KT/Phụ trách theo dõi dự án đường ống dẫn khí PM3 - Phụ trách công tác Kế toán/Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau;
- 03/2007 - 07/2008** Kế toán trưởng - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau;
- 08/2008 - 04/2009** Phó ban Tài chính Kế toán & Kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam kiêm Kế toán trưởng Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau;
- 04/2009 - 06/2010** Trưởng phòng Kế toán tổng hợp - Tổng Công ty Dầu Việt Nam;
- 06/2010 - 06/2011** Phó Ban Tài chính Kế toán - Tổng Công ty Dầu Việt Nam;
- 06/2011 - 12/2014** Kế toán trưởng - Tổng Công ty Dầu Việt Nam;
- 12/2014 - 11/2015** Kiểm soát viên chính - Tổng Công ty Dầu Việt Nam;
- 12/2015 đến nay** Kế toán trưởng PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kế toán doanh nghiệp.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Hoạt động đầu tư xây dựng của PV GAS được thực hiện hoàn toàn cho mục đích đầu tư phát triển bao gồm phát triển nguồn cung cấp khí từ các mỏ trong nước và nhập khẩu khí từ nước ngoài, phát triển cơ sở hạ tầng để tăng năng lực sản xuất kinh doanh, chế biến sâu gia tăng giá trị sản phẩm,...; được phân cấp thực hiện cho các Công ty, Ban quản lý dự án (bao gồm Công ty Quản lý Dự án khí, Ban quản lý Dự án khí Đông Nam Bộ, Ban quản lý Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau) với đội ngũ chuyên gia, kỹ sư, chuyên viên,... có năng lực chuyên môn vững vàng, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm kể từ khi PV GAS đầu tư xây dựng công trình khí đầu tiên đến nay. Toàn bộ quá trình đầu tư xây dựng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát cũng như hỗ trợ, hướng dẫn của PV GAS, PVN và cơ quan quản lý Nhà nước nên luôn đảm bảo chất lượng công trình và đúng mục tiêu và nguồn vốn của dự án.

Năm 2016, PV GAS đã triển khai chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, thanh quyết toán 14 dự án nhóm A, 8 dự án nhóm B và các dự án nhóm C, mua sắm trang thiết bị và đầu tư tài chính; giải ngân 4.838 tỷ đồng, bằng 102% kế hoạch. Điều này cho thấy công tác đầu tư xây dựng được triển khai tích cực, quyết liệt, bám sát kế hoạch, tiến độ và đảm bảo nguồn vốn theo tiến độ giải ngân của dự án; đặc biệt đã hoàn thành dự án, đưa vào vận hành đường ống khí Nam Côn Sơn 2, giai đoạn 1 (mỏ Thiên Ưng), góp phần bổ sung thêm nguồn khí Cửu Long; hoàn thành dự án cấp bù khí ẩm Nam Côn Sơn cho GPP Dinh Cố, góp phần gia tăng giá trị khí Nam Côn Sơn và đảm bảo hiệu quả hoạt động của GPP Dinh Cố.



Giá trị giải ngân năm 2016 của một số dự án lớn

	TÊN DỰ ÁN	GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN (TỶ ĐỒNG)
	Tổng cộng	4.838
I	Thu gom khí	1.106
1	Đường ống khí lô B - Ô Môn	144
2	Đường ống khí Nam Côn Sơn 2, giai đoạn 1	905
3	Đường ống khí Nam Côn Sơn 2, giai đoạn 2	2
4	Đường ống khí Cá Rồng Đỏ	55
II	Tăng cường năng lực chế biến, tàng trữ khí, sản phẩm khí	2.820
1	Nhà máy xử lý khí Cà Mau	2.764
2	Cấp bù khí ẩm Nam Côn Sơn cho GPP Dinh Cố	40
3	Nâng cao hệ số thu hồi LPG tại Dinh Cố	11
4	Tách Ethane từ nguồn khí Cửu Long và Nam Côn Sơn	1
5	Nhà máy sản xuất Polypropylene	4
III	Thanh quyết toán; chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư các DADT khác; mua sắm trang thiết bị; đầu tư tài chính	912



CÔNG VIỆC THỰC HIỆN NĂM 2016 CỦA MỘT SỐ DỰ ÁN LỚN

Thu gom khí: Xây dựng các đường ống mới để thu gom khí ở các mỏ mới, bổ sung nguồn cung cấp khí cho thị trường tiêu thụ.

Đường ống khí lô B - Ô Môn

Đầu tư đường ống để vận chuyển khí từ các mỏ thuộc lô B&52 về bờ, cung cấp cho các nhà máy điện và các hộ tiêu thụ khí khác tại khu vực Tây Nam Bộ. Công việc thực hiện năm 2016: Hoàn thành chuyển quyền điều hành Dự án từ PV GAS sang Tập đoàn từ 06/06/2016, thực hiện quyền và nghĩa vụ tương ứng với việc góp 51% trong BCC.

Đường ống khí Nam Côn Sơn 2, giai đoạn 1

Đầu tư đường ống dài 151 km từ mỏ Thiên Ưng kết nối vào Bạch Hổ để thu gom, vận chuyển khí mỏ Thiên Ưng, Đại Hùng với tổng mức đầu tư 402,6 triệu USD. Công việc thực hiện năm 2016: Phối hợp với VSP thực hiện các công việc còn lại sau giai đoạn bypass (đấu nối/tiếp nhận đưa khí Thiên Ưng vào đường ống; thực hiện công tác thanh quyết toán).

Đường ống khí Nam Côn Sơn 2, giai đoạn 2

Đầu tư các hạng mục đường ống, công trình khí còn lại của dự án Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 sau khi đã hoàn thành giai đoạn 1 để thu gom khí các mỏ Sư Tử Trắng, Đại Nguyệt,... về bờ. Công việc thực hiện năm 2016: Hoàn thành cập nhật FS trình PVN; chuẩn bị/triển khai công tác đền bù giải phóng mặt bằng.

Đường ống khí Sư Tử Trắng

Đầu tư đường ống để vận chuyển khí mỏ Sư Tử Trắng về bờ, cung cấp cho khách hàng tiêu thụ khí tại khu vực Đông Nam Bộ. Công việc thực hiện năm 2016: Hoàn thành phê duyệt Pre - FS, phạm vi công việc, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu lập FS.

Đường ống khí Cá Rồng Đỏ

Đầu tư đường ống để vận chuyển khí từ các mỏ Cá Rồng Đỏ lô 07/03 về bờ, cung cấp cho khách hàng tiêu thụ khí tại khu vực Đông Nam Bộ. Công việc thực hiện năm 2016: Hoàn thành Pre FS; thực hiện khảo sát biển bổ sung phương án tuyến ống; phê duyệt phạm vi công việc, dự toán, hồ sơ mời thầu; tổ chức đấu thầu lập FS; đàm phán hợp đồng ủy thác Rosneft thực hiện đấu nối tại giàn Lan Tây.

Đường ống khí Sao Vàng - Đại Nguyệt

Đầu tư đường ống để vận chuyển khí Sao Vàng về bờ, cung cấp cho khách hàng tiêu thụ khí tại khu vực Đông Nam Bộ. Công việc thực hiện năm 2016: Hoàn thành và trình duyệt Pre-FS; lập phạm vi công việc, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu lập FS, đánh giá tác động môi trường, khảo sát biển.

Nhập khẩu LNG: Xây dựng cơ sở hạ tầng để nhập khẩu LNG, bổ sung nguồn cung cấp khí cho thị trường tiêu thụ.

LNG Thị Vải

Đầu tư kho chứa tại Phú Mỹ để nhập khẩu LNG cung cấp cho khách hàng tiêu thụ khí tại khu vực Đông Nam Bộ. Công việc thực hiện năm 2016: Cập nhật thông tin về các khách hàng, ký biên bản ghi nhớ sử dụng LNG với dự án điện Nhơn Trạch 3, điện Hiệp Phước và ký HOA với EVN; hoàn thành việc đánh giá khả năng tiếp nhận, luồng tàu, tần suất, vùng an toàn cho tàu nhập và cảng nhập LNG Thị Vải.

LNG Sơn Mỹ

Đầu tư kho chứa và cảng xuất tại Sơn Mỹ để nhập khẩu LNG cung cấp cho Trung tâm điện lực Sơn Mỹ khách hàng tiêu thụ khí và cung cấp bổ sung khí cho khu vực Đông Nam Bộ. Công việc thực hiện năm 2016: Đang nghiên cứu, đánh giá tổng thể chuỗi dự án LNG.

LNG Tây Nam Bộ

Đầu tư kho cảng hoặc hệ thống kho nổi, tái hóa khí (FSRU) để nhập khẩu LNG cung cấp cho khách hàng tiêu thụ khí. Công việc thực hiện năm 2016: Hoàn thành lập Pre-FS, chuẩn bị các bước lập FS.

Tăng cường năng lực chế biến, tàng trữ khí, sản phẩm khí

Nhà máy xử lý khí Cà Mau

Đầu tư và nâng cấp đường ống, nhà máy xử lý khí, kho chứa, cảng xuất tại tỉnh Cà Mau để sản xuất LPG và condensate từ nguồn khí các mỏ PM3, lô 46-CN và các khu vực lân cận với tổng mức đầu tư 494,6 triệu USD. Công việc thực hiện năm 2016: Hoàn thành 100% thiết kế bản vẽ thi công, công tác mua sắm vật tư thiết bị.



Cấp bù khí ẩm Nam Côn Sơn cho GPP Dinh Cố

Đầu tư đường ống, thiết bị để vận chuyển một phần sản lượng khí Nam Côn Sơn sang GPP Dinh Cố để sản xuất LPG và condensate, gia tăng giá trị khí Nam Côn Sơn và đảm bảo hiệu quả hoạt động của GPP Dinh Cố với tổng mức đầu tư 177 tỷ đồng. Công việc thực hiện năm 2016: Hoàn thành chạy thử, chuẩn bị đưa vào sử dụng.

Nâng cao hệ số thu hồi LPG tại Dinh Cố

Đầu tư trang thiết bị để nâng cao hệ số thu hồi của GPP Dinh Cố để gia tăng giá trị chế biến khí. Công việc thực hiện năm 2016: Phê duyệt FS, phạm vi công việc, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Tách Ethane từ nguồn khí Cửu Long và Nam Côn Sơn

Đầu tư, cải hoán thiết bị tại GPP Dinh Cố để tách ethane từ nguồn khí Cửu Long và Nam Côn Sơn cung cấp cho Tổ hợp hóa dầu Long Sơn. Công việc thực hiện năm 2016: đã tính toán, đánh giá lại hiệu quả kinh tế của Dự án theo phương án tích hợp Dự án tách ethane vào GPP2; phối hợp Tập đoàn đàm phán với LSP sửa đổi các điều kiện, điều khoản gia hạn hợp đồng cấp ethane.

Nhà máy sản xuất Polypropylene

Sử dụng nguồn propane nhập khẩu và/hoặc sản xuất từ các nhà máy xử lý khí trong nước để tạo ra sản phẩm có giá trị cao hơn là polypropylene, kéo dài chuỗi giá trị khí tự nhiên, phù hợp với định hướng tăng cường chế biến sâu nhằm gia tăng giá trị sử dụng khí. Công việc thực hiện năm 2016: Đã hoàn thành Pre FS và trình PVN báo cáo khảo sát, đánh giá thị trường Polypropylene phục vụ lập FS Dự án.

Các dự án hoàn thành, thanh quyết toán

- Hoàn thành phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án nâng công suất kho chứa LPG tại Đình Vũ, hệ thống Công nghệ thông tin; thanh lý các hợp đồng, hoàn thành số liệu với kiểm toán dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng & Thái Bình Lô 102 và 106.

Đầu tư tài chính

- Hoàn thành góp vốn vào PVGAZPROM NGV, tương ứng 29% vốn điều lệ; và góp vốn vào LNG Việt Nam, tương ứng 51% vốn điều lệ.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

Với sự hỗ trợ thiết thực, kịp thời từ PV GAS - Công ty mẹ, cổ đông lớn và nỗ lực của chính mình, hoạt động của các công ty cổ phần trong năm 2016 đạt kết quả khá tốt, nổi bật là PV GAS D, PV GAS South, CNG Việt Nam, cùng nhau góp phần xây dựng ngành công nghiệp khí Việt Nam.



PV GAS D đã tích cực tìm kiếm khách hàng mới, cung cấp trên 845 triệu m³ khí cho các khách hàng công nghiệp và sản xuất CNG tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh và một số tỉnh tại miền Bắc, sản lượng tăng gần 30% so với năm 2015 thu được trên 4.704 tỷ đồng doanh thu và 219 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, đạt tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ khá cao (24%).

PV GAS South với 7 nhãn hiệu bình PetroVietnam, Gas dầu khí, VTG, A Gas, Đặng Phước, Dak Gas, PV GAS South đã cung cấp ra thị trường gần 280.000 tấn LPG cho các hộ gia đình, nhà hàng, khách sạn và khách hàng công nghiệp. Sở hữu hệ thống cơ sở vật chất khá tốt với đầy đủ kho chứa, trạm nạp LPG, trạm sơn sửa kiểm định bình phân bổ trên các khu vực thị trường kinh doanh, được sự hỗ trợ của PV GAS - Công ty mẹ về nguồn hàng..., PV GAS South hiện là công ty kinh doanh LPG (bán lẻ) hàng đầu tại thị trường miền Nam và Nam Trung Bộ về mặt sản lượng. Đối với hoạt động kinh doanh CNG, PV GAS South cùng CNG Việt Nam vẫn chiếm lĩnh thị trường kinh doanh CNG tại khu vực Đông Nam Bộ, cung cấp khoảng 105 triệu m³ CNG cho các khách hàng công nghiệp và phương tiện giao thông vận tải. Trong năm 2016, PV GAS South đã cho ra mắt sản phẩm mới về bình "Gas Dầu Khí" và đã được thị trường đón nhận tích cực, kinh doanh hiệu quả với 5.176 tỷ đồng doanh thu và 342 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế (bao gồm lợi nhuận từ thoái vốn tại CNG Việt Nam), đạt tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ lên đến 68%.

PV GAS North với 2 nhãn hiệu bình PetroVietnam, Hascom đã cung cấp ra thị trường trên 200.000 tấn LPG cho các hộ gia đình, nhà hàng, khách sạn và khách hàng công nghiệp. Sở hữu hệ thống cơ sở vật chất khá tốt với đầy đủ kho chứa, trạm nạp LPG, trạm sơn sửa kiểm định bình phân bổ trên các khu vực thị trường kinh doanh, được sự hỗ trợ của PV GAS - Công ty mẹ về nguồn hàng..., PV GAS North hiện là công ty kinh doanh LPG (bán lẻ) hàng đầu tại thị trường miền Bắc và Bắc Trung Bộ về mặt sản lượng. Từ tháng 06/2016, dự án tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng hoàn thành và đưa vào sử dụng, giúp PV GAS North gia tăng sản lượng LPG cung cấp cho khách hàng, doanh thu đạt 2.525 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 0,61 tỷ đồng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS City không đột biến nhiều so với các năm trước, đã cung cấp ra thị trường trên 45.000 tấn LPG, đạt 484 tỷ đồng doanh thu và 158 triệu đồng lợi nhuận sau thuế do thị trường bất động sản chưa thực sự khởi sắc hoàn toàn, tâm lý e ngại của cư dân khu đô thị do chưa nắm bắt hết các lợi ích của hệ thống gas trung tâm làm ảnh hưởng dây chuyền đến tiến độ triển khai và khai thác các dự án đầu tư và kinh doanh hệ thống gas trung tâm cho các khu đô thị, chung cư của PV GAS City. Hiện nay, PV GAS và các bên tham gia đang xem xét việc tái cấu trúc PV GAS City, nhằm đảm bảo hơn nữa hiệu quả nguồn vốn đầu tư tại PV GAS City.

CNG Việt Nam trở thành công ty con của PV GAS vào tháng 3/2016 với hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, đã cung cấp ra thị trường miền Nam và miền Bắc khoảng 119 triệu m³ CNG, doanh thu đạt 891 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 120 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ khá cao, đạt 44%.

Hoạt động sản xuất ống của PV Pipe gặp khó khăn do một số dự án lớn trong ngành giãn tiến độ (do tác động của giá dầu giảm), PV Pipe đã chủ động, tích cực tìm kiếm đơn hàng bên ngoài và ký kết được một số hợp đồng nhưng giá trị không lớn. Đã sản xuất và cung cấp 2.400 tấn ống cho các khách hàng (Intamin Ltd, Công ty TNHH Toyota Tsusho Việt Nam, Nhật Trường Vinh, Doanh nghiệp tư nhân Tuyết Mai, Công ty Petrosteel); doanh thu đạt trên 55 tỷ đồng, kinh doanh bị lỗ.

Hoạt động bọc ống: Tương tự như PV Pipe, do một số dự án lớn trong ngành giãn tiến độ (do tác động của giá dầu giảm) nên trong năm PV Coating tập trung vào công tác thanh quyết toán, thu hồi công nợ từ các dự án đã hoàn thành; việc phát triển ra bên ngoài cũng chỉ là những đơn hàng nhỏ lẻ. Doanh thu của PV Coating chỉ đạt trên 6 tỷ đồng (từ hợp đồng sơn ống cọc cho Nippon Steel; hoạt động thương mại); kinh doanh bị lỗ.

Nhằm đảm bảo và đa dạng hóa nguồn cung cấp khí, sản phẩm khí cho thị trường trong nước, Công ty CP LNG VIETNAM đã được thành lập vào tháng 07/2016 với các bên tham gia là PV GAS, Tokyo Gas Asia và Bitexco để đầu tư và kinh doanh LNG. Hiện nay, LPG VIETNAM đang trong quá trình ổn định bộ máy tổ chức, xây dựng quy chế, qui trình để quản trị doanh nghiệp và sẵn sàng chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và kinh doanh LNG.

Với mục tiêu thúc đẩy sử dụng khí thiên nhiên cho giao thông vận tải trong nước, tháng 01/2016, PV GAS đã góp vốn 58 tỷ đồng (chiếm 29% vốn điều lệ) thành lập PVGAZPROM NGV cùng với các đối tác có tiềm lực và nhiều kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực khí thiên nhiên là Gazprom International Projects B.V và Gazprom Gas-Engine Fuel LLC. Năm 2016, PVGAZPROM NGV thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư Dự án sản xuất và sử dụng khí thiên nhiên cho giao thông vận tải.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	NĂM 2015 (TỶ ĐỒNG)	NĂM 2016 (TỶ ĐỒNG)	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	56.715	56.754	0%
Doanh thu thuần	64.300	59.076	-8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.119	9.102	-18%
Lợi nhuận khác	80	51	-36%
Lợi nhuận trước thuế	11.199	9.152	-18%
Lợi nhuận sau thuế	8.832	7.172	-18%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	35%	30%	-14%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	2015	2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	3,76	3,62
+ Hệ số thanh toán nhanh	3,62	3,48
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,24	0,28
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,32	0,39
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	33,13	37,97
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,13	1,04
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,23	0,16
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,34	0,23
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,26	0,16
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,17	0,16

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Đến thời điểm 31/12/2016,

Tổng số cổ phần PV GAS đang lưu hành là

1.913.950.000 CỔ PHẦN

Trong đó, số cổ phần (CP) hạn chế chuyển nhượng là

19.000.000 CP

(trong đó **18.950.000** CP là được phát hành cho người lao động của PV GAS theo chương trình phát hành cổ phần lựa chọn cho người lao động)

Trong năm 2016, PV GAS phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành CP cho người lao động của PV GAS theo chương trình phát hành cổ phần lựa chọn cho người lao động.

Theo đó, trong năm 2016, vốn điều lệ của PV GAS

TĂNG TỪ

18.950.000.000.000 ĐỒNG

LÊN

19.139.950.000.000 ĐỒNG

Cổ phiếu quỹ: Trong năm 2016, PV GAS không có giao dịch nào về cổ phiếu quỹ.

Cơ cấu cổ đông (chốt tại thời điểm 23/12/2016)

	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
1	Cổ đông Nhà nước	1.832.835.900	95,8%	1	1	
2	Công đoàn Công ty	80.000	0%	1	1	
3	Cổ phiếu quỹ	601.930	0%	1	1	
4	Cổ đông khác:	80.432.170	4,2%	4.372	118	4.254
	- Trong nước	28.926.462	1,5%	3.012	18	3.994
	- Nước ngoài	51.505.708	2,7%	360	100	260
TỔNG CỘNG		1.913.950.000	100	4.375	121	4.254

TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

- TỔNG LƯỢNG NGUYÊN VẬT LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT VÀ ĐÓNG GÓI CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHÍNH CỦA PV GAS TRONG NĂM 2016

Do đặc thù của ngành dầu khí là sản xuất và vận chuyển sản phẩm bằng đường ống nên không có nguyên vật liệu dạng thô mà chúng tôi sử dụng Khí tự nhiên làm nguyên liệu sản xuất:

Khí đầu vào

10,503 Tỷ m³ khí

Khí tự nhiên dùng làm nhiên liệu

38,01 Triệu m³

Dầu DO

1.122 Tấn

Hoá chất

242 Tấn

(Helium, Ethylmercaptan, Hydrogen, hoá chất ức chế ăn mòn đường ống, Nito, dầu nhớt, hoá chất xử lý nước thải...)

- 98% NGUYÊN VẬT LIỆU ĐƯỢC TÁI CHẾ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHÍNH

Khí khô thương phẩm

10,301 Tỷ m³ khí

Khí là nguồn năng lượng sạch và ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu năng lượng sơ cấp của Việt Nam. PV GAS đã và đang vận hành, triển khai nhiều dự án khí với quy mô lớn, nhằm đáp ứng nhu cầu khí cho các hộ tiêu thụ lớn như các nhà máy điện, nhà máy đạm, các nhà máy công nghiệp tiêu thụ khí thấp áp, đáp ứng các nhu cầu khí cho công nghiệp hóa chất, phân bón, giao thông vận tải và sinh hoạt dân dụng; sẵn sàng kết nối với đường ống dẫn khí khu vực Đông Nam Á phục vụ cho nhu cầu xuất và nhập khẩu khí đốt.

- Về hoạt động vận chuyển khí nguyên liệu từ các giàn khai thác ngoài khơi vào bờ trong năm 2016, tổng sản lượng khí được vận chuyển vào bờ là 10,503 tỷ m³.
- Về sản phẩm khí khô thương phẩm trong năm 2016, PV GAS đã sản xuất 10,301 tỷ m³ cho các khách hàng.
- Về vận chuyển sản phẩm, trong năm 2016 các hệ thống đường ống dẫn khí đã cung cấp 10,301 tỷ m³ khí khô, 71,6 nghìn tấn Condensate và 1.637 nghìn tấn LPG cho các nhà máy và hộ tiêu thụ trong nước.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Điện: **41,24** triệu Kwh.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Trong công tác sản xuất kinh doanh, PV GAS tập trung chuyển đổi hệ thống năng lượng từ việc sử dụng các máy phát điện diesel sang hệ thống sử dụng khí đồng hành tập trung tại các giàn khai thác trung tâm, máy nén khí, máy phát đã hạn chế đáng kể phát thải và tiết kiệm chi phí năng lượng.

Ngoài ra, PV GAS và Công ty Tokyo Gas Co. Ltd (Tokyo Gas) đã ký Biên bản ghi nhớ liên quan đến việc thực hiện các nghiên cứu khả thi về giải pháp tiết kiệm năng lượng trong sử dụng khí thiên nhiên, cụ thể là cung cấp dịch vụ tiết kiệm năng lượng tại các hộ tiêu thụ công nghiệp sử dụng khí thiên nhiên và kinh doanh LNG qua hệ thống các trạm tiếp nhận, hóa khí và phân phối LNG vệ tinh.

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng

Với vai trò là nhà cung cấp khí duy nhất cho thị trường Việt Nam, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và sử dụng hiệu quả tài nguyên, PV GAS đã chú trọng xây dựng một hệ thống thu gom khí đồng hành từ hầu hết các mỏ dầu, kết nối với hệ thống khai thác và vận chuyển khí đảm bảo cung cấp ổn định 10 tỷ m³ hàng năm cho các nhà máy điện, đạm và khí thấp áp cho một số hộ tiêu thụ công nghiệp. Với nhiều sáng kiến hữu ích như cải tiến sản xuất, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng, hằng năm PV GAS đã tiết giảm chi phí, giá thành sản phẩm khoảng 200 tỷ đồng.



Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng PV GAS đã thực hiện bao gồm

Ứng dụng Công nghệ chuyển đổi động cơ xăng sang sử dụng Khí thiên nhiên nén (CNG) trên xe taxi.

Giải pháp sử dụng bộ chuyển đổi (CNG conversion kit) của hãng OMVL - Italy lắp đặt lên xe Ô tô, taxi (động cơ phun xăng điện tử) để sử dụng nhiên liệu CNG thay thế cho xăng theo Tiêu chuẩn Châu Âu ECE R110. Khi sử dụng CNG làm nhiên liệu thay thế, sẽ có những ưu điểm như sau:

- Về mặt kinh tế: Giảm khá nhiều chi phí nhiên liệu (khoảng 30%) do sử dụng CNG có giá rẻ hơn các loại nhiên liệu truyền thống khác là LPG, xăng, dầu. Mặt khác, các phương tiện, thiết bị sử dụng CNG còn giảm được chi phí bảo trì bảo dưỡng động cơ xe do CNG là nhiên liệu sạch, giảm thiểu các yếu tố gây hại cho động cơ. Ngoài ra, về mặt vĩ mô, ứng dụng CNG trong Giao thông vận tải còn giúp nhà nước giảm thiểu nhập khẩu xăng dầu, đồng thời còn đảm bảo về mặt an ninh năng lượng cho quốc gia (do Việt Nam chủ động trong nguồn cấp khí thiên nhiên).
- Về mặt an toàn: CNG là loại nhiên liệu cơ bản đảm bảo an toàn hơn các loại nhiên liệu lỏng khác, các thiết bị được chế tạo được kiểm soát ngặt nghèo về mặt an toàn phòng chống cháy nổ.
- Về mặt môi trường: Việc sử dụng CNG thay thế cho các loại nhiên liệu đang sử dụng hiện nay sẽ giảm được khá lớn các chất độc hại gây ô nhiễm môi trường, gây hiệu ứng nhà kính...

Hệ thống thu gom xả lỏng qua các cấp máy nén CNG và hệ thống thu hồi khí vent tại cần nạp CNG.

Thu gom được các chất lỏng như dầu bôi trơn, condensate... không chế được tình trạng văng bắn lỏng ra xung quanh, lên hệ thống cáp điện, ô nhiễm môi trường.

Thu gom được lượng khí xả đáng kể để tái sử dụng, hạn chế xả khí ra môi trường có nguy cơ cháy nổ và ô nhiễm môi trường.

Về lợi ích kinh tế có thể tiết kiệm cho Công ty hàng tỷ đồng mỗi năm (tùy theo công suất vận hành); Kịp thời đưa ra giải pháp xử lý phiếu khắc phục phòng ngừa tránh vi phạm tác động ô nhiễm môi trường. (Nếu dầu nhớt xả văng bắn ra khu vực theo đường nước mưa chảy xuống sông hồ có thể bị các cơ quan quản lý môi trường phạt và phải khắc phục đền bù tác động môi trường lên đến hàng tỷ VNĐ).

Thay đổi chế độ vận hành cụm van điều áp tại trạm LFS giúp cắt giảm lượng fuel gas máy nén sử dụng.

Khi lượng tiêu thụ cao (trên 280 Ksm³/h) và cả 2 nhánh PCV điều áp tại LFS đã mở 100%, thì vận hành nhánh PCV thứ 3 mở 100% ở chế độ Auto (cài đặt cùng setpoint với 2 PCV còn lại).



Giảm lượng fuel gas sử dụng, tiết kiệm chi phí khoảng 420 triệu VNĐ/năm (khi GPP Cà Mau chưa đi vào hoạt động) và khoảng 1.3 tỷ VNĐ/năm (khi GPP Cà Mau đi vào hoạt động) Vận hành cả 3 nhánh PCV giúp giảm sụt áp qua các PCV dẫn đến tăng áp suất đầu vào máy nén làm giảm tỉ số nén. Từ việc giảm tỉ số nén dẫn đến:

- Giảm sự hoạt động của máy nén ở công suất cao, tăng tuổi thọ cho máy nén và giảm bảo dưỡng sửa chữa(BDSC).
- Giảm năng lượng cấp cho hệ thống phụ trợ: Giảm năng lượng điện cho quạt Gas cooler (do giảm nhiệt độ khí đầu ra), giảm năng lượng điện cho quạt Oil cooler (do giảm nhiệt độ dầu bôi trơn), giảm năng lượng điện gia nhiệt cho Heater fuel gas (do giảm fuel gas).

Phương pháp làm sạch oil cooler online đảm bảo công suất của máy nén booster trên giàn Rồng.

Cải hoán hệ thống xả lỏng tại Gas Scrubber GDC Cà Mau.

- Theo thống kê, Gas Scrubber bị ngập và gây shutdown máy nén với tần suất 1 lần/năm.
- Sáng kiến tiết kiệm được 148.644.000 VNĐ mỗi năm và 2.972.900.000 VNĐ tính cho tuổi thọ còn lại của công trình.
- Sáng kiến tăng độ tin cậy hoạt động của cụm thiết bị phụ trợ máy nén cũng như đảm bảo lưu lượng cấp khí liên tục cho các hộ tiêu thụ.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nước cấp: 433.006 m³, trong đó phục vụ diễn tập Phòng cháy chữa cháy, tưới cây, sinh hoạt và sản xuất.
- Nước ngầm: 1.887 m³.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

- Tỷ lệ phần trăm lượng nước tái chế: 0%
- Tỷ lệ phần trăm lượng nước tái sử dụng: 0%

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Mục đích của việc tuân thủ yêu cầu pháp luật về môi trường là điều chỉnh các hoạt động, các sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp để đảm bảo quá trình hoạt động và sản xuất không gây phương hại đến cộng đồng, và tác động đến môi trường được giảm thiểu.

PV GAS luôn phổ biến các thay đổi về văn bản pháp luật môi trường đến từng đơn vị và hàng năm thực hiện giám sát kiểm tra sự tuân thủ của các đơn vị. Mặt khác PV GAS đã thu thập, thống kê các cơ sở dữ liệu, hồ sơ pháp lý về môi trường. Trong quá trình kiểm tra giám sát thực tế và qua kết quả từ hệ thống cơ sở dữ liệu, tìm ra các điểm chưa phù hợp trong hệ thống văn bản pháp quy với hoạt động đặc thù thực tế của ngành khí, từ đó có văn bản kiến nghị đến các Bộ ngành liên quan để chỉnh sửa cho phù hợp.



Trong năm 2016, PV GAS đã thực thi các quy định về bảo vệ môi trường sau:

Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường như lập và phê duyệt cam kết bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, giám sát môi trường, quản lý chất thải (đặc biệt chất thải nguy hại), kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu...

Các hoạt động liên quan đến tràn dầu và hóa chất đều xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất.

Việc giám sát môi trường được triển khai theo đúng các yêu cầu pháp luật, cam kết trong báo cáo ĐTM và Hướng dẫn của PV GAS bao gồm môi trường nước, không khí và trầm tích... Các chỉ tiêu đều đạt quy chuẩn Việt Nam và lưu giữ hồ sơ theo quy định.

Công tác đăng ký chủ nguồn thải, quản lý chất thải nguy hại (thu gom, vận chuyển, xử lý) và báo cáo định kỳ cho các cơ quan quản lý đúng theo quy định.

Tiến hành thanh kiểm tra các đơn vị ít nhất 1 năm/lần, các đơn vị triển khai kiểm tra hàng quý (cấp công ty), hàng tháng (cấp phân xưởng, nhà máy) và hàng ca.

Ban hành quy trình quản lý môi trường, quy trình phân định trách nhiệm để cụ thể hóa các yêu cầu của pháp luật thành những quy định, hướng dẫn để các bộ phận/cá nhân triển khai thực hiện.

Thường xuyên thông báo, cập nhật và đánh giá tuân thủ Luật BVMT cũng như các Nghị định, Thông tư hướng dẫn liên quan đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật trong lĩnh vực môi trường.

Mời chuyên gia các Sở TN&MT các địa phương tập huấn các quy định mới trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày môi trường thế giới, chiến dịch làm sạch thế giới, Giờ trái đất...

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

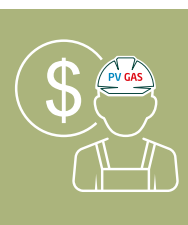
- Trong năm 2016, PV GAS không có vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường = 0 đồng.



CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN



PV GAS đã xây dựng và ban hành chính sách nhân viên theo các quy định của Nhà nước, Tập đoàn và đặc thù của PV GAS với cơ chế trả lương, trả thưởng linh hoạt, có tính cạnh tranh theo cơ chế thị trường nhằm giữ và thu hút nhân tài trong và ngoài nước làm việc lâu dài tại PV GAS, cụ thể như sau:



Đảm bảo tiền lương, thu nhập cao và ổn định để người lao động yên tâm công tác. Việc trả lương, trả thưởng và các chế độ đãi ngộ khác dựa trên năng lực thực sự và hiệu quả công việc của từng cá nhân.



Khám và theo dõi sức khỏe định kỳ; hỗ trợ kinh phí đi du lịch trong và ngoài nước hàng năm; trợ cấp, tặng quà nhân các sự kiện đặc biệt của người lao động.



Thưởng thành tích định kỳ và đột xuất cho cá nhân và đơn vị, thưởng sáng kiến cải tiến; thưởng vận hành an toàn công trình khí; thưởng nhân các ngày lễ của quốc gia và sự kiện đặc biệt của Tập đoàn, PV GAS.



Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho người lao động.



Các loại phụ cấp đặc thù ngành khí được áp dụng phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc của từng vị trí công việc.



Tôn trọng và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe và môi trường. PV GAS có môi trường làm việc chuyên nghiệp, luôn áp dụng công nghệ tiên tiến và trang thiết bị hiện đại.



Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước; chế độ bảo hiểm tự nguyện mang tính phúc lợi cao cho người lao động (Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm tai nạn, sinh mạng và phẫu thuật nằm viện).



Người lao động được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc, đào tạo theo yêu cầu pháp luật, đào tạo chuyên môn, an toàn định kỳ. Năm 2016 đào tạo 11.119 lượt người với tổng kinh phí 35,99 tỷ đồng.

VỀ QUYỀN LỢI CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

PV GAS xây dựng và áp dụng chế độ tiền lương, tiền thưởng cho Ban điều hành phù hợp với các quy định của Pháp luật và quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về tiền lương, tiền thưởng và các chế độ chính sách đối với người đại diện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV GAS theo chức danh công việc đảm nhận và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên, đồng thời hài hòa với chính sách nhân viên của PV GAS. Chế độ tiền lương, tiền thưởng của Ban điều hành PV GAS được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI VÀ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG NĂM 2016

Không chỉ làm tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Đảng và Nhà nước giao, PV GAS còn tích cực hưởng ứng, tham gia các chương trình an sinh xã hội trên khắp các địa bàn cả nước.

Trong năm 2016, PV GAS đã ủng hộ hơn 122 tỷ đồng để thực hiện 42 chương trình an sinh xã hội tại nhiều tỉnh thành trong cả nước, trong đó tập trung nhiều cho các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo. Cụ thể:

- Tài trợ khoảng 96 tỷ đồng cho 27 chương trình giáo dục (xây dựng trường học; ủng hộ các quỹ học bổng...).
- Tài trợ hơn 21 tỷ đồng cho 5 chương trình về Y tế (xây dựng trạm Y tế; tặng trang thiết bị y tế; tài trợ các chương trình khám bệnh cho người nghèo).
- Tài trợ hơn 5 tỷ đồng để xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, tình thương, khắc phục hậu quả thiên tai, đền ơn đáp nghĩa và các hoạt động an sinh xã hội khác.

Tính từ năm 2009 đến nay, PV GAS đã tài trợ cho công tác an sinh xã hội trên 800 tỷ đồng, những hoạt động an sinh xã hội thiết thực của PV GAS trong thời gian qua mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Năm 2016, PV GAS đã thực hiện thắng lợi hầu hết các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đó là vận hành an toàn và liên tục hệ thống khí, không để sự cố đáng tiếc nào xảy ra ảnh hưởng đến con người và uy tín của PV GAS; hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua và tăng trưởng so với năm 2015, về đích trước kế hoạch chỉ tiêu sản lượng khí từ 2 đến 3 tháng, cung cấp trên 10 tỷ m³ khí; hoàn thành đầu tư Dự án cấp bù khí ẩm Nam Côn Sơn cho GPP Dinh Cố, Dự án đường ống Nam Côn Sơn 2 giai đoạn 1 (khí Thiên Ưng);...

AN NINH, AN TOÀN

Công tác an toàn luôn được PV GAS chú trọng và đặt lên hàng đầu. PV GAS đã xây dựng và ban hành các chương trình, chỉ thị, kế hoạch triển khai công tác an toàn cũng như qui định thời hạn hoàn thành, trách nhiệm từng đơn vị/cá nhân trong việc thực hiện và kiểm tra, giám sát ngay từ những ngày đầu năm. Duy trì việc tổ chức hội nghị an toàn tại các đơn vị; hội thao/điễn tập phương án PCCC với nhiều lực lượng tham gia; truyền thông tại các địa phương có hoạt động liên quan đến công trình khí/đường ống khí. Tích cực và chủ động trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến vi phạm hành lang tuyến ống dẫn khí Hàm Rồng - Thái Bình; cùng PVN làm việc với cơ quan chức năng của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử lý dứt điểm các vụ khai thác cát trái phép trên sông Mỏ Nhát gây mất an toàn tuyến ống khí. Luôn phối hợp chặt chẽ với Cảnh sát biển, Bộ Đội biên phòng, Công an, cơ quan chức năng trong việc tuần tra, đảm bảo an ninh an toàn, phòng chống tội phạm buôn lậu, hàng gian/hàng giả,...

Với việc nghiêm túc thực hiện các chương trình, kế hoạch đặt ra, tuân thủ các qui định cũng như phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan, kết quả là các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động an toàn, không vi phạm qui định về môi trường, không để sự cố đáng tiếc nào xảy ra gây ảnh hưởng đến con người, tài sản cũng như uy tín của PV GAS.



VẬN HÀNH SẢN XUẤT

Hoạt động vận hành, sản xuất của PV GAS bắt đầu kể từ khi có dòng khí đầu tiên vào bờ vào năm 1995 đến nay, diễn ra liên tục suốt các ngày trong năm và 24/24 giờ, bắt đầu từ các mỏ khí ngoài khơi biển Việt Nam đến các địa điểm giao nhận khí, sản phẩm khí với khách hàng; kết nối trực tiếp với các chủ mỏ, bên bán khí, chủ đường ống, nhà máy điện, nhà máy đạm, nhà máy chế biến Condensate, công ty kinh doanh LPG, bên vận chuyển và nhà thầu, PV GAS D,...

Hệ thống khí Cửa Long: Khí ẩm từ các mỏ Bạch Hổ, Vòm Bắc, Rồng, Đồi Mồi, Rạng Đông, Phương Đông, Sư Tử Đen, Sư Tử Vàng, Sư Tử Trắng, Tê Giác Trắng, Hải Sư Đen, Hải Sư Trắng, Cá Ngừ Vàng, Đại Hùng, Thiên Ưng... được vận chuyển về bờ bằng đường ống khí Cửa Long, tiếp bờ tại Long Hải, qua Nhà máy xử lý khí Dinh Cố tại Bà Rịa để sản xuất ra 3 loại sản phẩm: khí khô, LPG và Condensate. Khí khô sau đó được vận chuyển bằng đường ống từ Bà Rịa lên Phú Mỹ để cấp cho các khách hàng tiêu thụ. LPG và Condensate được vận chuyển bằng đường ống lên Kho cảng Thị Vải, tàng chứa trong các bồn và xuất bán cho các công ty kinh doanh LPG bằng tàu hoặc xe bồn, cho Nhà máy chế biến Condensate của PV Oil bằng đường ống. Ngoài ra, khí ẩm từ một số mỏ còn được vận chuyển và cung cấp cho Liên doanh Dầu khí Nhật Việt (JVPC) ngay tại các giàn khai thác ngoài khơi để JVPC nâng cao hiệu suất thu hồi dầu (EOR).

Hệ thống khí Nam Côn Sơn: Khí từ các lô, mỏ Lan Tây/ Lan Đỏ (06.1), Rồng Đồi(11.2), Chim Sáo(12W), Hải Thạch - Mộc Tinh (05.2 & 05.3) được vận chuyển bằng đường ống khí Nam Côn Sơn về bờ, tiếp bờ tại Long Hải, qua Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn tại Bà Rịa để sản xuất ra 2 loại sản phẩm: khí khô và Condensate. Khí khô sau đó được vận chuyển bằng đường ống từ Bà Rịa lên Phú Mỹ, Nhơn Trạch, Hiệp Phước để cấp cho các khách hàng tiêu thụ. Condensate được vận chuyển bằng đường ống của hệ thống khí Cửa Long lên Kho cảng Thị Vải, tàng chứa trong các bồn và xuất cho bên mua bằng đường ống hoặc tàu.

Khí Cửa Long và khí Nam Côn Sơn có thể cấp bù cho nhau thông qua Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ.

Hệ thống khí PM3: Khí từ các mỏ PM3-CAA, 46 Cái Nước được vận chuyển bằng đường ống khí PM3 về bờ, tiếp bờ tại Mũi Tràm, tiếp tục đến Trung tâm phân phối khí Cà Mau và cấp cho các khách hàng tiêu thụ.

Hệ thống khí Hàm Rồng - Thái Bình: Khí từ mỏ Thái Bình được vận chuyển bằng đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình, tiếp bờ tại Tiền Hải, tiếp tục đến Trung tâm phân phối khí trong khu công nghiệp Tiền Hải và cấp cho PV GAS D để sản xuất ra khí thấp áp và CNG, xuất bán cho các khách hàng tiêu thụ.

Ngoài ra, PV GAS còn mua LPG từ Dung Quất và nhập khẩu từ nước ngoài, tàng chứa tại hệ thống kho chứa LPG tại 3 miền Bắc, Trung, Nam và xuất bán cho các công ty kinh doanh LPG bằng tàu hoặc xe bồn. Hoạt động vận hành và sản xuất của PV GAS sẽ tiếp tục được nối dài theo các công trình khí mới, với các sản phẩm khí mới trong những năm tiếp theo.

Năm 2016, PV GAS duy trì trạng thái vận hành, sản xuất an toàn, ổn định và liên tục 4 hệ thống khí Cửa Long, Nam Côn Sơn, PM3, Hàm Rồng - Thái Bình bao gồm đường ống, nhà máy, trung tâm phân phối khí, kho chứa, cảng xuất,... Kết quả là tổng sản lượng khí ẩm là 10.503 triệu m³, sản xuất được 10.301 triệu m³ khí khô, 310,8 nghìn tấn LPG và 70,4 nghìn tấn Condensate, đều vượt kế hoạch năm 2016:

- Hệ thống khí Cửa Long: Hoàn thành công tác BDSC trong đợt dừng khí (từ ngày 25-28/09/2016), đưa hệ thống vào vận hành an toàn, cấp khí trước 2 ngày so với kế hoạch; hệ thống máy nén khí của giàn CCP Vietsovpetro vận hành ổn định và liên tục 05 máy. Tuy có một số thời điểm, mỏ/giàn dừng/giảm sản lượng khí đưa về bờ để thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa/khắc phục sự cố ngoài kế hoạch, VSP tăng sản lượng khí cho gaslift vào những tháng cuối năm nhưng với việc đảm bảo thiết bị vận hành liên tục, ổn định ở mức cao. Trong năm 2016, với việc hoàn thành đấu nối với giàn Thiên Ưng, dòng khí mới từ mỏ Thiên Ưng hòa vào hệ thống khí Cửa Long tại khu vực Đông Nam Bộ, PV GAS đã sản xuất và cung cấp 1.524 triệu m³ khí khô cho các khách hàng điện, đạm, khách hàng công nghiệp (khí thấp áp và CNG), bằng 117% kế hoạch và về đích trước kế hoạch năm 02 tháng.
- Hệ thống khí Nam Côn Sơn: hoàn thành đại tu hệ thống khí (5 năm/lần, từ ngày 9-12/09/2016), đưa hệ thống vào vận hành an toàn, cấp khí trước 4 ngày so với kế hoạch; phía thượng nguồn, một số lô dừng/giảm sản lượng khí đưa về bờ tại một số thời điểm để thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa/khắc phục sự cố ngoài kế hoạch. Đã xử lý, vận chuyển và phân phối 6.642 triệu m³ khí cho các khách hàng điện, đạm, công nghiệp (khí thấp áp và CNG), bằng 104% kế hoạch năm.

- Hệ thống khí PM3: Hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa trong đợt dừng khí (từ ngày 1-18/09/2016), đưa hệ thống vào vận hành an toàn, cấp khí trễ so với kế hoạch 02 ngày (do thời tiết biển xấu ảnh hưởng đến kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa của các giàn); tổng thời gian thượng nguồn dừng/giảm sản lượng khí đưa về bờ để thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa /khắc phục sự cố ngoài kế hoạch là 251 giờ. Đã vận chuyển, phân phối 1.993 triệu m³ khí cho các khách hàng điện, đạm, bằng 111% kế hoạch năm.
- Hệ thống khí Hàm Rồng - Thái Bình: PCOSB dừng cấp khí 12 giờ trong ngày 2/09/2016 để thực hiện bảo dưỡng hệ thống điện. Đã cung cấp trên 142,7 triệu m³ khí cho các khách hàng công nghiệp (khí thấp áp và CNG), bằng 204% kế hoạch.

Việc rút ngắn thời gian BDSC trong các đợt dừng khí so với cam kết và cấp khí sớm đã giúp tiết kiệm cho Nhà nước hàng trăm tỷ đồng khi giảm thời gian dừng nhiên liệu dầu để sản xuất điện.

Sản lượng khí ẩm và sản xuất

	ĐVT	2012	2013	2014	2015	KH 2016	TH 2016
Khí ẩm	Tr.m3	9.347	9.669	10.137	10.613	9.850	10.503
Khí Cửu Long	Tr.m3	1.255	1.422	1.479	1.476	1.408	1.749
Khí Nam Côn Sơn	Tr.m3	6.189	6.263	6.812	7.144	6.572	6.618
Khí PM3	Tr.m3	1.902	1.984	1.846	1.972	1.800	1.993
Khí Hàm Rồng - Thái Bình	Tr.m3				20	70	143
Sản xuất							
Khí khô	Tr.m3	9.175	9.469	9.969	10.445	9.584	10.301
Khí Cửu Long	Tr.m3	1.056	1.198	1.263	1.283	1.302	1.524
Khí Nam Côn Sơn	Tr.m3	6.216	6.287	6.812	7.169	6.412	6.642
Khí PM3	Tr.m3	1.902	1.984	1.846	1.972	1.800	1.993
Khí Hàm Rồng - Thái Bình	Tr.m3				20	70	143
Condensate	1000T	60	61	60	60	57	70
LPG (Dinh Cốt)	1000T	267	299	303	289	261	311

Sản lượng khí ẩm theo cơ cấu hệ thống khí

ĐVT: Triệu m3

KHÍ CỬU LONG	1.749	KHÍ NAM CÔN SƠN	6.618	KHÍ PM3	1.993	KHÍ HR-TB	143
Bạch Hổ, Vòm Bắc, Rồng, Đồi Mồi	745	06,1	3.203				
Rạng Đông, Phương Đông	3	11,2	1.062				
Sư Tử Đen, Sư Tử Vàng, Sư Tử Trắng	576	12W	318				
Tê Giác Trắng, Hải Sư Đen, Hải Sư Trắng	169	Hải Thạch, Mộc Tinh	2.035				
Cá Ngừ Vàng	114						
Thiên Ưng, Đại Hùng	142						



BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA

Hoạt động bảo dưỡng sửa chữa của PV GAS được thực hiện nhằm mục đích duy trì trạng thái vận hành liên tục, ổn định, hiệu quả của các công trình khí; ngăn ngừa, khắc phục nhanh chóng sự cố làm gián đoạn quá trình vận hành, sản xuất và trên hết là cho mục tiêu an toàn - chất lượng - hiệu quả; được phân cấp thực hiện cho các công ty trực thuộc - những đơn vị trực tiếp quản lý và vận hành các công trình khí (bao gồm Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ, Công ty khí Cà Mau, Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn, Công ty Chế biến khí Vũng Tàu, Công ty Dịch vụ khí) với các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, kiểm định hiệu chuẩn; bảo dưỡng sửa chữa ngăn ngừa và bảo dưỡng sửa chữa đột xuất các công trình khí của PV GAS. Việc thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa về mặt khối lượng công việc, tiến độ và chất lượng đóng vai trò quan trọng, góp phần giúp hoạt động vận hành, sản xuất, kinh doanh của PV GAS an toàn, không xảy ra sự cố nghiêm trọng nào trong suốt 26 năm qua.

Năm 2016, PV GAS thực hiện trên 3.000 đầu việc thường xuyên, ngăn ngừa và kiểm định hiệu chuẩn cho các thiết bị/hệ thống công trình khí. Một số công việc lớn đã thực hiện bao gồm:

- Hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa trong đợt dừng khí (từ ngày 01-18/08/2016), đưa hệ thống khí PM3-Cà Mau vào vận hành, cấp khí an toàn.
- Hoàn thành công tác đại tu hệ thống khí NCS (5 năm/lần, từ ngày 09-12/09/2016), đưa hệ thống khí vào vận hành và cấp khí an toàn trước kế hoạch 04 ngày.
- Hoàn thành công tác dừng khí thực hiện bảo dưỡng sửa chữa 12 giờ của hệ thống khí Hàm Rồng - Thái Bình (trong ngày 02/09/2016).
- Hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa trong đợt dừng khí (từ ngày 25-28/09/2016), đưa hệ thống khí Cửu Long vào vận hành và cấp khí an toàn trước kế hoạch 2 ngày.
- Và rất nhiều đầu việc bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, kiểm định hiệu chuẩn, ngăn ngừa và đột xuất khác.

KINH DOANH

Khí khô

Năm 2016 là năm đặc biệt khó khăn, giá dầu thấp hơn rất nhiều so với năm 2015 đã tác động đến giá bán khí cho khách hàng điện, đạm, khí thấp áp, CNG và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của PV GAS. Để giảm bớt ảnh hưởng của giá dầu giảm đến hoạt động sản xuất kinh doanh, PV GAS đã thực hiện nhiều giải pháp như chủ động xây dựng kế hoạch trên cơ sở cân đối ưu tiên huy động khí từ các mỏ/lô có chi phí đầu vào thấp sau khi đảm bảo nghĩa vụ hợp đồng theo cam kết với khách hàng, thực hiện công tác điều độ/ấn định hợp lý, đặc biệt là kiểm soát chặt chẽ và đảm bảo hệ thống khí của PV GAS vận hành ổn định, không để bất kỳ sự cố nào xảy ra làm dừng/giảm khí. Kết quả là PV GAS đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng khí cung cấp, không ảnh hưởng đến các điều khoản của hợp đồng đã ký kết với khách hàng, giảm đáng kể mức độ ảnh hưởng doanh thu và lợi nhuận do giá dầu thấp mặc dù vẫn có một số mỏ cung cấp khí không ổn định do sự cố/bảo dưỡng sửa chữa. Tổng sản lượng khí cung cấp cho các khách hàng là 10.301 triệu m³, bằng 107% kế hoạch năm, trong đó khách hàng điện chiếm tỷ trọng 82% sản lượng khí tiêu thụ, đạm 10%, khách hàng công nghiệp khác 8%.



Sản lượng khí tiêu thụ theo cơ cấu khách hàng

ĐVT: Triệu m³

NĂM	2012	2013	2014	2015	KH 2016	TH 2016	CƠ CẤU TH 2016
Tổng sản lượng	9.175	9.469	9.969	10.451	9.771	10.301	100%
Điện	7.580	7.845	8.298	8.767	7.916	8.429	82%
Đạm	982	1.011	1.034	1.029	1.044	1.030	10%
Khí thấp áp	613	613	635	649	580	841	8%
JVPC			2	6	231	0	

Trong năm 2016, với việc tiếp nhận nguồn khí mới từ các mỏ Thiên Ưng, PV GAS sẽ đáp ứng tối đa nhu cầu tiêu thụ khí trong nước, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước và đem về lợi nhuận tối đa cho PV GAS trong hoạt động sản xuất và kinh doanh khí.

Sản lượng Condensate kinh doanh theo cơ cấu nguồn hàng

ĐVT: Nghìn tấn

Condensate

Hoạt động kinh doanh Condensate bán cho Nhà máy chế biến Condensate của PV Oil theo hợp đồng dài hạn với sản lượng 71,6 nghìn tấn trong năm 2016.

NĂM	2012	2013	2014	2015	KH 2016	TH 2016
Sản lượng	61	59	58	60	57	71

LPG

Tổng quan về thị trường LPG thế giới

Thị trường LPG thế giới năm 2016 diễn biến tương đối phù hợp với giá dầu, với giá CP biến động thất thường, đạt trung bình năm 2016 chỉ ở mức 339,6 USD/tấn, giảm 20% so với năm 2015 (426,5 USD/tấn) và giảm hơn 50% nửa so với năm 2014 (800,6 USD/tấn). Nguyên nhân chính của việc giảm giá năm nay là do ảnh hưởng từ việc sụt giảm giá dầu (Giá dầu Brent trung bình năm 2016 là 45 USD/thùng so với mức 52 USD/thùng của năm 2015).

ĐVT: USD/ Tấn

GIÁ CP (theo Saudi Aramco)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	TRUNG BÌNH NĂM
2012	880,0	1.025,0	1.205,0	992,5	852,5	722,5	597,5	775,0	950,0	995,0	1.020,0	980,0	916,3
2013	955,0	910,0	895,0	812,5	755,0	757,5	792,5	820,5	862,5	835,0	895,0	1.162,0	871,0
2014	1.105,0	970,0	862,5	807,5	817,5	835,0	830,5	790,0	765,0	750,0	605,0	560,0	800,6
2015	447,5	465,0	480,0	465,0	470,0	422,5	410,0	382,5	330,0	362,5	415,0	467,5	426,5
2016	367,5	300,0	305,0	335,0	352,5	347,5	302,5	287,5	307,5	355,0	415,0	400,0	339,6

Hoạt động kinh doanh LPG của PV GAS

Năm 2016, PV GAS đã hoàn thành kế hoạch sản lượng ở mức cao và hiệu quả với việc cung cấp ra thị trường 1.352 nghìn tấn LPG. Nếu tính cả đơn vị thành viên (sau khi đã trừ đi phần trùng) thì tổng sản lượng kinh doanh của PV GAS đạt khoảng 1.637 nghìn tấn LPG. Với lợi thế về cơ sở vật chất, nguồn hàng, đội ngũ nhân viên và đối tác kinh doanh LPG giúp PV GAS tiếp tục giữ vững vị trí là nhà sản xuất và kinh doanh LPG số 1 tại thị trường Việt Nam và là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam có khả năng nhập khẩu LPG lạnh từ Trung Đông.

Sản lượng LPG kinh doanh theo cơ cấu nguồn hàng

ĐVT: Nghìn tấn

NĂM	2012	2013	2014	2015	KH 2016	TH 2016	CƠ CẤU TH 2016
Sản lượng công ty mẹ	1.027	1.003	1.044	1.325	864	1.263	100%
Nguồn Dinh Cố	258	284	301	282	261	307	21%
Nguồn Dung Quất	105	66	75	72	84	74	6%
NK và KD quốc tế	664	653	669	971	519	882	73%

Vận chuyển

Vận chuyển khí và sản phẩm khí là một loại hình hoạt động dịch vụ quan trọng của PV GAS, bao gồm vận chuyển khí và Condensate từ bể Nam Côn Sơn, và khí từ mỏ PM3 cho chủ mỏ, bên bán. Năm 2016, PV GAS vận chuyển 6.618 triệu m³ khí Nam Côn Sơn, 117 nghìn tấn Condensate Nam Côn Sơn, Hải Thạch - Mộc Tinh và 1.993 triệu m³ khí PM3, đáp ứng 100% yêu cầu của bên thuê.



NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, SÁNG KIẾN CẢI TIẾN KỸ THUẬT

Hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật ngày càng có tính thực tiễn cao, đem lại lợi ích kinh tế thiết thực, tức thời cũng như chuẩn bị cho hoạt động sản xuất kinh doanh mới của PV GAS trong những năm tiếp theo như: Hoàn thành các báo cáo đánh giá thị trường bán lẻ LPG của Việt Nam và đề xuất các giải pháp thúc đẩy thị phần bán lẻ LPG của PV GAS; nghiên cứu thị trường Polypropylene của Việt Nam, trong khu vực, trên thế giới và đánh giá khả năng cạnh tranh của PV GAS; đánh giá khả năng sản xuất Ethane khu vực Đông Nam Bộ, tính toán đề xuất giá bán Ethane cho LSP và nghiên cứu khả năng chế biến sâu từ nguồn Ethane của PV GAS; quy hoạch hệ thống cung cấp CNG cho giao thông vận tải tại miền Bắc; nghiên cứu phương án nâng công suất kho LNG Thị Vải; nghiên cứu cung cấp LNG nhập khẩu cho Tây Nam Bộ (kho LNG Hòn Khoai, FSRU, đường ống kết nối Đông - Tây), nghiên cứu tổng thể phương án phát triển các kho LNG tại miền Nam.

Tiếp tục phát huy truyền thống và kết quả đạt được của những năm trước, phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất được phát động ngay từ đầu năm, đến từng đơn vị, bộ phận và được toàn thể CBCNV PV GAS hưởng ứng sôi nổi, thiết thực, làm lợi cho PV GAS hàng trăm tỷ đồng.

ĐỔI MỚI, TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

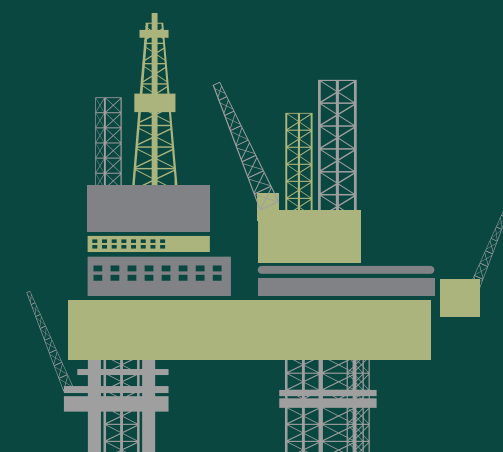
Công tác đổi mới, tái cấu trúc doanh nghiệp của PV GAS được thực hiện để có những điều chỉnh về mặt cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ trong toàn PV GAS, phù hợp với các hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại và trong tương lai. Qua đó củng cố và tập trung hơn nữa vào ngành nghề kinh doanh chính và các ngành nghề hỗ trợ trực tiếp cho ngành nghề kinh doanh chính của PV GAS.

Năm 2016, PV GAS đã thực hiện và hoàn thành công tác tái cấu trúc, kết quả cụ thể là:

- Đối với PV GAS - Công ty mẹ:
Hoàn thành tăng vốn điều lệ của PV GAS lên 19.139 tỷ đồng.
Hoàn thành việc mua cổ phần tại CNG Việt Nam (PV GAS giữ 56% vốn điều lệ tại CNG Việt Nam) và chuyển CNG Việt Nam trở thành đơn vị thành viên của PV GAS.
Hoàn thành công tác sắp xếp để không còn doanh nghiệp cấp 4 (chuyển 5 doanh nghiệp cấp 4 thuộc PV GAS South, PV GAS North sang thành chi nhánh).
Xây dựng và trình PVN phương án tái cấu trúc PV GAS giai đoạn 2016-2020, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2020.
Thực hiện luân chuyển/bổ nhiệm cán bộ tuân theo các quy định phù hợp với yêu cầu phát triển của PV GAS.
- Đối với PV GAS South, PV GAS North, PV GAS D: PV GAS giữ nguyên tỷ lệ góp vốn tại 3 công ty: PV GAS South (35,3%), PV GAS North (35,9%), PV GAS D (50,5%).
- Đối với PV GAS City: PV GAS đang xem xét phương án bán toàn bộ cổ phần của PV GAS tại PV GAS City.
- Đối với PV Coating, PV Pipe: Thực hiện sắp xếp, tổ chức, nhân sự, rà soát, cắt giảm lao động phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh. PV GAS đang tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước có đủ năng lực tài chính và chuyên ngành về sản xuất ống thép để thoái bớt vốn của PV GAS tại PV Pipe khi có đủ điều kiện.
- Đối với LNG VIETNAM và PVGAZPROM NGV: Hoàn thành góp vốn vào PVGAZPROM NGV, tương ứng 29% vốn điều lệ; góp vốn vào LNG VIETNAM tương ứng 51% vốn điều lệ.

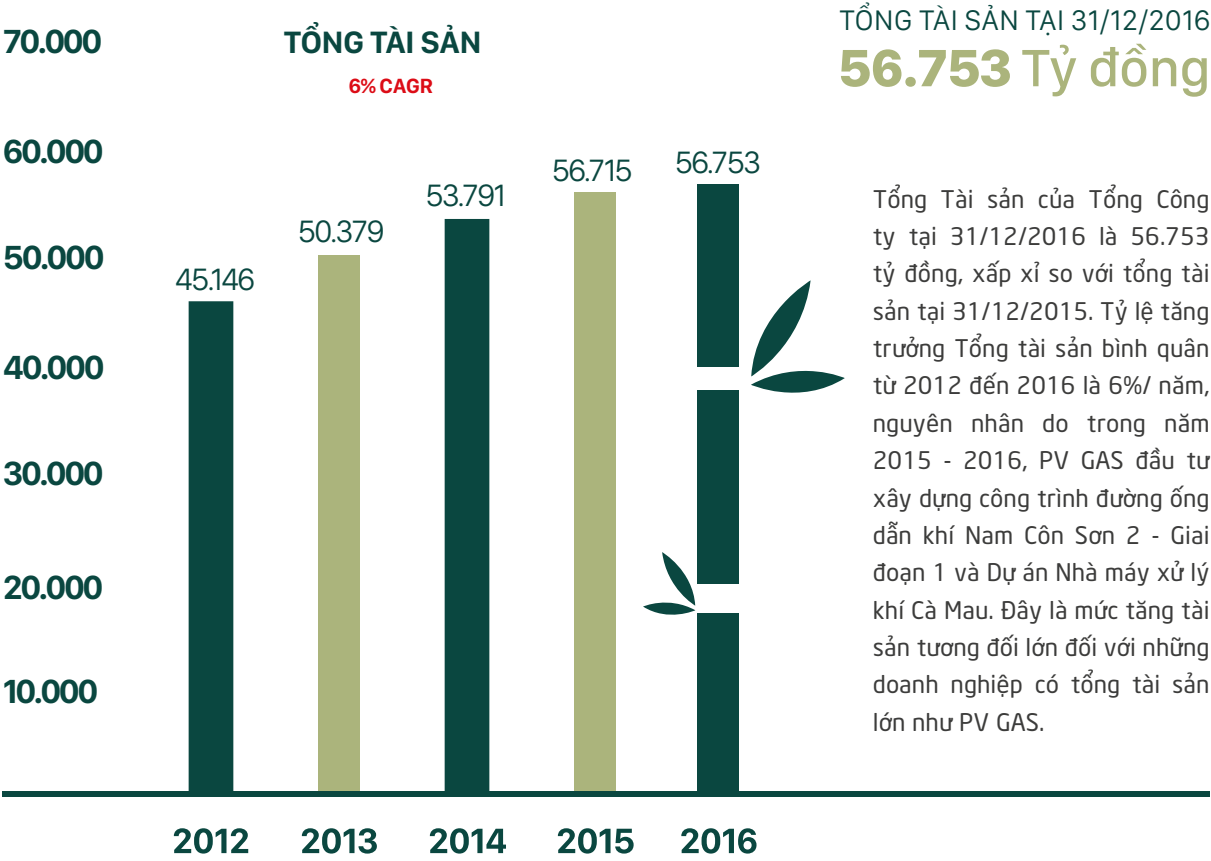
2016

19.139 Tỷ đồng
VỐN ĐIỀU LỆ



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI SẢN



Cơ cấu tài sản

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH KHÁC	2012	2013	2014	2015	2016
Cơ cấu tài sản					
TSNH/Tổng TS	0,45	0,56	0,62	0,60	0,59
TSDH/Tổng TS	0,54	0,43	0,37	0,40	0,41

Là một doanh nghiệp sản xuất, tỷ lệ tài sản dài hạn chiếm trên 40% tổng tài sản là một tỷ lệ an toàn và phù hợp với loại hình sản xuất kinh doanh.

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

Tính đến hết ngày 31/12/2016, nợ phải trả đạt 15.910 tỷ đồng chiếm 28% tổng nguồn vốn, chủ yếu là nợ ngắn hạn. Chỉ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu hiện chỉ ở mức 0,18 lần. Việc sử dụng nợ vay thấp giúp giảm bớt rủi ro về chi phí lãi vay và áp lực trả nợ gốc. Bên cạnh đó, chỉ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu thấp cũng thể hiện khả năng dễ dàng huy động vốn vay trong tương lai cho các dự án đầu tư của PV GAS khi cần thiết.

So với năm 2015, tỷ lệ nợ phải trả/tổng nguồn vốn đã tăng lên 15% chủ yếu do PV GAS gia tăng vay dài hạn để tiếp tục đầu tư cho 2 dự án lớn là đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 1 và Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau.

Cơ cấu nguồn vốn

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH KHÁC	2012	2013	2014	2015	2016
Nợ phải trả/Tổng NV	0,36	0,30	0,30	0,24	0,28
VCSH/Tổng NV	0,60	0,66	0,67	0,76	0,72
Hệ số nợ vay/Vốn	0,34	0,26	0,21	0,14	0,18

Vốn chủ sở hữu: Mặc dù là đơn vị sản xuất với chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng lớn nhưng tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn luôn trên 50%, tỷ lệ này tăng dần từ năm 2012 và đạt 72% tại cuối năm 2016 do giai đoạn này PV GAS đã trả nợ rất nhiều hợp đồng tín dụng, làm giảm số dư nợ vay tại thời điểm cuối năm. Hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu của PV GAS giảm dần từ 47% xuống còn 18% năm 2016. Tỷ trọng này thể hiện lợi nhuận để tái đầu tư của PV GAS và khả năng tự chủ cao về nguồn vốn để đầu tư của PV GAS. Với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng tự chủ về tài chính như trên, PV GAS là một doanh nghiệp được các tổ chức tín dụng đánh giá rất cao. Đây là một thuận lợi lớn của PV GAS trong việc thu xếp nguồn vốn để tiếp tục thực hiện các dự án lớn trong tương lai.

HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN VÀ VỐN

Trong giai đoạn từ 2012 đến 2016, tình hình tài chính của nền kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp phải tái cơ cấu (hợp nhất, sáp nhập với doanh nghiệp khác) hoặc thậm chí phải giải thể, phá sản. Đặc biệt trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2016, giá dầu thế giới và giá dầu trong nước giảm sâu thì với vai trò là một đơn vị thành viên chủ chốt của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, là doanh nghiệp đi đầu trong ngành công nghiệp khí, PV GAS vẫn đạt tỷ lệ tăng trưởng qua các năm về doanh thu và lợi nhuận kinh doanh. Với những ưu thế của sản phẩm khí như tính kinh tế cao, thân thiện với môi trường, sản phẩm này hứa hẹn sẽ trở thành nguồn nguyên, nhiên liệu chính cho thêm nhiều nhà máy, hộ công nghiệp, mở ra tiềm năng phát triển cho PV GAS trong tương lai.

Khả năng sinh lời

NĂM	2012	2013	2014	2015	2016
LN trước thuế/Tổng Doanh thu	18%	24%	25%	17%	15%
LN sau thuế/Tổng Doanh thu	15%	19%	20%	14%	12%
Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản (ROA)	22%	26%	28%	16%	13%
Lợi nhuận ròng/Vốn CSH (ROE)	40%	42%	41%	22%	17%

Các chỉ số về khả năng sinh lời năm 2016 đều giảm so với năm 2015 là do doanh thu, lợi nhuận của năm 2016 giảm do ảnh hưởng giá dầu giảm, dẫn đến giá bán các sản phẩm khí giảm so với năm 2015.

Khả năng thanh toán

NĂM	2012	2013	2014	2015	2016
Hệ số TT hiện hành (lần) = TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,53	2,87	3,14	3,76	3,62
Hệ số TT nhanh = (Giá trị TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ NH	2,33	2,62	2,96	3,62	3,48

Mặc dù kết quả kinh doanh của năm 2016 giảm so với năm 2015 do ảnh hưởng bởi giá dầu, nhưng tính thanh khoản của PV GAS vẫn ở mức cao. Khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh trong giai đoạn 2012 - 2016 ngày càng tăng. Với hệ số khả năng thanh toán như trên cho thấy năng lực tài chính của PV GAS tốt, khả năng thanh toán các khoản nợ tốt và không gặp khó khăn về tài chính khi các khoản nợ đến hạn. Bên cạnh chỉ số về hệ số nợ vay/Vốn CSH, đây cũng là một trong những chỉ số quan trọng để các tổ chức tín dụng đánh giá, xếp hạng doanh nghiệp, cũng như là một thuận lợi cho PV GAS để thu xếp vốn vay trên thị trường tài chính trong và ngoài nước.

Các chỉ số hoạt động năm 2016

Vòng quay các khoản phải thu, hàng tồn kho

NĂM	2012	2013	2014	2015	2016
Vòng quay các khoản phải thu	11,08	11,54	13,37	9,72	5,88
Thời gian quay vòng khoản phải thu (ngày)	32,93	31,63	27,30	37,55	62,06
Vòng quay hàng tồn kho	39,96	23,64	24,64	33,13	37,97
Thời gian quay vòng hàng tồn kho (ngày)	9,13	15,44	14,81	11,02	9,61



Vòng quay các khoản phải thu năm 2016 đạt 5,88 vòng (tương đương 62 ngày/vòng quay), so với năm 2015, số vòng quay các khoản phải thu năm 2016 giảm và thời gian quay vòng các khoản phải thu năm 2016 lại tăng nguyên nhân chủ yếu do:

Các khoản phải thu ngắn hạn trong năm 2016 tăng so với năm 2015 do thời điểm cuối năm 2016, PV GAS ghi nhận doanh thu do tăng cước phí vận chuyển khí và chênh lệch giá khí, trong khi các khoản phải thu này chưa đến hạn phải trả.

Doanh thu năm 2016 của PV GAS giảm so với năm 2015 do ảnh hưởng của giá dầu giảm dẫn đến giá bán các sản phẩm khí giảm so với năm 2015.

Để đạt được hiệu quả trong việc thu hồi nợ phải thu, PV GAS luôn tăng cường công tác quản lý nợ và thu hồi nợ, ban hành quy chế quản lý nợ chặt chẽ, phân tích tuổi nợ, phân loại nợ và lựa chọn khách hàng để hạn chế tối đa nợ xấu.

Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2016 là 38 vòng. Vòng quay hàng tồn kho của PV GAS biến động không theo xu hướng nhất định là do đặc thù kinh doanh LPG của PV GAS. Hoạt động kinh doanh LPG của PV GAS là hoạt động thương mại, trong trường hợp PV GAS nhập LPG vào thời điểm cuối năm tài chính thì số dư hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm sẽ cao (do PV GAS chưa kịp bán được nhiều LPG), trường hợp PV GAS nhập LPG vào thời điểm trước thời điểm kết thúc năm khoảng 20 - 30 ngày thì khi đó số dư hàng tồn kho LPG sẽ thấp. Về hoạt động kinh doanh LPG, PV GAS đã lập 1 tổ công tác LPG để thường xuyên theo dõi giá LPG cũng như xác định cung - cầu thị trường theo tháng để đảm bảo việc nhập khẩu và tiêu thụ LPG đạt hiệu quả, không để tình trạng ứ đọng hàng tồn kho.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2016, PV GAS đã cập nhật, sửa đổi và ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng mới, trong đó có những nội dung được cải tiến như sau:

- Phù hợp với các quy định mới của Nhà nước về việc tăng lương tối thiểu vùng và bổ sung các khoản phụ cấp đóng bảo hiểm xã hội;
- Tăng tính công bằng, khuyến khích đối với người lao động, cụ thể: Các chức danh có mức lương cao hơn sẽ được đóng bảo hiểm xã hội cao hơn, được hưởng tiền thưởng an toàn cao hơn;
- Đảm bảo cơ chế phân phối rất linh hoạt và thuận tiện, có thể điều chỉnh theo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Mục tiêu tổng quát

- Phát triển Tổng Công ty khí Việt Nam thành Doanh nghiệp khí mạnh, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao, hoạt động hoàn chỉnh trong tất cả các khâu thu gom - xuất nhập khẩu - vận chuyển - chế biến/chế biến sâu - tàng trữ - dịch vụ - kinh doanh khí và sản phẩm khí, tham gia hoạt động đầu tư thượng nguồn. Đóng vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp khí trên toàn quốc, phấn đấu phát triển thành Doanh nghiệp ngành Khí hàng đầu khu vực ASEAN và có tên trong các Doanh nghiệp ngành Khí toàn cầu.

Mục tiêu cụ thể

- Giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động thu gom khí. Tham gia hoạt động thượng nguồn trong và ngoài nước để chủ động nguồn khí, cung cấp cũng như nâng cao vị thế của PV GAS.
- Xây dựng, vận hành và kinh doanh đồng bộ, an toàn, hiệu quả, tối ưu các hệ thống khí trên toàn quốc, xây dựng đường ống kết nối các khu vực, từng bước hình thành hệ thống khí quốc gia và khu vực. Toàn bộ nguồn khí vào bờ đều được đưa qua GPP, đa dạng hóa và gia tăng sản lượng các sản phẩm khí. Tăng cường chế biến sâu khí và sản phẩm khí. Nhanh chóng triển khai đầu tư để nhập khẩu LNG, đảm bảo đáp ứng tối đa nhu cầu tiêu thụ, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng. Sẵn sàng gia tăng nguồn khí theo nhu cầu của hộ tiêu thụ.
- Kinh doanh sản phẩm khí: Giữ vững vai trò chủ đạo trong thị trường kinh doanh LPG. Phấn đấu duy trì và giữ vững 60 - 70% thị phần LPG toàn quốc, trong đó ít nhất 50% thị phần LPG bán buôn và 27 - 30% thị phần LPG thương mại và dân dụng. Phát triển thương hiệu PV GAS và tham gia mạnh thị trường LPG quốc tế trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả. Tăng cường phát triển thị trường CNG, LNG, Gas City, Auto gas, ES (tiết kiệm năng lượng) ... trên toàn quốc.
- Hoạt động dịch vụ: Phát huy vai trò chủ đạo trên thị trường dịch vụ khí trong nước, tích cực tham gia thị trường quốc tế.

KẾ HOẠCH 2017

(theo phương án giá dầu Brent 50 USD/thùng, sẽ trình Đại Hội Đồng Cổ Đông(DHĐCĐ) thường niên năm 2017 xem xét, thông qua)

Mục tiêu, nhiệm vụ

- Vận hành an toàn và đảm bảo công tác an ninh an toàn các công trình khí hiện có.
- Đảm bảo hiệu quả trong sản xuất kinh doanh; cung cấp tối đa khí và các sản phẩm khí cho khách hàng, cùng với các đơn vị thành viên đáp ứng trên 70% nhu cầu LPG của cả nước.
- Tập trung kiểm soát, đảm bảo tiến độ các dự án chuẩn bị và thực hiện đầu tư; thực hiện thanh quyết toán các dự án hoàn thành đúng thời hạn qui định.
- Quản lý/khai thác có hiệu quả các hợp đồng mua bán, vận chuyển khí; phát triển thị trường tiêu thụ khí, tăng cường chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm; triển khai mạnh mẽ công tác bán lẻ LPG, gia tăng thị phần.
- Tăng cường công tác nghiên cứu, tìm kiếm, phát triển các nguồn khí mới trong và ngoài nước; chú trọng chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm; tham gia đầu tư thượng nguồn khi có điều kiện; chuẩn bị các phương án để sẵn sàng với thị trường khí giá cao trong tương lai.
- Xây dựng, triển khai áp dụng hệ thống quản trị phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh; tăng cường thực hiện các giải pháp tiết kiệm, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; xây dựng, phát triển thương hiệu và văn hóa PV GAS.
- Thực hiện tái cấu trúc, rà soát, sắp xếp nhân sự hiệu quả, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS; chuẩn bị các điều kiện, đảm bảo vận hành thành công GPP Cà Mau khi hoàn thành công tác xây dựng; thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

Kế hoạch năm 2017 PV GAS sẽ trình HĐQT thường niên năm 2017 thông qua như sau:

Cơ sở

- Các văn bản của Chính phủ, PVN về đơn giá mua bán khí, nguồn cung khí; các hợp đồng mua bán khí ký kết với khách hàng của PV GAS; kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 của PV GAS đã trình PVN; kế hoạch cấp khí/sử dụng khí, bảo dưỡng sửa chữa của các chủ mỏ/khách hàng ở thượng nguồn/hạ nguồn; tình hình thực hiện thực tế của PV GAS trong 3 năm gần nhất.
- Nhu cầu/khả năng sử dụng:
 - Khu vực Đông Nam Bộ: Ngoài các khách hàng hiện hữu sử dụng khí để sản xuất điện, đạm, cho khách hàng công nghiệp, trong năm không có thêm khách hàng lớn mới đăng ký tiêu thụ khí. Các khách hàng hiện hữu chưa có kế hoạch mở rộng qui mô sản xuất.
 - Khu vực Tây Nam Bộ: Dự án GPP Cà Mau đi vào hoạt động, ngoài sản phẩm khí khô cung cấp cho khách hàng hiện hữu để sản xuất điện, đạm, PV GAS sẽ có thêm sản phẩm LPG, Condensate cung cấp ra thị trường từ GPP Cà Mau.
 - Khu vực Bắc Bộ: Ngoài khách hàng hiện hữu tiêu thụ khí, PV GAS xem xét, cân đối có thể mở rộng thêm một số khách hàng mới tiêu thụ khí trong tỉnh Thái Bình (nếu hiệu quả).
- Sản lượng khí và sản phẩm khí sản xuất: Tỷ lệ thu hồi khí khô và sản phẩm lỏng tính bằng tỷ lệ thu hồi trung bình thực tế.
- Sản lượng cung cấp và tiêu thụ khí, sản phẩm khí của khách hàng điện, đạm, khí thấp áp và các hộ công nghiệp, công ty kinh doanh LPG, Nhà máy chế biến Condensate.
- Giá dầu Brent 50 USD/thùng.
- Giá bán, cước phí vận chuyển khí, sản phẩm khí theo quy định của Chính phủ/PVN và quy định của các hợp đồng đã ký kết.



Chỉ tiêu kế hoạch chính (theo phương án giá dầu Brent 50 USD/thùng)

	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2017
I	Sản lượng		
1	Khí ẩm đưa vào bờ	Tr.M3	9.636
	Khí Cửu Long	Tr.M3	1.359
	Khí Nam Côn Sơn	Tr.M3	6.307
	Khí PM3	Tr.M3	1.900
	Khí Tiền Hải - Thái Bình	Tr.M3	70
2	Khí tiêu thụ	Tr.M3	9.244
3	Condensate tiêu thụ	1.000 Tấn	56
4	LPG (Công ty mẹ) tiêu thụ	1.000 Tấn	1.050
II	Tài chính		
1	Doanh thu	Tỷ Đ	51.479
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	47.842
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	6.297
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	6.165
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	5.257
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	5.152
4	Tỷ suất LNST/VĐL	%	27
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	30
6	Vốn điều lệ	Tỷ Đ	19.139
7	Nộp ngân sách	Tỷ Đ	2.231
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	2.136
8	Giá trị giải ngân đầu tư xây dựng (công ty mẹ)		3.782
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ Đ	1.957
-	Vốn vay + khác	Tỷ Đ	1.825
9	Lao động cuối kỳ (công ty mẹ)	Người	1.370
10	Thực hiện an sinh xã hội	Tỷ Đ	130

Kế hoạch đầu tư xây dựng

Năm 2017, PV GAS dự kiến triển khai chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, thanh quyết toán: 12 dự án nhóm; 4 dự án nhóm B và các dự án nhóm C, mua sắm trang thiết bị và đầu tư tài chính với tổng nhu cầu vốn giải ngân giải ngân 3.782 tỷ đồng; tập trung cho phát triển nguồn cung cấp khí từ các mỏ trong nước và nhập khẩu khí từ nước ngoài, phát triển cơ sở hạ tầng để tăng năng lực sản xuất kinh doanh, để chế biến sâu gia tăng giá trị sản phẩm,...

	TÊN DỰ ÁN	KẾ HOẠCH GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN (TỶ ĐỒNG)
	Tổng cộng	3.782
I	Thu gom khí	294
1	Đường ống khí Lô B - Ô Môn	12
2	Đường ống khí Nam Côn Sơn 2, giai đoạn 2	202
3	Đường ống khí Sư Tử Trắng	34
4	Đường ống khí Cá Rồng Đỏ	23
5	Đường ống khí Sao Vàng - Đại Nguyệt	23
II	Nhập khẩu LNG (Thị Vải, Sơn Mỹ, Tây Nam Bộ)	23
III	Tăng cường năng lực chế biến, tàng trữ khí, sản phẩm khí	1.792
1	Nhà máy xử lý khí Cà Mau	1.548
2	Nâng cao hệ số thu hồi LPG tại GPP Dinh Cố	221
3	Nhà máy sản xuất Polypropylene	23
IV	Thanh quyết toán; chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư các DADT khác; mua sắm trang thiết bị; và đầu tư tài chính	1.673

Công việc thực hiện của một số dự án lớn trong năm 2017

Thu gom khí

Các Đường ống khí Nam Côn Sơn 2, giai đoạn 2, Sư Tử Trắng, Cá Rồng Đỏ, Sao Vàng - Đại Nguyệt: phê duyệt FS và triển khai các bước tiếp theo.

Nhập khẩu LNG

- LNG Thị Vải: PV GAS/Đơn vị thành viên tái khởi động Dự án.
- LNG Sơn Mỹ: Lựa chọn đối tác hợp tác đầu tư; nghiên cứu phương án phát triển đồng bộ chuỗi Dự án.
- LNG Tây Nam Bộ: Lập Pre FS.

Tăng cường năng lực chế biến, tàng trữ khí, sản phẩm khí

- Nhà máy xử lý khí Cà Mau: Hoàn thành, đưa vào sử dụng QI/2017; thanh quyết toán vốn đầu tư.
- Nâng cao hệ số thu hồi LPG tại GPP Dinh Cố: Hoàn thành 90% KLCV.
- Tách Ethane từ nguồn khí Cửu Long và Nam Côn Sơn: thực hiện phù hợp với tiến độ của LSP.
- Nhà máy sản xuất Polypropylene: Phê duyệt FS và triển khai các bước tiếp theo.

TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công tác bảo vệ môi trường được PV GAS chú trọng triển khai ngay từ khi bắt đầu của mọi dự án. Tất cả các hoạt động của PV GAS đều được nghiên cứu và lập báo cáo ĐTM hoặc cam kết BVMT theo yêu cầu pháp luật. Các hoạt động liên quan đến condensate và hóa chất đều xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố. Việc giám sát môi trường được triển khai theo đúng các yêu cầu pháp luật, cam kết trong báo cáo ĐTM và Hướng dẫn của PVN, PV GAS bao gồm môi trường nước, không khí và trầm tích. Giám sát nguồn thải được thực hiện thường xuyên và đột xuất. Các kết quả giám sát đều được lập thành hồ sơ, báo cáo theo qui định. Chất thải rắn, chất thải nguy hại được phân loại từ nguồn, lưu giữ vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật.

Công tác kiểm tra chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường cũng được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc. Tại PV GAS duy trì chế độ kiểm tra 4 cấp: Ca, Tổ/đội, Công ty và Tổng Công ty. Ngoài các kỳ kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước, các công ty cấp chứng chỉ độc lập, các đối tác PV GAS duy trì kiểm tra hàng năm tất cả các đơn vị trực thuộc.

Đào tạo cán bộ làm công tác chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về môi trường cũng được quan tâm thích đáng trên cơ sở đánh giá nhu cầu hàng năm. Công tác đào tạo bao gồm: Đào tạo nhập môn và đào tạo duy trì cho mọi nhân viên, đào tạo chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách và đội ngũ an toàn vệ sinh viên, đào tạo nâng cao cho cán bộ chủ chốt và đào tạo cung cấp kiến thức BVMT cho cán bộ lãnh đạo.

Ngoài ra, PV GAS còn trao đổi kinh nghiệm, cập nhật các thông tin khoa học công nghệ mới, đánh giá kết quả hoạt động BVMT được thực hiện thông qua Hội nghị hàng năm về ATSKMT.

Trong lĩnh vực năng lượng, PV GAS tổ chức tận thu các nguồn khí đồng hành cung ứng cho nền kinh tế, hạn chế đốt bỏ dầu thô và khí thiên nhiên trong thăm dò và khai thác, mở rộng cung ứng khí thiên nhiên cho các khu công nghiệp thay thế dầu, cung ứng và tổ chức phương thức vận tải bằng LPG và CNG.

Trong những năm qua, PV GAS đã thể hiện rõ vai trò và sự nỗ lực tham gia trong việc thực hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường. Gắn việc bảo vệ môi trường vào trong quá trình sản xuất, các đơn vị của PV GAS đều phải xây dựng, trình duyệt các giải pháp, phương án bảo vệ môi trường. Với những giải pháp bảo vệ môi trường hiệu quả, PV GAS và các đơn vị trực thuộc, thành viên đã được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 về môi trường.

PV GAS luôn không ngừng nghiên cứu, đầu tư mở rộng các dự án khai thác khí từ mỏ ngoài khơi, gắn liền công tác bảo vệ môi trường, giảm phát thải, kiểm toán chất thải, sản xuất sạch hơn, ... nhằm đạt được mục tiêu phát triển mạnh về kinh tế trên cơ sở bảo vệ môi trường nhằm hướng đến phát triển bền vững.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 có nhiều khó khăn, tuy nhiên PV GAS vẫn đảm bảo được việc làm cho người lao động, hầu hết người lao động được bố trí công việc phù hợp với trình độ chuyên môn và khả năng, không có trường hợp nào ngừng việc hoặc mất việc.

Trích nộp đầy đủ và kịp thời bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn cho người lao động theo đúng các quy định của Pháp luật.

Mặc dù doanh thu và lợi nhuận năm 2016 giảm so với năm 2015, tuy nhiên tiền lương, thu nhập và các chế độ chính sách khác cho người lao động vẫn được đảm bảo, chỉ giảm khoảng 4% so với thu nhập năm 2015.

Năm 2016 có 81 kiến nghị được người lao động đưa ra tại các buổi đối thoại định kỳ. Tất cả các kiến nghị đều được Tổng Công ty và các công ty con, công ty thành viên xem xét, xử lý thỏa đáng.

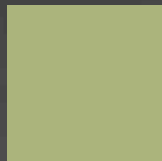
ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG.

Bên cạnh việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Nhà nước và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giao, đặc biệt là trong việc góp phần đảm bảo an ninh năng lượng và an ninh lương thực quốc gia, PV GAS còn rất coi trọng và tích cực hưởng ứng, tham gia các chương trình an sinh xã hội, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các chương trình y tế cộng đồng như tài trợ kinh phí mua trang thiết bị cho các bệnh viện, hỗ trợ khám chữa bệnh cho bệnh nhân nghèo, xây dựng trường học/trung tâm giáo dục, giúp đỡ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, tình thương, tặng sổ tiết kiệm cho gia đình thương binh, liệt sĩ, Mẹ Việt Nam Anh hùng, ủng hộ các đồng bào, chiến sỹ làm nhiệm vụ vùng biên giới, hải đảo, ủng hộ các quỹ giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam và nhiều hoạt động an sinh xã hội khác. PV GAS thực hiện các chương trình ASXH trên khắp các địa bàn cả nước, trên tất cả các lĩnh vực, ưu tiên tập trung nhiều cho các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng cao, miền núi, hải đảo.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

PV GAS triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong điều kiện giá dầu nhiều biến động và ở mức thấp (trung bình 45 USD/thùng, chỉ bằng 75% giá kế hoạch); nhiều hệ thống khí đưa vào hoạt động đã lâu, chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày một lớn; một số mỏ/lô/giàn thuộc bốn hệ thống khí hoạt động không ổn định, thời gian dừng/giảm cấp khí để thực hiện bảo dưỡng sửa chữa/khắc phục sự cố/thay thế thiết bị kéo dài gây khó khăn và bị động trong công tác điều độ khí; một số dự án lớn triển khai trong điều kiện không thuận lợi, thông tin đầu vào nhiều thay đổi, việc đưa ra quyết định đầu tư thường bị kéo dài; mua bán khí Thái Bình không cùng cơ chế, mua vào với giá cố định, bán ra thả nổi theo giá dầu, khó có hiệu quả khi giá dầu ở mức thấp; sản xuất ống, bọc ống không có dự án lớn để thực hiện;...

Lường trước được những khó khăn, ngay từ đầu năm, PV GAS đã chủ động thực hiện quyết liệt đồng bộ các giải pháp hữu hiệu, tăng cường công tác tiết giảm chi phí, thu hồi công nợ; kiểm soát, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án mang lại hiệu quả cao; thu xếp và sử dụng vốn có hiệu quả,... cùng với nỗ lực, cố gắng không ngừng của tập thể Lãnh đạo PV GAS trong công tác chỉ đạo, điều hành, sự đoàn kết của toàn thể CBCNV, sự chỉ đạo sát sao của PVN, PV GAS đã thực hiện thành công nhiệm vụ, kế hoạch PVN giao. Vận hành an toàn hệ thống khí, không để bất kỳ sự cố nào gây thiệt hại về người và tài sản, hầu hết các nhiệm vụ, chỉ tiêu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính như sau:

	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH16	TH16/KH16
1	Khí ẩm	Tr.m3	10.503	107%
2	Khí tiêu thụ	Tr.m3	10.301	105%
3	Condensate tiêu thụ	1.000T	70	123%
4	LPG (công ty mẹ) tiêu thụ	1.000T	1.352	137%
5	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	60.525	121%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	9.152	141%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	7.172	138%
8	Tỷ suất LNST/VĐL	%	37	137%
9	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	23(*)	
10	Nộp NSNN	Tỷ Đ	3.526	147%
11	Giải ngân vốn ĐTXD (công ty mẹ)	Tỷ Đ	4.838	102%

(*) tạm ứng cổ tức năm 2016, tính đến 31/12/2016, thực hiện cổ tức năm 2016 sẽ được ĐHCĐ thường niên năm 2017 thông qua.

Bên cạnh việc vận hành an toàn, liên tục các công trình khí trong năm 2016; hoàn thành bảo dưỡng sửa chữa lớn trong các đợt dừng khí của hệ thống PM3 - Cà Mau, Cửu Long, đại tu hệ thống khí Nam Côn Sơn vào tháng 09/2016 và đưa các hệ thống khí này vào vận hành an toàn, ổn định, cấp khí tối đa cho khách hàng, hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng từ 5-46%, trong đó có chỉ tiêu về đích trước kế hoạch từ 2-3 tháng; PV GAS đã nỗ lực tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh khí và các sản phẩm khí với những giải pháp linh hoạt về vận hành, ổn định, điều độ, nguồn khí, nguồn hàng LPG,... để đảm bảo cấp khí, LPG, Condensate theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết với khách hàng, giảm đáng kể mức độ ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận do giá dầu thấp; hoàn thành công tác đàm phán, ký kết các hợp đồng/phụ lục hợp đồng với khách hàng về việc áp dụng giá khí, cước phí mới cũng như xác định công nợ với khách hàng mua bán khí khô; hoàn thành việc xây dựng và ban hành áp dụng Quy chế kinh doanh sản phẩm khí góp phần tăng tính chủ động, giảm chồng chéo trong các lĩnh vực kinh doanh trong toàn PV GAS; hoàn thành xây dựng và triển khai quyết liệt Chiến lược phát triển bán lẻ LPG.

Công tác đầu tư xây dựng được triển khai tích cực với việc chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, thanh quyết toán 14 dự án nhóm A, 8 dự án nhóm B và các dự án nhóm C, mua sắm trang thiết bị và đầu tư tài chính. PV GAS đã chủ động/phối hợp chặt chẽ với các Bộ ngành, PVN, Chủ khí, Nhà thầu trong quá trình triển khai dự án; phối hợp chặt chẽ với PVN trong việc bổ sung 4 dự án thu gom, nhập khẩu khí mới vào qui hoạch/kế hoạch (Đường ống khí mỏ Sư Tử Trắng, Cá Rồng Đỏ, Sao Vàng/Đại Nguyệt và LNG Tây Nam Bộ). Kết quả là công tác đầu tư xây dựng được bám sát tiến độ, phù hợp các qui định, thu xếp vốn kịp thời/hiệu quả, giải ngân 4.838 tỷ đồng, bằng 102% kế hoạch (tập trung vào các dự án: Đường ống khí lô B - Ô Môn, Nam Côn Sơn 2, giai đoạn 1, Cá Rồng Đỏ, Hàm Rồng - Thái Bình, Nhà máy xử lý khí Cà Mau, Cấp bù khí ẩm Nam Côn Sơn cho GPP Dinh Cố,...).

Bên cạnh việc chỉ đạo, điều hành để thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thì trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng là một trong những ưu tiên được PV GAS đặt lên hàng đầu, luôn nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về môi trường, thể hiện trách nhiệm cao đối với môi trường và xã hội, cũng như hướng dẫn các nhà thầu, nhà cung cấp dịch vụ thực hiện việc tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường.

Với kết quả đạt được của năm 2016, PV GAS đã trở thành một trong những đơn vị dẫn đầu của Tập đoàn về đóng góp doanh thu và lợi nhuận; Top đầu các đơn vị trong Tập đoàn có tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu trên 17%, góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng, bình ổn giá LPG thị trường (cung cấp khí để sản xuất gần 30% sản lượng điện, 70% đạm, 70% thị phần LPG cả nước); Top 10 doanh nghiệp niêm yết uy tín năm 2016 (Vietnam Report bình chọn); Top 50 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất TTCK Việt Nam (Tạp chí Forbes bình chọn); đứng thứ 3 trong các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Vietnam Report và Tạp chí Thuế - Tổng cục Thuế xếp hạng); thuộc Top 300 công ty hàng đầu Châu Á (Tạp chí Nikkei Asian Review); Top 100 doanh nghiệp Việt Nam bền vững năm 2016 (Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững - VBCSD phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh Xã hội, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và UBCKNN tổ chức); đạt Danh hiệu Thương hiệu Quốc gia 2016 (Bộ Công Thương tổ chức).

PV GAS đã có nhiều cố gắng, chủ động triển khai công tác bảo vệ môi trường vào thực tiễn hoạt động của công nghiệp khí từ rất sớm, tích hợp xây dựng Hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001, ISO 14001, OHSAS 18001 (ISO DIS 45001) và là một trong những đơn vị đi tiên phong trong lĩnh vực an toàn, môi trường, từng bước hoàn thiện, cập nhật liên tục các quy định, quy trình về quản lý an toàn, môi trường, ứng phó với các sự cố đặc thù riêng của ngành khí. Đây là một nỗ lực xuyên suốt của PV GAS trong những năm hoạt động vừa qua, vì PV GAS đã nhận thức An toàn - Môi trường là vấn đề sống còn của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khí/PV GAS, là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển PV GAS. Hệ thống quản lý tích hợp này được phát triển dựa trên một quá trình tuần hoàn hành động: "Hoạch định, thực thi, kiểm tra và đánh giá" (Plan - Do - Check- Act) và triển khai đồng bộ xuống các đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên của PV GAS để đảm bảo PV GAS luôn đầu tư đầy đủ nhân lực, trang thiết bị cho công tác bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, PV GAS còn tích cực hưởng ứng, tham gia các chương trình an sinh xã hội trên khắp các địa bàn cả nước. Trong năm 2016, PV GAS đã ủng hộ hơn 122 tỷ đồng để thực hiện 42 chương trình an sinh xã hội (chương trình về giáo dục, y tế, nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, tình thương, khắc phục hậu quả thiên tai, đền ơn đáp nghĩa,...) tại nhiều tỉnh thành trong cả nước, trong đó tập trung nhiều cho các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo. Tính từ năm 2009 đến nay, PV GAS đã tài trợ cho công tác an sinh xã hội trên 800 tỷ đồng. Những hoạt động an sinh xã hội thiết thực của PV GAS trong thời gian qua mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Bên cạnh những thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh chính, nhận thức và thực hiện tốt trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, công tác tái cấu trúc, nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, tiết giảm chi phí, hợp tác đầu tư, lao động, tiền lương, an sinh xã hội... cũng đạt kết quả tốt, cùng đóng góp vào thành công chung của PV GAS trong năm 2016 về mặt hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cũng như những đóng góp cho cộng đồng.

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD

Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành trong năm 2016, cụ thể:

- Triển khai, chỉ đạo các đơn vị, phòng Ban chức năng phối hợp thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT và cố gắng khắc phục các khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao và đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Thường xuyên báo cáo đầy đủ trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của HĐQT và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT khi phát sinh vấn đề vượt phân cấp thẩm quyền quyết định của Ban Tổng Giám đốc.
- Rà soát thường xuyên các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án được an toàn, chất lượng, phù hợp với tiến độ phê duyệt.
- Làm việc thường xuyên với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị.
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh chuyên nghiệp, trung thực, cẩn trọng, với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của PV GAS và cổ đông.
- Có tầm nhìn chiến lược lâu dài và hoạch định sẵn sàng các kế hoạch, giải pháp linh hoạt, nhạy bén để sẵn sàng đối phó với các bất lợi, rủi ro.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Phương hướng hoạt động trong năm 2017 của Hội đồng Quản trị Trong năm 2017, dự báo nền kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, triển vọng tăng trưởng toàn cầu không chắc chắn bởi các biến số khó lường về chính trị thế giới. Bối cảnh chung sẽ tiếp tục tác động vào hoạt động của các Doanh nghiệp Việt Nam nói chung và PV GAS nói riêng. Nội tại, PV GAS phải đối mặt với những khó khăn khi dự báo giá dầu có nhiều biến động và vẫn ở mức thấp; nguồn khí giá rẻ suy giảm nhanh buộc phải huy động nhiều hơn nguồn khí giá cao; thượng nguồn ngày càng có nhiều mỏ khí đưa vào hệ thống nên công tác điều độ ngày càng phức tạp; chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày một lớn; nhiều dự án mới có nhu cầu vốn lớn, tiến độ sát, cần phải tập trung và huy động nguồn lực lớn để đảm bảo tiến độ,...

Với đặc điểm tình hình trong và ngoài nước nói chung, cũng như của riêng PV GAS, để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ Kế hoạch 2017, HĐQT đã xác định những nội dung chính cần thực hiện như sau:

- Tiếp tục tổ chức bộ máy HĐQT làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành.
- Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định và tổ chức họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, tham gia các cuộc họp của Ban điều hành để cùng Ban điều hành kịp thời xử lý công việc.
- Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT và các cấp có thẩm quyền.
- Chỉ đạo: Triển khai Chiến lược phát triển PV GAS đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035, Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 vì mục tiêu phát triển bền vững của PV GAS.

Triển khai Kế hoạch 2017 với các giải pháp linh hoạt, nhạy bén...để hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch 2017, góp phần thực hiện thành công Kế hoạch 5 năm 2016-2020. Tập trung kiểm soát, đảm bảo các dự án chuẩn bị và thực hiện đầu tư, thực hiện thanh quyết toán các dự án hoàn thành đúng quy định; ưu tiên tập trung nguồn lực thực hiện các dự án trọng điểm, có hiệu quả.

Khai thác có hiệu quả các hợp đồng mua bán, vận chuyển khí; không ngừng đẩy mạnh công tác phát triển thị trường tiêu thụ khí; triển khai mạnh mẽ công tác bán lẻ LPG, gia tăng thị phần.

Tăng cường công tác nghiên cứu, tìm kiếm, phát triển các nguồn khí mới trong và ngoài nước; chú trọng chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm; tham gia đầu tư thượng nguồn khí có điều kiện; chuẩn bị các phương án để sẵn sàng với thị trường khí giá cao trong tương lai.

Xây dựng, triển khai áp dụng hệ thống quản trị phù hợp với hoạt động SXKD; tăng cường thực hiện các giải pháp tiết kiệm, tiết giảm chi phí; xây dựng phát triển thương hiệu và văn hóa PV GAS.

Triển khai tích cực Hệ thống quản trị nguồn nhân lực và Phương án tái cấu trúc giai đoạn 2016 - 2020 để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Mục tiêu phấn đấu trong năm 2017: Vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo an ninh các công trình khí; đảm bảo tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư; cung cấp trên 9,2 tỷ m³ khí cho các hộ tiêu thụ, doanh thu toàn PV GAS đạt trên 51 nghìn tỷ, tiếp tục là đơn vị chủ lực của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và đạt được kỳ vọng của cổ đông PV GAS.

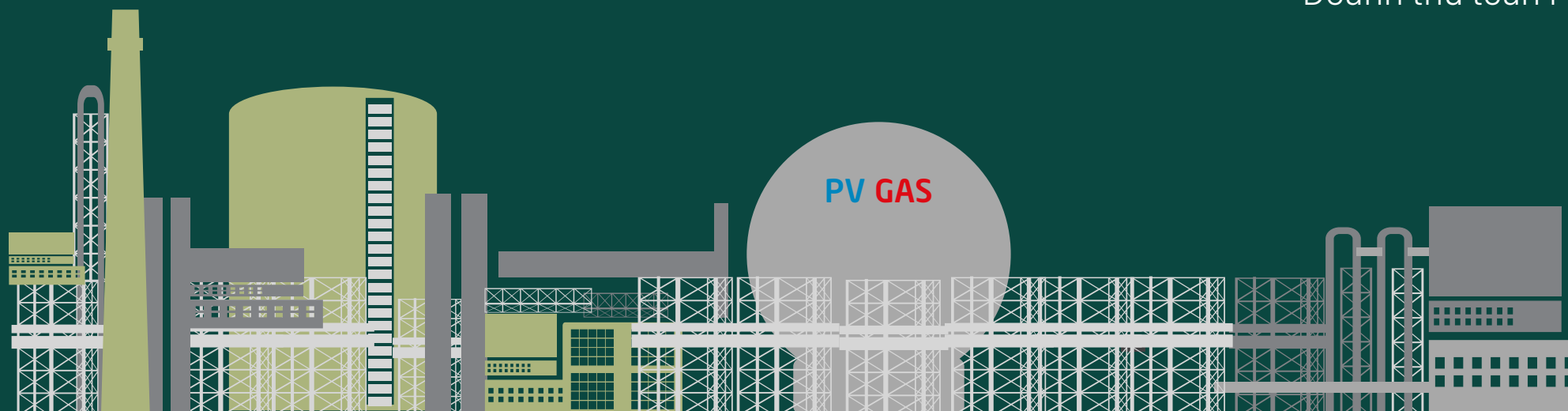
MỤC TIÊU NĂM 2017

CUNG CẤP TRÊN

9,2 Tỷ m³ khí
Cho các hộ tiêu thụ

ĐẠT TRÊN

51 Nghìn tỷ
Doanh thu toàn PV GAS





QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN HĐQT	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT
1	Ông LÊ NHƯ LINH	Chủ tịch	23/4/2015	26,45502%
2	Ông DƯƠNG MẠNH SƠN	Thành viên kiêm TGD	09/05/2015	20%
3	Ông PHAN QUỐC NGHĨA	Thành viên	15/04/2016	15%
4	Bà VÕ THỊ THANH NGỌC	Thành viên	20/10/2015	15%
5	Ông NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	Thành viên	01/12/2015	20%

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	18/NQ-ĐHĐCĐ	22/01/2016	Thông qua các nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2016 của PV GAS
2	62/NQ-ĐHĐCĐ	15/04/2016	Thông qua các nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của PV GAS

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (BÁO CÁO NĂM)

Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Ông LÊ NHƯ LINH	Chủ tịch	14	100%	
2	Ông DƯƠNG MẠNH SƠN	Thành viên kiêm TGD	13	93%	Đi công tác
3	Ông PHAN QUỐC NGHĨA	Thành viên	14	100%	
4	Bà VÕ THỊ THANH NGỌC	Thành viên	13	93%	Đi công tác
5	Ông NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	Thành viên	13	93%	Đi công tác



Tổng công ty Khí Việt Nam chỉ phát hành duy nhất một loại chứng khoán. Các thành viên trong HĐQT không kiêm nhiệm chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác.



Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chỉ đạo và giám sát đối với Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành PV GAS thông qua các hoạt động sau:

- Thường xuyên tổ chức, chủ trì, đồng chủ trì, tham gia các cuộc họp của HĐQT, của Ban Tổng Giám đốc, cụ thể:
Tổ chức 14 cuộc họp HĐQT vào các ngày 07/01/2016, 25/02/2016, 11/04/2016, 29/04/2016, 23/05/2016, 17/06/2016, 21/07/2016, 10/08/2016, 23/08/2016, 16/09/2016, 06/10/2016, 31/10/2016, 02/11/2016, 07/12/2016. 100% số lượng thành viên HĐQT trực tiếp tham gia cuộc họp.
Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường ngày 22/01/2016 và cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 vào ngày 15/04/2016. 100% số lượng thành viên HĐQT trực tiếp tham gia cuộc họp.
Chủ trì/ đồng chủ trì nhiều cuộc họp quan trọng liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, tổ chức, nhân sự, tái cấu trúc,...của PV GAS.
Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban Tổng Giám đốc.
- Tham khảo các báo cáo, đánh giá của Ban kiểm soát về hoạt động của PV GAS và các Đơn vị thành viên.
- Trao đổi, chất vấn Tổng Giám đốc về việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của ĐHĐCĐ, HĐQT.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Căn cứ quy định của Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 về quản trị công ty, Điều lệ PV GAS và quy chế quản trị PV GAS, việc thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

HĐQT đã thành lập Ban Kiểm soát Nội bộ để giúp HĐQT trong việc cảnh báo, kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý điều hành trong PV GAS; hỗ trợ Ban Kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PV GAS. Ban Kiểm soát nội bộ hoạt động độc lập với các đơn vị, bộ phận điều hành, tác nghiệp của PV GAS; luôn đảm bảo tính khách quan, trung thực, công bằng khi thực hiện việc kiểm soát.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)

Trong năm 2016, HĐQT đã ban hành 168 Nghị quyết, Quyết định của HĐQT PV GAS để quản lý, điều hành PV GAS, điển hình như sau:

	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	12/NQ-KVN	12/01/2016	Gia hạn thời gian nộp tiền mua cổ phiếu ESOP 2015
2	22/NQ-KVN	29/01/2016	Chào mua công khai cổ phần Công ty CP CNG Việt Nam
3	23/NQ-KVN	29/01/2016	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho NLĐ của PV GAS
4	26/NQ-KVN	05/02/2016	Thông qua Nội dung CBTT báo cáo kết quả phát hành Cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho NLĐ của GAS
5	27/NQ-KVN	16/02/2016	Thông qua Nội dung CBTT báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty mẹ - PV GAS
6	28/NQ-KVN	16/02/2016	Thông qua Nội dung CBTT báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của PV GAS
7	29/NQ-KVN	17/02/2016	Thông qua Nội dung CBTT giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty CP – Đăng ký thay đổi lần 16
8	40/NQ-KVN	01/03/2016	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2016 và tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2015 bằng tiền mặt
9	42/NQ-KVN	01/03/2016	Thông qua nội dung CBTT kế hoạch chốt danh sách cổ đông để tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2016 và tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2015 bằng tiền mặt của PV GAS
10	47/NQ-KVN	17/03/2016	Thông qua nội dung CBTT báo cáo về ngày trở thành cổ đông lớn tại CNG Việt Nam của PV GAS
11	48/NQ-KVN	25/03/2016	Thông qua nội dung CBTT báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2015 của PV GAS
12	63/NQ-KVN	15/04/2016	Thông qua nội dung CBTT báo cáo thường niên 2015 của PV GAS
13	66/NQ-KVN	20/04/2016	Thông qua nội dung CBTT báo cáo tài chính Quý I/2016 của Công ty Mẹ - PV GAS
14	67/NQ-KVN	20/04/2016	Thông qua nội dung CBTT báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2016 của PV GAS
15	93/NQ-KVN	12/7/2016	Thông qua Đề án thành lập Công ty Cổ phần LNG VIETNAM
16	100/NQ-KVN	12/8/2016	Quy chế Quản lý hoạt động Kinh doanh sản phẩm Khí
17	1122/QĐ-KVN	29/8/2016	Cập nhật, sửa đổi Quy trình đấu giá LPG Dinh Cố (lần 6)
18	1513/QĐ-KVN	17/11/2016	Quy chế quản lý hao hụt sản phẩm lỏng của PV GAS
19	128/NQ-KVN	30/12/2016	Kế hoạch tiền lương năm 2016 của các Đơn vị thành viên



Chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ CHỨNG CHỈ HOÀN THÀNH KHÓA HỌC	ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO
1	Ông DƯƠNG MẠNH SƠN	Thành viên kiêm TGD	Số: 41QTCT246/QĐ-TTNC Ngày cấp: 19/09/2013	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
2	Ông PHAN QUỐC NGHĨA	Thành viên	Số: 34QTCT246/QĐ-TTNC Ngày cấp: 19/09/2013	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán

Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của BKS theo quy định tại Điều lệ PV GAS và quy chế hoạt động của BKS, năm 2016 BKS đã tiến hành thực hiện giám sát các hoạt động của PV GAS như sau:

Công tác kiểm tra, kiểm toán

- BKS thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán theo kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm 2016 đối với các đơn vị (là các công ty trực thuộc và công ty cổ phần có vốn góp chi phối của PV GAS), phản ánh những kết quả đạt được, những tồn tại, thiếu sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị và nêu kiến nghị, giải pháp khắc phục. Sau mỗi đợt kiểm tra, BKS thông báo cho HĐQT/Tổng Giám đốc PV GAS để Tổng Giám đốc ban hành các chỉ thị đối với từng đơn vị;
 - Công tác giám sát cũng được thực hiện thông qua việc xem xét các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, và thông qua kết quả kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý Nhà nước, của cấp trên về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý sử dụng vốn, hoạt động đầu tư, thương mại, tiết giảm chi phí và công tác tái cấu trúc;
 - Định kỳ hàng quý/năm, lập báo cáo kiểm tra, giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của PV GAS; trong đó, phản ánh những thuận lợi, khó khăn, những kết quả đã đạt được và chưa đạt được để báo cáo cơ quan cấp trên (PVN).
- Báo cáo tài chính năm 2016 đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của PV GAS tại thời điểm 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016;
 - Báo cáo tài chính năm 2016 của PV GAS đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán theo qui định tại Điều lệ PV GAS và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016.
 - Các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính năm 2016 của PV GAS là lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán, bảo toàn và phát triển vốn;
 - Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, lập và nộp báo cáo theo đúng qui định Nhà nước, phản ánh tính đúng đắn và toàn diện hoạt động tài chính của PV GAS;
 - Tổ chức quản lý, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán đúng qui định;
 - Thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán theo qui định của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - Thực hiện báo cáo quản trị đầy đủ theo quy định của PVN;
 - Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016.

Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016

Tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo. Kết quả thẩm định cho thấy:

Các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát

Tổng kết, đánh giá hoạt động của BKS giai đoạn 2011 - 2015 và tổ chức bầu Thành viên BKS nhiệm kỳ mới. Kết quả tại ĐHCD 2016 đã bầu Ông Nguyễn Công Minh và bầu lại bà Hồ Thị Ái Thanh là thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ mới.

Trong năm Ban kiểm soát tổ chức các cuộc họp phân công nhiệm vụ cho các thành viên, thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát các đơn vị, thống nhất nội dung thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá kết quả kiểm tra giám sát, và tổng kết tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ của cá nhân và tập thể Ban kiểm soát.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát (tiếp theo)

Ban kiểm soát thường xuyên họp rút kinh nghiệm và trao đổi các vấn đề phát sinh liên quan chức năng nhiệm vụ của Ban theo qui chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát đã tham gia và có ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của ban TGD, tham gia các cuộc họp của Ban lãnh đạo Tổng công ty với các phòng ban, đơn vị trực thuộc, các đơn vị thành viên.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Sở hữu của cổ đông nội bộ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP NĂM GIỮ (31/12/2016)	% TỔNG SỐ CP (31/12/2016)
Hội đồng quản trị				
1	Ông Lê Như Linh Đại diện phần vốn PVN	Chủ tịch HĐQT	80.000 506.335.900	0,00 26,46
2	Ông Dương Mạnh Sơn Đại diện phần vốn PVN	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	80.000 379.000.000	0,00 19,80
3	Ông Phan Quốc Nghĩa Đại diện phần vốn PVN	Thành viên HĐQT	85.900 284.250.000	0,00 14,85
4	Bà Võ Thị Thanh Ngọc Đại diện phần vốn PVN	Thành viên HĐQT	20000 284.250.000	0,00 14,85
5	Ông Nguyễn Mạnh Tường Đại diện phần vốn PVN	Thành viên HĐQT	49.000 379.000.000	0,00 19,80
Ban kiểm soát				
1	Ông Mai Hữu Ngan	Trưởng BKS	51.300	0,00
2	Ông Nguyễn Công Minh	Kiểm soát viên	29.000	0,00
3	Bà Hồ Thị Ái Thanh	Kiểm soát viên	53.000	0,00
Ban tổng giám đốc				
1	Ông Dương Mạnh Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Như trên	
2	Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó TGD	70.000	0,00
3	Ông Trần Hưng Hiến	Phó TGD	86.400	0,00
4	Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó TGD	70.000	0,00
5	Ông Phạm Hồng Linh	Phó TGD	70.000	0,00
6	Ông Bùi Ngọc Quang	Phó TGD	70.000	0,00
7	Ông Hồ Tùng Vũ	Phó TGD	70.000	0,00
8	Ông Nguyễn Mậu Dũng	Phó TGD	70.000	0,00
9	Ông Phạm Đăng Nam	Phó TGD	70.000	0,00
Kế toán trưởng				
1	Ông Vũ Trọng Hải	Kế toán trưởng	0	0,00
Kế toán trưởng				
1	Bà Chu Thị Trung	Trưởng Ban HTQT	0	0,00

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

Bà Hồ Thị Ái Thanh bán 2.100 CP.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ
Trong năm 2016, không phát sinh các giao dịch giữa PV GAS với các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và cán bộ quản lý.

- Chi trả, tạm ứng cổ tức
- a.Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2015 bằng tiền mặt
Ngày đăng ký cuối cùng: 18/03/2016.
Tỷ lệ thực hiện: 20%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận cổ tức 2.000 đồng).
Ngày thanh toán: 13/04/2016.
- b.Tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2015 bằng tiền mặt:
Ngày đăng ký cuối cùng: 03/10/2016.
Tỷ lệ thực hiện: 5%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận cổ tức 500 đồng).
Ngày thanh toán: 14/10/2016.
- c.Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền mặt:
Ngày đăng ký cuối cùng: 23/12/2016.
Tỷ lệ thực hiện: 23%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận cổ tức 2.300 đồng).
Ngày thanh toán: 13/01/2017.





TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	101 - 102
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	103 - 104
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	105 - 106
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	107
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	108 - 109
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	100 - 149

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Như Linh	Chủ tịch
Ông Dương Mạnh Sơn	Thành viên
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên
Bà Võ Thị Thanh Ngọc	Thành viên

Ban Tổng Giám Đốc

Ông Dương Mạnh Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hưng Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Tùng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đăng Nam	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Dương Mạnh Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: /VN1A-HN-BC

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 47 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 22 tháng 03 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2737-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33,202,945,162,630	33,696,796,688,321
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	13,537,560,908,336	17,748,332,404,746
1. Tiền	111		1,229,433,772,605	2,147,732,019,635
2. Các khoản tương đương tiền	112		12,308,127,135,731	15,600,600,385,111
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	5,898,450,000,000	6,099,320,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5,898,450,000,000	6,099,320,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11,878,375,723,172	8,091,854,398,721
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	5,689,790,297,632	3,310,931,705,919
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	298,443,263,847	864,259,648,019
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	6,026,512,079,069	4,009,863,887,154
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(136,420,813,120)	(93,200,842,371)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		50,895,744	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	1,291,226,206,958	1,212,197,842,312
1. Hàng tồn kho	141		1,379,598,862,461	1,304,391,246,249
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(88,372,655,503)	(92,193,403,937)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		597,332,324,164	545,092,042,542
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	84,188,517,255	138,011,276,268
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		457,156,254,213	333,286,538,325
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	55,987,552,696	73,794,227,949
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23,550,908,355,808	23,017,809,598,967
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		134,964,458,303	140,774,728,640
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	64,113,269,122	63,635,199,667
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	70,851,189,181	77,139,528,973
II. Tài sản cố định	220		17,203,070,018,816	14,870,118,511,535
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	16,745,720,197,262	14,444,685,150,041
- Nguyên giá	222		43,276,146,409,892	37,681,016,707,046
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26,530,426,212,630)	(23,236,331,557,005)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	57,229,227,905	67,464,983,238
- Nguyên giá	225		94,530,744,060	202,905,476,655
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(37,301,516,155)	(135,440,493,417)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	400,120,593,649	357,968,378,256
- Nguyên giá	228		469,208,941,884	412,153,609,640
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(69,088,348,235)	(54,185,231,384)
III. Bất động sản đầu tư	230		24,515,433,300	-
- Nguyên giá	231		25,306,253,729	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(790,820,429)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4,738,573,251,455	6,598,168,402,238
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	4,738,573,251,455	6,598,168,402,238
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	144,205,831,583	85,741,527,821
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		132,285,831,583	75,741,527,821
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		86,920,000,000	85,000,000,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(75,000,000,000)	(75,000,000,000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,305,579,362,351	1,323,006,428,733
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	950,303,632,420	882,541,690,429
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	50,086,025,880	47,020,833,374
3. Lợi thế thương mại	269	19	305,189,704,051	393,443,904,930
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		56,753,853,518,438	56,714,606,287,288

Các thuyết minh từ trang 114 đến trang 159 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15,910,005,640,211	13,825,543,405,185
I. Nợ ngắn hạn	310		9,182,556,758,322	9,002,416,525,380
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	2,443,691,942,435	1,873,430,985,918
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		86,394,987,159	71,776,566,945
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	831,958,451,665	379,728,946,381
4. Phải trả người lao động	314		167,099,222,556	191,297,256,581
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	3,387,919,324,464	3,950,248,963,072
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1,012,098,804	23,260,584,852
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	863,179,223,968	670,474,641,698
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	1,180,387,629,702	1,589,777,540,020
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25	46,932,332,214	53,626,429,837
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		173,981,545,355	198,794,610,076
II. Nợ dài hạn	330		6,727,448,881,889	4,823,126,879,805
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		25,055,507,820	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	23	185,991,047,426	194,119,770,764
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	6,365,826,626,253	4,503,688,430,821
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	26	90,227,237,151	44,924,303,926
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	11,071,418,690	49,038,329,745
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		49,277,044,549	31,356,044,549
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40,843,847,878,227	42,889,062,882,103
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	40,843,847,878,227	42,889,062,882,103
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19,139,500,000,000	18,950,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19,139,500,000,000	18,950,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		189,746,727,266	421,727,266
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		255,851,956,264	251,892,478,129
4. Cổ phiếu quỹ	415		(40,111,223,937)	(40,111,223,937)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		13,404,936,846,079	11,513,442,679,453
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6,287,250,000	134,945,065,666
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6,157,504,526,798	10,251,053,322,087
-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	3,825,764,124,148
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		6,157,504,526,798	6,425,289,197,939
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1,730,131,795,757	1,827,418,833,439
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		56,753,853,518,438	56,714,606,287,288



Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Ngày 22 tháng 03 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 114 đến trang 159 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Wine

Vũ Trọng Hải
Kế toán trưởng




Dương Mạnh Sơn
Tổng Giám đốc

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		59,326,379,871,839	64,509,114,172,646
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		250,186,696,178	208,910,134,361
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	30	59,076,193,175,661	64,300,204,038,285
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	47,521,232,445,917	50,903,608,817,829
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		11,554,960,729,744	13,396,595,220,456
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	1,136,087,785,475	1,096,546,341,436
7. Chi phí tài chính	22	33	494,200,815,972	644,194,031,699
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		359,758,790,896	192,515,313,041
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24		371,260,141	1,981,123,472
9. Chi phí bán hàng	25	34	2,130,307,143,526	1,729,017,467,247
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	965,382,550,673	1,002,792,079,242
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		9,101,529,265,189	11,119,119,107,176
12. Thu nhập khác	31	35	62,480,382,072	140,203,743,456
13. Chi phí khác	32	36	11,766,165,623	60,688,270,425
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		50,714,216,449	79,515,473,031
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9,152,243,481,638	11,198,634,580,207
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	1,932,844,957,820	2,378,039,202,544
17. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		46,988,793,631	(11,530,540,814)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7,172,409,730,187	8,832,125,918,477
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		7,020,153,134,342	8,533,695,412,604
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		152,256,595,845	298,430,505,873
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	3,548	4,367



Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Ngày 22 tháng 03 năm 2017

Wraith

Vũ Trọng Hải
Kế toán trưởng





Dương Mạnh Sơn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 114 đến trang 159 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9,152,243,481,638	11,198,634,580,207
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3,308,875,990,847	3,108,201,526,816
Các khoản dự phòng	03	3,819,129,637	8,532,955,939
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	79,717,116,365	149,040,082,301
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1,073,069,168,236)	(841,394,917,756)
Chi phí lãi vay	06	359,758,790,896	192,515,313,041
Các khoản điều chỉnh khác	07	17,921,000,000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11,849,266,341,147	13,815,529,540,548
Thay đổi các khoản phải thu	09	(4,246,788,580,301)	(2,943,962,913,441)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(75,207,616,212)	631,746,424,068
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(527,342,648,759)	1,457,276,523,587
Thay đổi chi phí trả trước	12	(13,939,182,978)	129,603,673
Tiền lãi vay đã trả	14	(310,342,421,923)	(183,332,908,994)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1,503,018,478,738)	(3,330,895,941,032)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(230,403,229,686)	(319,618,216,109)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4,942,224,182,550	9,126,872,112,300
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3,230,006,972,802)	(4,737,118,637,350)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	728,836,485	1,930,299,272
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2,582,450,000,000)	(4,986,320,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	2,783,320,000,000	227,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(58,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	83,638,401,486	198,414,290,000
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,089,427,985,285	1,037,485,815,055
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1,913,341,749,546)	(8,258,608,233,023)

Các thuyết minh từ trang 114 đến trang 159 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	379,000,000,000	-
2. Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(40,111,223,937)
3. Tiền thu từ đi vay	33	7,529,327,895,772	4,123,189,844,032
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6,101,911,453,702)	(5,724,457,031,633)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(47,147,587,149)	(38,634,958,934)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8,999,514,572,611)	(5,519,637,734,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7,240,245,717,690)	(7,199,651,104,972)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(4,211,363,284,686)	(6,331,387,225,695)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	17,748,332,404,746	24,080,005,607,944
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	591,788,276	(285,977,503)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	13,537,560,908,336	17,748,332,404,746


Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu
Ngày 22 tháng 03 năm 2017


Vũ Trọng Hải
Kế toán trưởng


Dương Mạnh Sơn
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 114 đến trang 159 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THÔNG TIN TỔNG QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Một số số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

STT	Chi tiêu	Số đầu năm đã phát hành	Trình bày lại	Số đầu năm trình bày lại
		VND	VND	VND
1	Trả trước cho người bán ngắn hạn	927.894.847.686	(63.635.199.667)	864.259.648.019
2	Phải thu ngắn hạn khác	4.064.220.566.010	(54.356.678.856)	4.009.863.887.154
3	Trả trước cho người bán dài hạn	-	63.635.199.667	63.635.199.667
4	Phải thu dài hạn khác	22.782.850.117	54.356.678.856	77.139.528.973

CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 03 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại từ việc đầu tư vào công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó tối đa là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 20

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tài sản cố định hữu hình là máy móc, thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm của dự án bọc ống tại Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (PVCOATING) được tính khấu hao theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Năm nay Số năm
Máy móc, thiết bị	5
Phương tiện vận tải	3 - 6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian được cấp, quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ hai (02) đến chín (09) năm.

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm tài sản và các khoản chi phí trả trước khác.

Giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian sử dụng ước tính của vỏ bình gas (kỳ quỹ, kỳ cuộc vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác và được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas). Giá trị vỏ bình gas được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá mười (10) năm.

Tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Tổng Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2016, theo đó: Tổng Công ty căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để hình thành quỹ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê diện tích tòa nhà văn phòng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tỷ giá nêu trên có sự khác biệt so với tỷ giá quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, sự khác biệt này không gây ra ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản chi phí đi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	17.601.473.399	13.005.010.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.211.832.299.206	2.134.424.916.035
Tiền đang chuyển	-	302.093.100
Các khoản tương đương tiền	12.308.127.135.731	15.600.600.385.111
	13.537.560.908.336	17.748.332.404.746

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Tổng Công ty thường xuyên đánh giá và tin tưởng rằng tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng không có rủi ro về tính thanh khoản hoặc khả năng thu hồi.

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Theo quy định tại Thông tư 200, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các đơn vị khác chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	5.898.450.000.000	5.898.450.000.000	6.099.320.000.000	6.099.320.000.000
	5.898.450.000.000	5.898.450.000.000	6.099.320.000.000	6.099.320.000.000
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	48.240.000.000	73.962.636.311	57.620.000.000	48.240.000.000
	58.000.000.000	58.323.195.272	58.323.195.272	-
	106.240.000.000	132.285.831.583	115.943.195.272	48.240.000.000
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	50.000.000.000	(50.000.000.000)	-	50.000.000.000
	25.000.000.000	(25.000.000.000)	-	25.000.000.000
	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	1.920.000.000	-	1.920.000.000	-
	86.920.000.000	(75.000.000.000)	11.920.000.000	85.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị
Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao thông vận tải PVGazprom

Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng
Đơn vị khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.793.797.384.201	-
Công ty TNHH MTV-Tổng Công ty Phát điện 3	540.774.465.207	-
Astomos Energy Corporation	420.839.833.600	-
Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam	300.993.564.258	322.091.491.561
Các khách hàng khác	2.633.385.050.366	2.988.840.214.358
	5.689.790.297.632	3.310.931.705.919
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 41)	2.591.769.460.603	1.029.359.866.314

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH Posco Engineering	105.806.462.500	393.659.491.963
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	118.540.882.629	263.255.781.897
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	5.612.456.597	45.520.606.145
Các đối tượng khác	68.483.462.121	161.823.768.014
	298.443.263.847	864.259.648.019
b. Dài hạn		
Công ty Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn	64.113.269.122	63.635.199.667
	64.113.269.122	63.635.199.667
Trả trước người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 41)	197.291.638.373	413.367.542.648

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Dự thu doanh thu bán khí tháng 11, tháng 12	3.627.451.139.864	3.654.382.313.914
Dự thu khoản chênh lệch cước phí vận chuyển đường ống Phú Mỹ-Hồ Chí Minh cho giai đoạn 2012-2015 (l)	2.130.831.716.084	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	107.087.708.146	125.622.985.289
Phải thu Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí liên quan đến hợp đồng xây dựng khu văn phòng cho thuê tại Bạc Liêu	50.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	13.843.599.844	13.843.599.844
Phải thu về ký cược, ký quỹ	13.459.883.336	48.899.893.934
Phải thu về tạm ứng	9.347.649.683	16.365.732.481
Dự thu doanh thu vận chuyển Condensate	5.801.408.117	5.333.528.742
Các khoản phải thu khác	68.688.973.995	95.415.832.950
	6.026.512.079.069	4.009.863.887.154
b) Dài hạn		
Khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác liên doanh thực hiện xây dựng đường ống Lô B - Ô Môn	37.926.884.055	54.356.678.856
Ký quỹ, ký cược	32.924.305.126	22.782.850.117
	70.851.189.181	77.139.528.973

(i) Phản ánh khoản phải thu Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 liên quan đến khoản chênh lệch cước phí vận chuyển Đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Hồ Chí Minh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền là 85,5 triệu USD. Theo Công văn số 2819/BCT-TCNL ngày 31 tháng 3 năm 2016, Bộ Công thương chấp thuận cước phí vận chuyển Đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Hồ Chí Minh được xác định lại cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 là 0,52 USD/triệu BTU (chưa bao gồm VAT) và trượt giá 2%/năm như Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam đề xuất tại Công văn số 8465/DKVN-ĐTPT ngày 01 tháng 12 năm 2015. Ngày 23 tháng 12 năm 2016, Bộ Công thương đã ban hành Công văn số 12464/BCT-ĐTĐL đề nghị Tập đoàn Điện Lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị liên quan thực hiện việc thanh toán chênh lệch cước phí vận chuyển Đường ống dẫn khí Phú Mỹ- Hồ Chí Minh giai đoạn 2012-2015 trong tháng 12 năm 2016 và năm 2017. Đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đã ký các Phụ lục Hợp đồng bổ sung và Biên bản quyết toán tiền chênh lệch cước phí Phú Mỹ- Hồ Chí Minh giai đoạn 2012-2015 với Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 2. Theo đó số tiền chênh lệch cước phí sẽ được thanh toán trong đợt 1 - trước ngày 31 tháng 01 năm 2017 và đợt 2 - trước ngày 30 tháng 6 năm 2017. Đồng thời, Tổng Công ty và Nhà máy điện Nhơn trạch 2 đã ký Biên bản số 37/BB-KVN ngày 24 tháng 01 năm 2017, theo đó Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sẽ thanh toán cho Tổng Công ty số tiền chênh lệch cước phí theo quy định nêu trên khi nhận được khoản thanh toán tương ứng từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty chắc chắn sẽ thu được khoản tiền liên quan đến điều chỉnh cước phí vận chuyển trình bày ở trên và quyết định ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

NỢ XẤU

Đối tượng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi	205,049,650,406	68,628,837,286	175,439,475,967	82,238,633,596
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	50,000,000,000	-	50,000,000,000	-
Công ty Cổ phần hoá dầu và xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	47,089,648,144	23,544,824,072	47,089,648,144	47,089,648,144
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dầu khí Việt Hải	18,971,957,067	3,641,156,165	19,012,415,104	3,892,415,104
Công ty TNHH Gạch men Mỹ Đức	18,109,391,538	7,139,270,283	18,109,391,538	10,761,148,590
Công ty TNHH Gốm sứ Mỹ Xuân	11,296,297,196	3,388,889,158	11,296,297,196	5,648,148,596
Các đối tượng khác	59,582,356,461	30,914,697,608	29,931,723,985	14,847,273,162
		Trên 6 tháng		Trên 6 tháng
		Trên 3 năm		Trên 3 năm
		Từ 1 năm đến 2 năm		Từ 1 năm đến 2 năm
		Trên 3 năm		Trên 3 năm
		Từ 1 năm đến 3 năm		Từ 1 năm đến 2 năm
		Từ 1 năm đến 3 năm		Từ 1 năm đến 2 năm

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	11.072.572.050	-	4.012.120.392	-
Nguyên liệu, vật liệu	736.959.528.005	(88.372.655.503)	708.237.695.550	(73.443.639.780)
Công cụ, dụng cụ	93.314.395.200	-	90.654.021.318	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	34.541.186.067	-	13.418.209.797	-
Thành phẩm	83.733.001.948	-	206.601.776.089	-
Hàng hoá	419.967.808.619	-	281.333.943.185	(18.749.764.157)
Hàng gửi bán	10.370.572	-	133.479.918	-
Cộng	1.379.598.862.461	(88.372.655.503)	1.304.391.246.249	(92.193.403.937)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số vật tư, hàng hóa ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng sử dụng với giá trị là 88.372.655.503 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 92.193.403.937 đồng)

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tài sản	37.818.533.723	35.549.044.715
Chi phí quảng cáo, truyền thông	20.300.964.236	54.905.770.168
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	-	1.825.250.902
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	26.069.019.296	45.731.210.483
	84.188.517.255	138.011.276.268
b. Dài hạn		
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bố	498.537.325.111	481.949.841.466
Trả trước tiền thuê đất và lợi thế sử dụng đất	295.873.267.927	161.611.085.921
Trả trước tiền thuê văn phòng	41.602.539.737	134.700.440.349
Tiền lãi chậm trả về Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	8.000.000.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	106.290.499.645	104.280.322.693
	950.303.632.420	882.541.690.429

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn		Thiết bị văn phòng		Tài sản cố định khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ												
Số dư đầu năm	5.946.254.913.937	4.906.564.229.543	764.667.109.749	242.093.981.399	25.821.436.472.418	37.681.016.707.046						
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	172.916.942.955	256.610.434.423	21.998.406.631	2.135.285.000	4.943.986.146.675	5.397.647.215.684						
Mua sắm mới	6.154.427.503	30.509.176.843	2.198.776.218	21.501.960.236	38.021.688.125	98.386.028.925						
Chuyển sang từ Tài sản thuê tài chính	-	135.284.593.646	-	-	-	135.284.593.646						
Thanh lý, nhượng bán	(4.548.605.657)	(1.618.328.248)	(582.871.904)	(2.504.074.480)	(259.478.936)	(9.513.359.225)						
Điều chỉnh theo quyết toán	(808.943.291)	5.779.414.877	-	(4.700.145.455)	-	270.326.131						
Phân loại lại	3.764.635.114	298.222.503.888	-	-	(301.987.139.002)	-						
Phân loại sang Bất động sản đầu tư	(25.306.253.729)	-	-	-	-	(25.306.253.729)						
Tăng/(Giảm) khác	(33.222.649)	(2.090.731.792)	277.815.164	295.878.236	(88.587.545)	(1.638.848.586)						
Số dư cuối năm	6.098.393.894.183	5.629.261.293.180	788.559.235.858	258.822.884.936	30.501.109.101.735	43.276.146.409.892						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ												
Số dư đầu năm	2.348.174.128.641	2.105.368.330.024	529.874.653.645	127.337.065.181	18.125.577.379.514	23.236.331.557.005						
Trích khấu hao trong năm	402.603.067.014	417.393.919.240	60.545.006.911	46.587.473.506	2.241.443.590.062	3.168.573.056.733						
Chuyển sang từ Tài sản thuê tài chính	-	135.284.593.646	-	-	-	135.284.593.646						
Thanh lý, nhượng bán	(4.041.965.253)	(1.550.663.740)	(85.373.845)	(2.504.074.480)	(242.374.635)	(8.424.451.953)						
Phân loại sang Bất động sản đầu tư	(790.820.429)	-	-	-	-	(790.820.429)						
Phân loại lại	307.621.243	(1.601.875.887)	907.850.067	539.239.080	(152.834.503)	-						
Tăng/(Giảm) khác	1.168.256.904	(1.734.214.955)	7.303.071	(71.177)	11.003.785	(547.722.372)						
Số dư cuối năm	2.747.420.288.120	2.653.160.088.328	591.249.439.849	171.959.632.110	20.366.636.764.223	26.530.426.212.630						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Tại ngày cuối năm	3.350.973.606.063	2.976.101.204.852	197.309.796.009	86.863.252.826	10.134.472.337.512	16.745.720.197.262						
Tại ngày đầu năm	3.598.080.785.296	2.801.195.899.519	234.792.456.104	114.756.916.218	7.695.859.092.904	14.444.685.150.041						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 9.055.985.880.981 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 8.731.809.073.982 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm một số tài sản có nguyên giá là 6.868.484.515.703 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.577.344.993.831 đồng) được tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt đối với các chênh lệch phát sinh (nếu có).

Các công ty con thuộc Tổng Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 84.741.712.236 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 319.828.967.979 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên. Trong đó, Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ dự án Nhà máy bọc ống tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	201.384.241.655	1.521.235.000	202.905.476.655			
Thuê tài chính trong năm	26.909.861.051	-	26.909.861.051			
Chuyển sang Tài sản cố định hữu hình	(135.284.593.646)	-	(135.284.593.646)			
Số dư cuối năm	93.009.509.060	1.521.235.000	94.530.744.060			
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	133.919.258.417	1.521.235.000	135.440.493.417			
Khấu hao trong năm	37.145.616.384	-	37.145.616.384			
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(135.284.593.646)	-	(135.284.593.646)			
Số dư cuối năm	35.780.281.155	1.521.235.000	37.301.516.155			
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày cuối năm	57.229.227.905	-	57.229.227.905			
Tại ngày đầu năm	67.464.983.238	-	67.464.983.238			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	330.814.401.892	75.518.030.126	1.464.370.376	4.288.007.246	68.800.000	412.153.609.640
Tăng trong năm	45.780.934.000	15.562.405.490	-	-	-	61.343.339.490
Giảm khác	-	-	-	(4.288.007.246)	-	(4.288.007.246)
Số dư cuối năm	376.595.335.892	91.080.435.616	1.464.370.376	-	68.800.000	469.208.941.884
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	5.215.171.295	48.008.554.012	892.706.077	-	68.800.000	54.185.231.384
Khấu hao trong năm	856.058.296	13.870.791.750	176.266.805	-	-	14.903.116.851
Số dư cuối năm	6.071.229.591	61.879.345.762	1.068.972.882	-	68.800.000	69.088.348.235
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày cuối năm	370.524.106.301	29.201.089.854	395.397.494	-	-	400.120.593.649
Tại ngày đầu năm	325.599.230.597	27.509.476.114	571.664.299	4.288.007.246	-	357.968.378.256

CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhà máy Xử lý khí Cà Mau	3.386.829.577.674	946.418.998.495
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	527.384.507.514	460.875.458.487
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	293.145.725.116	4.534.331.083.879
Kho cảng nhập khẩu LNG Sơn Mỹ	135.596.161.325	135.596.161.325
Dự án Cấp bù Khí ấm Nam Côn Sơn cho Nhà máy xử lý Khí Dinh Cố	116.335.778.906	70.552.654.578
Kho chứa LNG quy mô 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải	74.432.838.473	74.432.838.473
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và Thái Bình	63.399.286.689	-
Dự án Đường ống thu gom khí mỏ Cá Rồng Đỏ	47.689.584.144	-
Khác	93.759.791.614	375.961.207.001
	4.738.573.251.455	6.598.168.402.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Khấu hao tài sản cố định và các khoản dự phòng	Lợi nhuận chưa thực hiện	Doanh thu chưa thực hiện	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	24.208.008.051	11.051.998.595	1.975.731.661	37.235.738.307
Ghi nhận trong năm	(8.383.837.327)	20.144.664.055	(1.975.731.661)	9.785.095.067
Số dư đầu năm nay	15.824.170.724	31.196.662.650	-	47.020.833.374
Điều chỉnh năm trước	-	4.751.052.912	-	4.751.052.912
Ghi nhận trong năm	223.486.345	(1.909.346.751)	-	(1.685.860.406)
Số dư cuối năm nay	16.047.657.069	34.038.368.811	-	50.086.025.880

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long hợp tác cùng góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án “Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower” tại số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty thực hiện quản lý và hạch toán kết quả kinh doanh của hợp đồng và phân chia lợi nhuận sau thuế cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Phần vốn góp của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần:	70%
Phần vốn góp của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần:	20%
Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long:	10%

Dưới đây là số liệu về tình hình hoạt động của hợp đồng hợp tác kinh doanh này trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên giá tài sản cố định	726.241.790.840	726.241.790.840
Hao mòn lũy kế tài sản cố định (i)	87.674.340.048	88.122.012.229
Giá trị còn lại của tài sản cố định	638.567.450.792	638.119.778.611

(i) Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh thời gian sử dụng của tài sản hình thành từ Dự án “Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower” từ 25 năm lên 50 năm theo kết luận của thanh tra Bộ Tài chính, theo đó hao mòn lũy kế tài sản cố định cuối năm nhỏ hơn đầu năm do sự điều chỉnh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH (Tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu của hợp đồng hợp tác kinh doanh	60.110.488.909	55.545.083.015
Giá vốn của hợp đồng hợp tác kinh doanh	26.651.725.618	50.431.583.393
Chi phí khác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	604.049.495	822.971.022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.559.381.523	943.916.292
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.295.332.273	3.346.612.308
Phân chia theo tỷ lệ góp vốn:		
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần	19.841.653.113	2.352.400.779
- Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	4.976.369.576	600.978.423
- Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	3.477.309.584	393.233.106

LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	393.443.904.930	479.511.590.176
Thay đổi do mua/bán các khoản đầu tư	-	(5.045.072.663)
Phân bổ vào chi phí trong năm	(88.254.200.879)	(81.022.612.583)
Số dư cuối năm	305.189.704.051	393.443.904.930

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Abu Dhabi National Oil Company (ADNOC)	416.575.744.000	416.575.744.000	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	263.217.117.733	263.217.117.733	170.541.465.913	170.541.465.913
Astomos Energy Corporation	225.430.046.339	225.430.046.339	252.881.638.200	252.881.638.200
Công ty TNHH Một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn	683.919.727.236	683.919.727.236	431.640.534.777	431.640.534.777
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	178.006.615.026	178.006.615.026	268.570.470.013	268.570.470.013
Petredex International Pte Ltd	110.368.726.611	110.368.726.611	-	-
Công ty Shell International Eastern Trading	26.253.429.622	26.253.429.622	241.648.322.046	241.648.322.046
Các đối tượng khác	539.920.535.868	539.920.535.868	508.148.554.969	508.148.554.969
	2.443.691.942.435	2.443.691.942.435	1.873.430.985.918	1.873.430.985.918
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 41)	1.321.795.319.949		1.046.819.807.829	

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp/ phải thu	Số đã nộp/ đã thu	
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	47,800,339,457	1,269,308,879,691	1,277,544,297,993	39,564,921,155
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3,368,393,451	(179,750,465)	3,368,393,451	(179,750,465)
Thuế xuất nhập khẩu	(59,518,754,453)	208,112,797,837	158,562,617,105	(9,968,573,721)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	302,736,523,119	1,936,876,477,009	1,503,018,478,738	736,594,521,390
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	13,013,801,326	13,013,801,326	-
Thuế thu nhập cá nhân	11,206,922,255	87,784,798,208	89,376,083,879	9,615,636,584
Thuế môn bài	1,000,000	17,000,000	20,500,000	(2,500,000)
Thuế nộp thay nhà thầu phụ	144,637,378	339,893,404	489,530,781	(4,999,999)
Thuế và các khoản phí, lệ phí khác	195,657,225	10,888,467,876	10,732,481,076	351,644,025
Cộng	305,934,718,432	3,526,162,364,886	3,056,126,184,349	775,970,898,969
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	73,794,227,949			55,987,552,696
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	379,728,946,381			831,958,451,665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (Tiếp theo)

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	17,873,460,983	4,468,561,278
Thuế xuất nhập khẩu	9,968,573,721	59,518,754,453
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27,440,990,095	9,477,936,375
Thuế thu nhập cá nhân	503,612,944	321,417,472
Các loại thuế khác	200,914,953	7,558,371
	55,987,552,696	73,794,227,949

Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	57,438,382,137	52,268,900,735
Thuế thu nhập doanh nghiệp	764,035,511,485	312,214,459,495
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3,368,393,451
Thuế thu nhập cá nhân	10,119,249,530	11,528,339,727
Các loại thuế khác	365,308,513	348,852,973
	831,958,451,665	379,728,946,381

CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí mua và xử lý khí	2.970.597.493.080	3.585.967.832.358
Chi phí lãi vay	119.743.412.906	28.220.505.920
Trích trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang	63.324.593.373	164.064.610.370
Trích trước chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	42.715.122.412	15.307.698.735
Chi phí nhà điều hành Nam Côn Sơn	39.344.825.172	46.556.246.119
Trích trước chi phí vận hành mỏ Rồng Đồi Mồi và Vòm Bắc mỏ Bạch Hổ	33.502.287.229	28.346.328.592
Các khoản khác	118.691.590.292	81.785.740.978
	3.387.919.324.464	3.950.248.963.072
Chi phí phải trả các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 41)	1.789.445.973.948	1.078.645.117.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	185.177.991.000	621.827.611
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (i)	184.739.076.582	179.762.707.008
Phải trả liên quan đến chi phí vận chuyển khí Nam Côn Sơn tháng 11 và tháng 12	170.086.819.859	133.503.130.233
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long (i)	96.478.465.831	93.001.156.250
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (ii)	52.039.791.576	111.678.389.356
Chênh lệch thừa kiểm kê	26.733.012.173	-
Phải trả hàng vay	22.216.977.982	-
Chiết khấu bán hàng	18.671.182.677	15.606.142.170
Các khoản khác	107.035.906.288	136.301.289.070
	863.179.223.968	670.474.641.698
b) Dài hạn		
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược vỏ bình gas	183.826.532.646	183.668.036.347
Các khoản khác	2.164.514.780	10.451.734.417
	185.991.047.426	194.119.770.764
Phải trả khác các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 41)	236.778.868.158	299.033.363.436

(i) Các khoản phải trả thể hiện phần vốn góp và lợi nhuận được chia của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long từ việc đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án “Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower” như trình bày tại Thuyết minh số 18.

(ii) Số dư phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh khoản chi phí dịch vụ quản lý phải trả theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chi phí dịch vụ quản lý hàng năm theo mức 0,05% và 0,5% tính trên từng loại doanh thu.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Số đầu năm			Phát sinh trong năm			Số cuối năm		
Chi tiêu	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND		Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	
Vay dài hạn	5.371.133.415.213	5.371.133.415.213	4.706.377.876.087	3.116.419.602.724		6.961.091.688.576	6.961.091.688.576	
Nợ thuê tài chính dài hạn	39.062.272.143	39.062.272.143	52.440.488.584	47.147.587.149		44.355.173.578	44.355.173.578	
Vay ngắn hạn	683.270.283.485	683.270.283.485	2.790.287.256.442	2.932.790.146.126		540.767.393.801	540.767.393.801	
Cộng	6.093.465.970.841	6.093.465.970.841	7.549.105.621.113	6.096.357.335.999		7.546.214.255.955	7.546.214.255.955	
Trong đó:								
Số phải trả trong vòng 12 thán	1.589.777.540.020					1.180.387.629.702		
Số phải trả sau 12 tháng	4.503.688.430.821					6.365.826.626.253		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty được giải ngân bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ để phục vụ cho việc đầu tư mua sắm tài sản cố định của Tổng Công ty. Chi tiết số tiền vay theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay bằng USD (i)	5.444.512.615.766	3.293.309.145.781
Vay bằng VND	1.560.934.246.388	2.116.886.541.575
	7.005.446.862.154	5.410.195.687.356

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản vay bằng USD là 239.635.238 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 146.000.000 USD)

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tín chấp	6.613.749.180.965	4.866.551.594.095
Bảo lãnh của bên thứ 3	252.387.022.979	324.196.454.555
Bảo đảm bằng tài sản của Tổng Công ty	94.955.484.632	180.385.366.563
Thuê tài chính	44.355.173.578	39.062.272.143
	7.005.446.862.154	5.410.195.687.356

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi. Lãi suất trong năm là từ 8% đến 10,6%/năm đối với Đồng Việt Nam và từ 0,75% đến 4,78%/năm đối với Đô la Mỹ.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	639.620.235.901	906.507.256.535
Trong năm thứ hai	1.105.555.300.979	1.245.231.294.586
Từ ba năm đến năm thứ năm	3.899.829.724.404	2.967.814.979.715
Sau năm năm	1.360.441.600.870	290.642.156.520
	7.005.446.862.154	5.410.195.687.356
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	639.620.235.901	906.507.256.535
Số phải trả sau 12 tháng	6.365.826.626.253	4.503.688.430.821

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành công trình (i)	46.522.032.214	44.545.513.837
Dự phòng khác	410.300.000	9.080.916.000
	46.932.332.214	53.626.429.837
Dài hạn		
Dự phòng bảo hành công trình (i)	-	48.658.881.517
Dự phòng thu dọn công trình (ii)	6.239.135.981	-
Dự phòng khác	4.832.282.709	379.448.228
	11.071.418.690	49.038.329.745

(i) Dự phòng bảo hành công trình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chủ yếu là khoản trích trước chi phí bảo hành cho các dự án do PV Coating (công ty con của Tổng Công ty) thực hiện hoàn thành và đã quyết toán với chủ đầu tư dự án với thời hạn bảo hành trong vòng 36 tháng. Tỷ lệ trích lập dự phòng là từ 3% - 5% giá trị của dự án thực hiện.

(ii) Phản ánh khoản dự phòng phải trả trên cơ sở dự toán chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng công trình Đường ống Phú Mỹ đã được Bộ Công thương phê duyệt tại Công văn số 3754/QĐ-BCT ngày 19 tháng 9 năm 2016.

THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	Lợi nhuận chưa thực hiện	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	44.924.303.926	-	44.924.303.926
Điều chỉnh do thay đổi thuế suất	(4.084.027.630)	-	(4.084.027.630)
Ghi nhận trong năm	35.862.837.996	13.524.122.859	49.386.960.855
Số dư cuối năm	76.703.114.292	13.524.122.859	90.227.237.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	18,950,000,000,000	1,216,727,266	59,449,827,984	-	11,691,641,648,790	134,944,997,553	5,144,151,727,400	1,697,943,631,608	37,679,348,560,601
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	8,533,695,412,604	298,430,505,873	8,832,125,918,477
Trích lập các quỹ	-	-	1,066,363,214	-	19,589,116,766	-	(20,655,479,980)	-	-
Bổ sung vốn chủ sở hữu	-	-	193,810,866,250	-	(193,810,866,250)	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(40,111,223,937)	-	-	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(7,808,122)	(40,119,032,059)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(203,035,021,943)	(46,522,285,221)	(249,557,307,164)
Thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(3,220,476,719,000)	(213,362,168,844)	(3,433,838,887,844)
Điều chỉnh số liệu năm trước	-	-	-	-	(3,978,195,925)	-	66,650,637,304	93,564,426,656	156,236,868,035
Thay đổi khác	-	(795,000,000)	(2,434,579,319)	-	976,072	68,113	(46,669,749,673)	-	(46,669,749,673)
	-	-	(2,434,579,319)	-	976,072	68,113	(2,607,484,625)	(2,627,468,511)	(8,463,488,270)
Số dư đầu năm nay	18,950,000,000,000	421,727,266	251,892,478,129	(40,111,223,937)	11,513,442,679,453	134,945,065,666	10,251,053,322,087	1,827,418,833,439	42,889,062,882,103
Bổ sung vốn chủ sở hữu (i)	189,500,000,000	189,500,000,000	-	-	-	-	-	-	379,000,000,000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	7,020,153,134,342	152,256,595,845	7,172,409,730,187
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1,737,273,299,433	-	(1,737,273,299,433)	-	-
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	-	49,000,000,000	49,000,000,000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(194,194,522,605)	(45,502,520,657)	(239,697,043,262)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(9,184,070,736,000)	(198,908,862,694)	(9,382,979,598,694)
Kết chuyển số dư các quỹ (ii)	-	-	-	-	128,657,747,553	(128,657,747,553)	-	-	-
Tăng/(Giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	3,353,508,638	-	25,563,936,110	-	3,107,698,071	(32,025,142,819)	-
Thay đổi khác	-	(175,000,000)	605,969,497	-	(816,470)	(68,113)	(1,271,069,664)	(22,107,107,357)	(22,948,092,107)
Số dư cuối năm nay	19,139,500,000,000	189,746,727,266	255,851,956,264	(40,111,223,937)	13,404,936,846,079	6,287,250,000	6,157,504,526,798	1,730,131,795,757	40,843,847,878,227

(i) Ngày 29 tháng 01 năm 2016, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 23/NQ-KVN thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 91/NQ-ĐHĐCD ngày 10 tháng 9 năm 2015. Theo đó, tổng số cổ phiếu đã phát hành là 18.950.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 20.000 đồng/cổ phần.

(ii) Ngày 19 tháng 10 năm 2016, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 114/NQ-KVN về việc chuyển toàn bộ số dư Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ sang Quỹ đầu tư phát triển, với số tiền là 128.657.747.553 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng việc điều chuyển này sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(i) Ngày 29 tháng 01 năm 2016, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 23/NQ-KVN thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 91/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 9 năm 2015. Theo đó, tổng số cổ phiếu đã phát hành là 18.950.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 20.000 đồng/cổ phần.

(ii) Ngày 19 tháng 10 năm 2016, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 114/NQ-KVN về việc chuyển toàn bộ số dư Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ sang Quỹ đầu tư phát triển, với số tiền là 128.657.747.553 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng việc điều chuyển này sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.913.950.000	1.895.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.913.950.000</i>	<i>1.895.000.000</i>
- Số lượng cổ phiếu quỹ	601.930	601.930
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>601.930</i>	<i>601.930</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.913.348.070	1.894.398.070
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.913.348.070</i>	<i>1.894.398.070</i>

Số lượng cổ phần Tổng Công ty đã đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.913.950.000 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty là cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ tức của Công ty Mẹ

- Theo Nghị quyết số 40/NQ-KVN ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Hội đồng Quản trị trên cơ sở Nghị quyết số 59/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015, Tổng Công ty đã công bố và chi trả cổ tức đợt 2 năm 2015 từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 với số tiền là 3.826.696.140.000 đồng (tương đương với 2.000 đồng/cổ phần).
- Theo Nghị quyết số 62/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 3 năm 2015 từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 với số tiền là 956.674.035.000 đồng (tương đương với 500 đồng/cổ phần).
- Theo Nghị quyết số 125/NQ-KVN ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Quản trị trên cơ sở Nghị quyết số 62/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức lợi nhuận sau thuế năm 2016 với số tiền là 4.400.700.561.000 đồng (tương đương với 2.300 đồng/cổ phần).

CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	6.491.240.400	7.911.540.200
2. Ngoại tệ các loại		
USD	3.692.877	10.851.869
EUR	1.423	1.448

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, Tổng Công ty tổ chức các hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực trên cơ sở các công ty con hoạt động tương đối riêng biệt.

Hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các bộ phận như sau:

- Hoạt động kinh doanh khí và các sản phẩm khí (gồm có Công ty mẹ, PVGAS South, PVGAS North, PVGAS D, CNG và LNG);
- Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí: sản xuất ống thép, xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình khí (gồm có PV Pipe và PV Coating).

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13,437,653,014,542	99,907,893,794	-	13,537,560,908,336
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5,823,450,000,000	75,000,000,000	-	5,898,450,000,000
Các khoản phải thu ngắn hạn	13,714,831,120,716	61,474,351,515	(1,897,929,749,059)	11,878,375,723,172
Hàng tồn kho	1,113,359,145,336	177,867,061,622	-	1,291,226,206,958
Tài sản ngắn hạn khác	573,875,778,839	23,456,545,325	-	597,332,324,164
Các khoản phải thu dài hạn	136,374,314,738	-	(1,409,856,435)	134,964,458,303
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	15,802,663,448,204	1,857,240,513,377	(432,318,509,465)	17,227,585,452,116
Tài sản dở dang dài hạn	4,738,198,567,136	374,684,319	-	4,738,573,251,455
Đầu tư tài chính dài hạn	3,441,847,177,661	-	(3,297,641,346,078)	144,205,831,583
Tài sản dài hạn khác	920,591,416,596	45,759,872,893	34,038,368,811	1,000,389,658,300
Lợi thế thương mại	-	-	305,189,704,051	305,189,704,051
Tổng tài sản hợp nhất	59,702,843,983,768	2,341,080,922,845	(5,290,071,388,175)	56,753,853,518,438
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	10,687,114,147,692	349,098,744,001	(1,853,656,133,371)	9,182,556,758,322
Nợ dài hạn	6,449,341,233,939	189,290,267,234	88,817,380,716	6,727,448,881,889
Tổng nợ phải trả hợp nhất	17,136,455,381,631	538,389,011,235	(1,764,838,752,655)	15,910,005,640,211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Tổng doanh thu thuần	65,860,918,700,366	(5,770,501,743)	(6,778,955,022,962)	59,076,193,175,661
Doanh thu nội bộ	6,761,060,409,861	17,894,613,101	(6,778,955,022,962)	-
Tổng doanh thu	59,099,858,290,505	(23,665,114,844)	-	59,076,193,175,661
Chi phí kinh doanh	57,111,218,425,760	295,849,540,700	(6,790,145,826,344)	50,616,922,140,116
- Giá vốn hàng bán	54,086,785,046,768	244,713,894,898	(6,810,266,495,749)	47,521,232,445,917
- Chi phí bán hàng	2,203,329,164,066	-	(73,022,020,540)	2,130,307,143,526
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	821,104,214,926	51,135,645,802	93,142,689,945	965,382,550,673
Kết quả hoạt động kinh doanh	8,749,700,274,606	(301,620,042,443)	11,190,803,382	8,459,271,035,545
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết				371,260,141
Doanh thu hoạt động tài chính				1,136,087,785,475
Chi phí tài chính				494,200,815,972
Lợi nhuận khác				50,714,216,449
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp				9,152,243,481,638
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				1,932,844,957,820
(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				46,988,793,631
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				7,172,409,730,187

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Tổng doanh thu thuần	71.102.448.681.187	1.615.306.096.567	(8.417.550.739.469)	64.300.204.038.285
Doanh thu nội bộ	7.023.326.546.450	1.394.224.193.019	(8.417.550.739.469)	-
Tổng doanh thu	64.079.122.134.737	221.081.903.548	-	64.300.204.038.285
Chi phí kinh doanh	60.419.358.169.863	1.349.516.654.461	(8.133.456.460.006)	53.635.418.364.318
- Giá vốn hàng bán	57.746.352.532.847	1.292.080.853.042	(8.134.824.568.060)	50.903.608.817.829
- Chi phí bán hàng	1.787.746.459.514	1.992.478.333	(60.721.470.600)	1.729.017.467.247
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	885.259.177.502	55.443.323.086	62.089.578.654	1.002.792.079.242
Kết quả hoạt động kinh doanh	10.683.090.511.324	265.789.442.106	(284.094.279.463)	10.664.785.673.967
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết				1.981.123.472
Doanh thu hoạt động tài chính				1.096.546.341.436
Chi phí tài chính				644.194.031.699
Lợi nhuận khác				79.515.473.031
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp				11.198.634.580.207
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				2.378.039.202.544
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(11.530.540.814)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				8.832.125.918.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	59.326.379.871.839	64.509.114.172.646
Doanh thu bán khí khô	36.178.044.784.660	38.852.899.098.434
Doanh thu bán LPG	18.043.132.786.723	20.056.226.598.468
Doanh thu vận chuyển khí	4.321.386.195.459	4.317.038.685.365
Doanh thu bán condensate	387.270.748.532	331.978.230.787
Doanh thu cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	42.718.906.661	31.246.443.429
Doanh thu khác	353.826.449.804	919.725.116.163
Các khoản giảm trừ doanh thu	250.186.696.178	208.910.134.361
Chiết khấu thương mại	250.186.696.178	208.910.134.361
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.076.193.175.661	64.300.204.038.285
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 41)	15.409.008.031.343	15.194.472.331.486

GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán khí khô	28.796.851.551.326	30.846.927.650.051
Giá vốn bán LPG	16.271.841.635.687	17.662.258.665.626
Giá vốn vận chuyển khí	1.550.838.425.040	1.507.321.685.420
Giá vốn bán condensate	398.103.770.832	242.830.349.998
Giá vốn cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	18.668.733.132	35.525.623.533
Giá vốn khác	484.928.329.900	608.744.843.201
	47.521.232.445.917	50.903.608.817.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.072.697.908.095	1.059.477.688.242
Lãi chênh lệch tỷ giá	63.340.021.897	37.062.408.041
Doanh thu hoạt động tài chính khác	49.855.483	6.245.153
	1.136.087.785.475	1.096.546.341.436

CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	359.758.790.896	192.515.313.041
Lỗ chênh lệch tỷ giá	118.846.337.464	191.847.799.675
Lỗ từ bán các khoản đầu tư	-	220.731.737.067
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	-	38.286.628.382
Chi phí tài chính khác	15.595.687.612	812.553.534
	494.200.815.972	644.194.031.699

CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vận chuyển	544,040,863,990	435,412,242,685
Chi phí khấu hao	337,816,749,227	308,396,016,201
Chi phí nhân viên bán hàng	275,241,440,149	272,776,614,145
Chi phí quảng cáo	133,334,152,515	121,754,835,771
Các khoản chi phí bán hàng khác	839,873,937,645	590,677,758,445
	2,130,307,143,526	1,729,017,467,247
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Phí quản lý phải nộp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	194,847,038,170	214,871,026,530
Chi phí an sinh xã hội	73,171,982,466	102,194,778,000
Chi phí nhân viên quản lý	105,556,632,714	104,522,112,118
Lợi thế thương mại	88,849,601,760	81,022,612,583
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	502,957,295,563	500,181,550,011
	965,382,550,673	1,002,792,079,242

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản	-	667.843.109
Bồi thường bảo hiểm tổn thất đường ống PM3	-	33.604.714.621
Thu nhập thanh lý dự án thu gom khí Đại Hùng	-	38.832.112.356
Hoàn nhập dự phòng sản phẩm hàng hóa hết thời hạn bảo hành	44.545.514.277	40.076.151.262
Thu nhập khác	17.934.867.795	27.022.922.108
	62.480.382.072	140.203.743.456

CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thanh lý dự án thu gom khí Đại Hùng	-	38.832.085.355
Chi phí thanh lý tài sản	1.308.429.154	-
Chi phí khác	10.457.736.469	21.856.185.070
	11.766.165.623	60.688.270.425

CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1,636,068,254,454	2,322,924,520,807
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	296,776,703,366	55,114,681,737
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,932,844,957,820	2,378,039,202,544

Tổng Công ty và các công ty con (ngoại trừ Công Cổ phần CNG Việt Nam) có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công Cổ phần CNG Việt Nam được miễn thuế thu nhập trong 02 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2009), và được giảm 50% thuế suất thông thường áp dụng cho 06 năm tiếp theo (từ năm 2011). Đối với phần công suất vượt công suất đăng ký kinh doanh hiện tại, Công Cổ phần CNG Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	7,020,153,134,342	8,533,695,412,604
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	237,223,455,349	260,723,940,862
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6,782,929,678,994	8,272,971,471,742
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1,911,894,371	1,894,544,767
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,548	4,367

Theo quy định tại Thông tư 200, Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế cần được loại ra khỏi lợi nhuận sau thuế khi ước tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được xác định lại là 4.367 VND/cổ phần (số trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.400 VND/ cổ phần).

CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.884.344.366.103	5.609.958.313.533
Chi phí mua khí từ các chủ mỏ	21.997.439.969.021	25.479.196.460.357
Chi phí nhân công	946.486.413.157	1.070.979.363.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.309.907.519.091	3.108.201.526.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.695.010.922.160	2.923.793.021.964
Chi phí khác	953.168.232.334	1.039.090.125.353
	37.786.357.421.866	39.231.218.811.491

CÁC KHOẢN CAM KẾT

(I) Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới một số dự án đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang thực hiện chưa hoàn thành sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kho chứa LNG quy mô 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải	5.505.235.066.160	5.438.838.938.480
Nhà máy xử lý khí Cà Mau	7.339.317.320.149	9.917.447.008.596
Kho cảng nhập khẩu LNG Sơn Mỹ	33.583.719.522.095	33.182.844.683.588
Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	2.559.903.218.466	3.435.414.728.298
Hệ thống cấp khí cho Công ty TNHH Intermalt Việt Nam	59.779.977.489	
Khác	41.888.125.812	
	49.089.843.230.171	51.974.545.358.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)

(II) Cam kết khác

Các khoản cam kết liên quan đến hoạt động kinh doanh và vận chuyển khí:

Cam kết mua hàng

Cam kết mua hàng	Sản lượng cam kết	Sản lượng cam kết
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 06.1	Tối thiểu là 2,7 tỷ m ³ /năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 06.1
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 11.2	Tối thiểu là 1,216 tỷ m ³ /năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 11.2
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 05.3 và 05.2	Tối thiểu 1,368 tỷ m ³ /năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 05-2 và Lô 05-3

Cam kết bán hàng

Cam kết mua hàng	Sản lượng cam kết	Sản lượng cam kết
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 1,85 tỷ m ³	Trong giai đoạn bình ổn theo hợp đồng GSA
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Phú Mỹ 3 BOT Power (PM3 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m ³	Đến tháng 9 năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Năng lượng Mekong (PM 2.2 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m ³	Đến tháng 2 năm 2024
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 0,447 tỷ m ³	Trong giai đoạn bình ổn theo Hợp đồng
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty Cổ Phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	Tối thiểu hàng năm là 0,785 tỷ m ³	Đến 31 tháng 12 năm 2036

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (công ty mẹ của Tổng Công ty) và các công ty con, các đơn vị thành viên và các đơn vị liên kết của Tập đoàn.

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng	15.409.008.031.343	15.194.472.331.486
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	331.429.707.589	400.473.729.711
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	1.657.542.009.353	1.850.201.125.342
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	388.105.804.405	368.544.901.174
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	53.842.107.460	301.662.323.463
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	8.938.657.161.510	7.569.266.117.067
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	655.098.143.353	930.949.495.113
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.925.729.381.144	3.085.919.532.378
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	440.830.190.037	594.340.055.729
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	17.773.526.492	93.115.051.509
Mua hàng	19.957.255.831.633	22.195.410.636.801
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	12.977.274.370.108	13.120.720.090.468
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	1.282.789.088.209	1.602.209.773.375
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	77.764.718.221	353.109.235.815
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	2.417.827.225.050	2.834.249.581.887
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	1.015.304.485.769	1.331.972.053.632
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	698.234.836.443	1.224.848.631.790
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	21.070.161.212	74.407.820.245
Công ty Cổ phần PVI	154.561.015.355	232.914.564.513
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.312.429.931.266	1.420.978.885.076

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải thu	2.591.769.460.603	1.029.359.866.314
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.793.797.384.201	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	300.993.564.258	322.091.491.561
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	212.363.643.743	132.509.629.764
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	14.381.743.761	121.510.807.698
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	85.630.652.651	81.988.510.881
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	47.089.648.144	47.089.648.144
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	3.498.659.653	106.251.863.521
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	19.279.627.448	112.582.377.609
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	114.734.536.744	105.335.537.136
Phải thu khác	3.367.403.977.326	980.053.021.177
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	3.317.403.977.326	930.053.021.177
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	50.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản phải trả người bán	1.321.795.319.949	1.046.819.807.829
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	178.006.615.026	268.570.470.013
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	56.096.604.759	83.115.849.740
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	683.919.727.236	431.640.534.777
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	21.810.553.947	40.826.832.598
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	263.217.117.733	170.541.465.913
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	118.744.701.248	52.124.654.788
Chi phí phải trả	1.789.445.973.948	1.078.645.117.034
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.663.334.080.854	944.745.923.253
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	126.111.893.094	133.899.193.781
Phải trả khác	236.778.868.158	299.033.363.436
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	184.739.076.582	179.762.707.008
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	52.039.791.576	119.270.656.428
Trả trước cho người bán	197.291.638.373	413.367.542.648
Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn	64.113.269.122	63.635.199.667
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	-	33.123.122.735
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	9.025.030.025	7.832.832.204
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	118.540.882.629	263.255.781.897
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	5.612.456.597	45.520.606.145
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn	1.440.000.000.000	1.565.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.440.000.000.000	1.565.000.000.000
Các khoản vay	252.387.022.979	416.646.742.406

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có các khoản cam kết bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán toàn bộ gốc vay, lãi vay, lãi quá hạn và các chi phí khác phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng của Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (PVPIPE) ký với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng. Số dư nợ gốc và lãi vay PVPIPE phải trả 02 ngân hàng nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 276,9 tỷ đồng và 23,5 tỷ đồng.

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và thanh toán gốc vay và lãi vay cho Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền khoảng 116,5 tỷ đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản vay và lãi vay PVPIPE phải trả trong năm 2017 của 02 ngân hàng là khoảng 111,1 tỷ đồng (chưa bao gồm lãi vay).

THÔNG TIN KHÁC

Ngày 20 tháng 6 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 86/2016/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật bảo vệ môi trường. Theo quy định của Thông tư trên, các doanh nghiệp có các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến hoạt động dầu khí bao gồm hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí, kể cả các hoạt động phục vụ trực tiếp cho các hoạt động này sẽ phải trích lập Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường. Theo Công văn số 5598/BTNMT-TCMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 28 tháng 11 năm 2016, phúc đáp Công văn số 2308/KVN-ATMT-PC&HĐK ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Tổng Công ty về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 86/2016/TT-BTC, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan để lập danh mục các đối tượng phải trích lập quỹ dự phòng rủi ro môi trường. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa nhận được hướng dẫn tiếp theo từ các cơ quan có thẩm quyền, do đó, Tổng Công ty chưa xác định và trích quỹ dự phòng rủi ro môi trường cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 03 tháng 01 năm 2017, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-KVN chấp thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Tổng Công ty đã được UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần CNG Việt Nam với giá trị chuyển nhượng không thấp hơn giá trị thẩm định tại chứng thư thẩm định giá ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Công ty TNHH Tư vấn và Thẩm định giá Phương Nam.

Ngày 17 tháng 02 năm 2017, Tổng Công ty và Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) đã ký kết “Thỏa thuận nguyên tắc về hợp tác đầu tư phát triển mỏ Sư tử Trắng - Giai đoạn 2 thuộc Hợp đồng Dầu khí Lô 15-1 bể Cửu Long trên thềm lục địa Việt Nam”. Theo đó, thông qua PVEP, Tổng Công ty sẽ góp 25% tổng mức đầu tư Dự án phát triển mỏ Sư Tử Trắng giai đoạn 2 có giá trị dự kiến là khoảng 500 triệu USD.


Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu


Vũ Trọng Hải
Kế toán trưởng


Dương Mạnh Sơn
Tổng Giám đốc



Ngày 22 tháng 03 năm 2017

Vì mục đích bảo vệ môi trường, báo cáo thường niên 2016 của tổng công ty khí Việt Nam được in với số lượng giới hạn và trên chất liệu giấy đạt chứng chỉ FSC. Hãy cùng chúng tôi chung tay vì một hành tinh xanh.



Vui lòng truy cập vào website
www.pvgas.com.vn

Để xem Báo cáo thường niên online 2016

